

Sư Phụ

Contents

Sư Phụ	1
1. Chương 1	1
2. Chương 2	9
3. Chương 3	17
4. Chương 4	39
5. Chương 5	50
6. Chương 6	65

Sư Phụ



Giới thiệu

Câu chuyện kể về 4 thầy trò tài giỏi tu tập võ nghệ và hô phong hoán vũ trên giang hồ. Các thầy trò

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/su-phu>

1. Chương 1

Dòng họ Nguyễn Sinh đã mấy đời cư ngụ bên bờ sông Tiền . Ông cố Nguyễn Sinh đã là một vị quan lớn trong triều . Ông nội anh , nổi tiếng là người văn hay chữ giỏi nên được mời vào cung dạy học cho Thái tử. Vốn là người cương nghị và thẳng tính, trong khi dạy học, ông nội anh đã nặng lời quở trách Thái tử nên bị vua đày vào Nam.

Đến đời cha Nguyễn Sinh, vốn liếng chữ nghĩa trong dòng họ anh vẫn được lưu truyền nên cha anh mở trường dạy học, sống một đời thanh bạch . Tuy nghèo nhưng suốt đời ông là tấm gương sáng của người quân tử, giữ tròn trung hiếu tiết nghĩa.

Đến đời Nguyễn Sinh, thời đại đã đổi thay, thi phú không còn được trọng dụng như xưa . Cha mẹ Nguyễn Sinh hiếm hoi . Năm mẹ anh bốn mươi tuổi mới sinh ra anh . Khi Nguyễn Sinh vừa chào đời thì cha anh

mất vì bệnh phổi . Mẹ Nguyễn Sinh thủ tiết sống một mình , nuôi con cho đến khi khôn lớn.

Vì cha mất sớm nên Nguyễn Sinh không được học hành. Sinh chỉ được mẹ dạy cho một số ít chữ , không đủ để lập thân nên anh sống bằng nghề chài lưới và câu cá để sinh nhai và nuôi dưỡng mẹ già.

Gia đình Nguyễn Sinh quá nghèo . Anh là người hiếu thảo , lo phụng dưỡng mẹ nên đến năm ba mươi tuổi vẫn chưa lập gia đình.

Nguyễn Sinh sống trong một căn chòi lá bên sông . Mẹ anh già yếu, không còn làm gì được . Trong nhà anh có nuôi một con mèo đen . Hàng ngày mẹ Nguyễn Sinh bầu bạn với con mèo mun đó.

Thuở ấy , miền Nam còn hoang vu, đất đai mới vừa được khai phá , dân cư thưa thớt . Sông ngòi chằng chịt . Đất thấp , phần lớn là đồng lầy , bao phủ bởi rừng cây , lấp xấp nước . Khí hậu độc địa . Dưới nước đầy thường luồng , cá sấu . Trên bờ đông đặc muỗi mòng.

Sống nơi sơn lâm chướng khí , rừng lầy , nước đọng , con người không thể sống dai được . Do đó , mẹ Nguyễn Sinh sống đến bảy mươi tuổi là thọ lắm rồi.

Một ngày kia , mẹ anh trở bệnh nặng . Bà vừa rét run vừa sốt , bỏ ăn bỏ uống.

Nguyễn Sinh đem mẹ đi trị bệnh khắp nơi . Anh bán hết đồ đạc trong nhà để lo thuốc thang cho mẹ nhưng bệnh không thuyên giảm . Các thầy thuốc đều bó tay , hết phương cứu chữa.

Nguyễn Sinh không còn cách nào cứu mẹ . Anh tuyệt vọng quá bèn nghĩ ra một cách để giải quyết vấn đề . Anh sẽ cùng mẹ và mèo mun ra giữa sông , trầm mình , tự vận cùng một lúc.

Sáng hôm đó mặt trời chưa lên , sương còn phủ mịt mù trên sông . Nhìn ra ngoài , Sinh chỉ thấy rừng cây san sát ẩn hiện trong màn sương trắng đục . Anh không phân biệt được đâu là trời , nước và đất.

Sinh thấy cảnh trời đất u ám và mịt mờ , nghĩ lại bệnh tình trầm kha của mẹ , anh càng cảm thấy xốn xang hơn . Nhưng không còn cách nào khác nữa Sinh đành ẵm mẹ và con mèo lên xuống.

Anh để mẹ trong khoang , trên có che mái lá . Còn con mèo nằm co rút bên cạnh mẹ.

Buổi sáng , trời đầy sương mù và gió lạnh . Nguyễn Sinh chỉ có bộ quần áo rách rưới, mỏng manh , không đủ che thân huống chi là ngăn được khí trời giá lạnh . Anh vừa run vừa cố chèo xuống ra giữa sông.

Sông rộng mênh mông như biển . Trời lại đầy sương mù.

Nguyễn Sinh không định được phương hướng . Anh cứ nhắm mắt mà chèo cho chiếc xuồng đi thẳng ra giữa sông . Mẹ Sinh đã già , vừa bệnh hoạn lại vừa lú lẫn . Bà không còn biết gì nữa , chỉ nằm rên từng hồi . Còn con mèo cũng chẳng biết gì , chỉ rút vào chiếc mền rách cho ấm.

Sinh chèo lâu lắm , đến lúc mệt gần đuối sức mới ngừng tay . Anh thấy dòng nước chảy mạnh hơn , biết đã xa bờ lắm rồi . Với sức nước mạnh như vậy , nếu rơi xuống giữa lòng sông rộng , giỏi lội như Sinh còn phải chịu chết đuối huống chi là mẹ và mèo . Anh chỉ cần xô mẹ và mèo xuống nước, sau đó tự trầm mình là kết liễu ngay cuộc đời khốn cùng của cả ba.

Suy nghĩ như vậy nhưng Sinh chưa làm được . Anh nhìn mẹ nằm thõ thoi thóp rồi nhìn mèo nằm ngủ say sưa . Quay ra ngoài sông , Sinh thấy dòng nước chảy cuộn cuộn, đập sầm sập vào mạn xuồng . Rớt xuống nước là chết ngay , Sinh biết như vậy . Mẹ Sinh bệnh nặng từ lâu , chẳng ăn uống được gì , người nhẹ lắm . Còn con mèo chẳng đáng gì . Anh chỉ hất mẹ một cái là xong . Còn mèo , anh chỉ phất tay là mọi việc ổn thỏa . Phần Sinh không đáng kể.

Anh có bao giờ tiếc rẻ cái sinh mạng rẻ tiền của anh đâu . Sinh chỉ phóng mình xuống dòng nước đó , thoát một cái là xong.

Nghĩ như vậy nhưng Nguyễn Sinh cứ ngồi thẩn thờ , chân tay không cựa cựa được.

Ngoài sông sương mù vẫn dày đặc . Chung quanh Nguyễn Sinh chỉ có một màu trắng mịt mù bao phủ . Nước chảy mạnh , chiếc xuồng bị lỏng tay chèo , xoay vòng. Sinh mặc kệ cho nó trôi theo dòng nước.

Suy nghĩ một hồi lâu để lấy can đảm . Nguyễn Sinh đưa tay định nâng mẹ lên . Anh biết , chỉ cần đẩy thật nhẹ thì mẹ sẽ rơi vào dòng nước.

Nguyễn Sinh còn dự dự chợt có tiếng sóng nước lao xao vọng lại . Giữa dòng sông vắng lặng chỉ có tiếng nước trôi đập vào mạn xuồng của Sinh mà thôi . Làm gì có sóng nước nào khác . Chẳng có ai ra giữa sông trong buổi sáng tinh mơ như Nguyễn Sinh . Không người nào làm chuyện điên rồ như vậy.

Mặc dù Sinh không tin có bất cứ ai nhưng sóng nước dội lại càng lúc càng rõ và càng lớn dần.

Anh ngồi lắng người chờ đợi , mắt nhìn chăm chăm về phía phát ra âm thanh lạ đó.

Sóng nước càng dậy lớn và tiếng vang càng rõ hơn . Bỗng nhiên , Nguyễn Sinh thấy trong màn sương xuất hiện một số người.

Anh há hốc miệng, trố mắt nhìn.

Từ trong sương , có nhiều người đang đi tới . Họ bước trên mặt nước nhẹ nhàng như đi trên đất bằng.

Nguyễn Sinh thấy đi đầu là một ông già râu dài , mặc quần áo như một vị thần mà anh thấy trong đền đài . Ông già ngồi trên chiếc xe có hai bánh , trông thật uy nghiêm . Phía sau có hai người đang đẩy xe . Trang phục của ông già thật lạ lùng mà chiếc xe cũng quái gở . Đi hai bên xe còn có nhiều người nữa . Cả thấy là chín người , có cả đàn ông và đàn bà . Họ mặc quần áo khác hẳn nhau . Có người mặc quần áo như các vị quan lớn trong triều . Có người trang phục sang trọng như phú hào . Có người khoác mấy mảnh vải thô , lưng cột dây gai , trông thật nghèo khổ.

Phía bên phải chiếc xe có năm người nâng năm cuốn sách thật dày . Bên trái là bốn người , cũng nâng bốn cuốn sách dày như vậy.

Sinh nhận ra là sách , nhưng các cuốn sách này không phải làm bằng giấy mà do nhiều mảnh tre kết lại mà thành.

Trong khi Nguyễn Sinh đang kinh hãi , há hốc miệng thì ông già ngồi trên xe cất giọng vang như tiếng chuông :

- Người là Nguyễn Sinh phải không ?

Ông già hỏi đến hai lần mà Sinh vẫn chưa định thần lại được.

Một người đứng bên phải , mặc quần áo nghèo khổ , lên tiếng nhắc nhở :

- Nguyễn Sinh , sư phụ ta hỏi sao người không trả lời ?

Sinh giật mình , run giọng đáp :

- Dạ , thưa ngài , con là Nguyễn Sinh.

Ông già gật gù :

- Tốt , người vốn là đứa con hiếu thảo.

Nghe giọng ông già hòa hoãn và hiền lành , Nguyễn Sinh bớt sợ , bèn ấp úng hỏi :

- Thưa ngài là ai ? Tại sao ngài biết tên con ?

Ông già nghiêm nghị nói :

- Người không cần biết ta là ai . Người chỉ cần lắng nghe và trả lời những gì ta hỏi.

Nguyễn Sinh run sợ đáp :

- Dạ , xin ngài dạy bảo.

Ông già nghiêm giọng , hỏi lớn :

- Nguyễn Sinh , người vốn hiếu kính , tại sao hôm nay định giết mẹ ?

Sinh giật mình , run rẩy đáp :

- Con không thể cứu mẹ nên định cùng chết với mẹ.

Ông già gần giọng hỏi :

- Người có biết tội bất hiếu nặng như thế nào hay không ?

Sinh sụp người , cúi đầu lạy :

- Tội con đáng chết . Xin ngài cho con chết để cứu mẹ.

- Ta không thể giết người để thế mạng cho kẻ khác , nhưng ta có cách cứu được mẹ người.

Sinh mừng rỡ , dập đầu lạy :

- Xin ngài làm ơn cứu mẹ con . Bao nhiêu tội lỗi , con xin chịu hết.

- Công ơn sinh thành , dưỡng dục nặng như thế nào , người có biết không ?

- Con biết . Thân xác này do mẹ tạo ra , con xin đem sinh mạng để cứu mẹ.

Ông già gật gù có vẻ bằng lòng :

- Ta không đòi người chết . Ta chỉ hỏi , người có dám đem tất cả sinh lực của người để đổi cho mẹ hay không ?

Sinh gật đầu , đáp ngay :

- Con chịu tất cả . Xin ngài giúp con.

Ông già gật đầu :

- Ta có bài học này , người mang nó về nhà , nhớ làm đúng như vậy.

- Dạ !

- Người nhớ rằng , khi mẹ người khỏe mạnh thì người sẽ sinh bệnh mà chết.

Sinh vội vã gật đầu :

- Con chịu hết.

Ông già vẫy tay ra lệnh . Tức thì một người bên phải , mặc quần áo giống như quan lớn trong triều , bước đến, trao cho Nguyễn Sinh một cuốn sách mỏng.

Cuốn sách này gồm một số miếng tre có khắc chữ.

Ông già nói tiếp :

- Người về nhà , theo lời dạy trong sách mà làm.

Nguyễn Sinh đưa hai tay đón nhận cuốn sách Anh kính cẩn cúi đầu lạy tạ . Khi Sinh ngẩng đầu lên , anh không thấy ông già và chín người kia đâu nữa . Chung quanh anh chỉ có sương trắng phủ mịt mù.

Bấy giờ , mặt trời chưa lên . Khí lạnh vẫn bao trùm cả dòng sông.

Nguyễn Sinh nhét cuốn sách vào người , hăng hái chèo xuồng trở về nhà.

Vừa cập xuồng vào bờ , Nguyễn Sinh vội vã ấm mẹ và mèo vào trong nhà . Sinh đặt mẹ ngồi trên giường , đưa vào vách rồi mở sách ra đọc.

Trong sách, vốn vẹn có ba mảnh tre khắc chữ . Hai miếng tre đầu chỉ cách thực hiện . Miếng tre cuối cùng khắc mấy câu lạ lùng , hình như là thần chú.

Sinh theo lời dạy trong sách , ngồi xếp bằng , đối diện với mẹ . Hai tay anh nắm hai bàn tay mẹ . Mắt anh nhìn thẳng vào mặt mẹ . Rồi vừa thở đều Sinh vừa đọc thần chú.

Sách dạy rằng , anh phải đọc thần chú ấy đến một ngàn lần . Sinh đâu nệ hà chuyện đó . Dù đọc đến một triệu lần , anh cũng làm được , huống hồ là một ngàn.

Ngoài trời sáng hơn . Mặt trời lên cao , sương tan bớt . Dòng sông hiện ra bao la . Bên kia bờ , mút mắt , có một hàng cây xanh chạy dài như một đường viền ngăn cách với nền trời trong vắt.

Trong nhà , Nguyễn Sinh thành khẩn , lâm râm đọc thần chú.

Sách đã dạy , cứ đọc thần chú đến một ngàn lần sẽ có hiệu nghiệm.

Sinh tin tưởng như vậy , anh không cần đếm , chỉ cố gắng tập trung tinh thần đọc thần chú cho thật đều.

Thời gian trôi qua , Sinh càng đọc càng cảm thấy mệt . Mấy ngày qua, anh quên ăn quên ngủ , lo săn sóc mẹ nên sức đã kiệt.

Sinh càng cố gắng trấn tĩnh thì mắt anh càng nặng trĩu và cơn buồn ngủ đến thật nhanh . Miệng Sinh vẫn đọc thần chú nhưng mắt anh đã nhắm và ngủ tự bao giờ.

Sinh không biết đã ngủ bao lâu . Đến khi anh giật mình tỉnh dậy thì trời đã xế chiều . Anh nhớ tới chuyện đang làm , hoảng hốt nhìn về phía mẹ.

Trên giường trống trơn . Mẹ Sinh đi đâu rồi, chỉ có con mèo mun nằm khoanh ở đó.

Sinh hoảng sợ , bước xuống đất.

Bỗng dưng chân anh chạm phải một người . Nhìn lại , Sinh thấy mẹ đang nằm dưới đất , bà ngược mặt , gương mặt lơ lơ nhìn anh.

Sinh cảm thấy xót xa quá . Không ngờ vì mệt mỏi đến ngủ quên , Sinh đã để mẹ ngã xuống đất như vậy . Anh lật đật ẵm bà lên , miệng gọi:

- Mẹ , mẹ.

Mẹ Sinh không nói gì . Bà nhắm mắt lại rồi mở ra nhìn anh , ánh mắt bà thật xa vắng.

Sinh vừa lắc bà cho tỉnh vừa kêu :

- Mẹ , tỉnh dậy mau.

Mẹ Sinh chỉ nhìn anh mà không nói gì , ánh mắt bà khác lạ , ánh mắt sắc xảo , sáng ngời.

Sinh hoảng hốt nhìn lại mèo trên giường . Mèo vẫn nằm đó , nhưng ánh mắt mèo hiền lành và thân thiết.

Sinh kinh hoàng hết nhìn mẹ lại nhìn mèo . Mẹ vẫn là mẹ . Mèo vẫn là mèo . Nhưng ánh mắt mẹ không phải của mẹ , ánh mắt mèo không phải của mèo . Tại sao vậy ?

Sinh hoảng hốt , lay mạnh vai mẹ , kêu gào :

- Mẹ Ơi , nói đi mẹ . Tại sao mẹ không nói ? Tại sao ?

Sinh lay mẹ càng mạnh hơn , miệng kêu khóc thảm thiết :

- Mẹ Ơi , nói với con đi mẹ.

Mặc tình cho Sinh la lối , mẹ anh vẫn im lìm . Sinh vội ẵm bà , đặt lên giường . Mẹ Sinh nằm cuộn người lại , thế nằm kỳ lạ.

Sinh chưa bao giờ thấy mẹ nằm như vậy . Có lẽ mẹ đói quá rồi . Sinh hy vọng như vậy. Anh chạy vào bếp , múc một chén cháo . Nhưng mặc cho Sinh đút cháo , mẹ không thèm ăn . Mẹ nhìn Sinh , thần sắc lạ lùng.

Sinh càng kinh sợ hơn . Anh quay lại nhìn mèo . Bây giờ mèo nằm duỗi chân , tư thế thoải mái . Sinh chưa bao giờ thấy mèo nằm như vậy.

Sinh nhìn lại mẹ , ngó qua mèo . Anh gào khóc:

- Mẹ Ơi , nói với con mau lên . Mẹ khỏe rồi phải không ?

Mẹ Sinh không nói gì . Sinh lại gào lên :

- Mẹ, nói mau lên . Mẹ đói phải không ?

Mẹ Sinh vẫn im lìm.

Sinh khóc thét :

- Mẹ , nói đi.

Sinh dang cánh tay mẹ thật mạnh . Bất chợt mẹ kêu lên . Tiếng kêu mẹ the the như tiếng của loài mèo.

Sinh trợn mắt , há hốc miệng . Anh đâm vào ngực , cào cào vào mặt mình . Máu Sinh tuôn ra nhưng anh không cảm thấy đau đớn chút nào.

Càng hoảng sợ Sinh càng tự hành hạ thân thể . Quần áo Sinh rách nát , máu chan hòa khắp người.

Tự đánh đập và cào cào một hồi lâu , chợt Sinh nhớ lại ông già mặc áo thần thánh và chín người học trò có chín cuốn sách ngoài sông . Tại họ ! Chính họ bày ra câu chuyện này . Sinh gào lên . Anh ẵm mẹ và mèo chạy xông ra ngoài.

Trời đã về chiều . Mặt trời lặn xuống dần bên kia sông.

Ngoài sông , sương lại phủ xuống , trắng mịn mù . Rừng cây ẩn hiện , lúc mờ lúc tỏ . Gió thổi mạnh nhưng Sinh không cảm thấy lạnh . Anh đặt mẹ và mèo vào khoang xuồng rồi chèo thẳng ra giữa sông.

Sinh găm đầu chèo xuống hùng hục như điên như dại . Sinh phải gặp lại ông già ấy . Ông già mặc áo thần thánh và chín người học trò có chín cuốn sách . Anh bắt đền ông già . Ông phải trả mẹ lại cho anh . Ông phải làm mọi sự trở lại như cũ cho anh.

Đến giữa dòng sông , nơi ban sáng Sinh gặp ông già và chín người học trò , Sinh không thấy ai cả . Chỉ có nước đập sầm sập vào mạn xuồng . Chung quanh, sương phủ trắng, mịn mờ.

Sinh gọi ông già . Tiếng kêu của anh trầm mạnh vang động cả dòng sông.

Mặc cho Sinh kêu gào khản cổ . Dòng sông vẫn vắng lặng . Không có âm thanh của ai đáp lại.

Không nản chí , Sinh la hét cho đến khi giọng anh khàn lại không còn phát ra âm thanh được nữa.

Đến lúc anh mệt mỏi sắp kiệt lực thì có sóng nước dao động mạnh và tiếng của ai như đang tiến dần lại . Sinh mừng quá , ngóng cổ lên nhìn.

Trong màn sương có ai đang đi trên mặt nước . Bóng người càng lúc càng rõ dần.

Sương tan bớt đi , một ông già cỡi trên lưng một con trâu đang đi nhẹ nhàng trên mặt nước . Ông tiến dần về phía Nguyễn Sinh , thong thả như đi trên mặt đất.

Sinh thấy ông già này khác hẳn , không phải ông già lúc ban sáng.

Ông già buổi sáng mặc quần áo sang trọng như y phục của thần thánh còn ông già này mặc quần áo đơn sơ và nghèo nàn . Quần áo ông rộng, chắp vá nhiều chỗ . Lưng áo ông có cột một sợi dây đan bằng thứ dây leo trong rừng . Tóc ông dài quá vai , râu dài quá ngực . Râu tóc ông đều bạc trắng . Mặt ông hồng hào , trơn láng như trẻ thơ.

Phía sau ông có một tiểu đồng , tóc để kiểu ba trái đào , tuổi chừng mười ba . Đứa tiểu đồng cũng mặc quần áo rách rưới , nghèo nàn . Nó đang nâng một cuốn sách dày . Sách cũng làm bằng nhiều miếng tre kết lại . Tiểu đồng có giắt một cây gậy trúc ở bên hông.

Nguyễn Sinh đang ngơ ngác nhìn thì ông già cất giọng trầm :

- Nguyễn Sinh , người làm gì mà la hét ầm ĩ như vậy ?

Sinh đã thấy nhiều chuyện lạ nên không còn sợ như lúc sáng , anh vội vã hỏi :

- Lão tiên bối có thấy một ông già ngồi xe với chín học trò hay không ?

Ông già cười hiền hậu:

- Người không cần gọi ta như vậy.

Sinh ngạc nhiên hỏi:

- Thế con gọi lão tiên bối như thế nào ?

- Người gọi ta như thế nào cũng được nhưng đừng bày đặt gọi cầu kỳ như vậy.

Sinh gật đầu:

- Dạ , nhưng ngài có thấy ông già đó hay không ?

Ông già không đáp, lại hỏi :

- Tại sao người hỏi ta về người đó ?

Sinh cau có đáp :

- Ông ấy hại mẹ con.

Ông già gật gù :

- Ta biết hết mọi chuyện . Ta đã gặp người đó cách đây hai ngàn ba trăm năm rồi . Ta đã dặn hẩn đừng bày đặt chuyện rối rắm cho thiên hạ mà hẩn không nghe . Bởi vì sự ước muốn của người đã động tới lòng hẩn nên hẩn mới xuống bày chuyện cho người.

Sinh khấn thiết nói :

- Con chỉ muốn gặp ông ấy để bắt đền cho mẹ.

- Tội nghiệt sinh ra vì người ấy bày chuyện cho người . Rồi tại vì người ngủ gục , để con mèo gần gũi và nhìn mặt mẹ người lúc dứt câu thần chú thứ một ngàn.

Sinh cúi đầu vừa lạy vừa van xin :

- Xin ngài giúp cho con.

Ông già gật đầu:

- đương nhiên , ta đến đây là để giúp người.

Sinh mừng rỡ, dập đầu lạy :

- Cám ơn ngài.

Ông già khoác tay nói:

- Người đừng lạy mà cũng đừng cám ơn . Ta nói cho người biết . Người là một đứa con bất hiếu.

Sinh sợ hãi đến toát mồ hôi , run giọng nói :

- Con biết lỗi rồi . Con đã định giết mẹ.

Ông già lắc đầu:

- Không phải chuyện đó . Điều mà người kia cho người là hiếu thảo chính thật là bất hiếu.

Sinh ngơ ngác hỏi :

- Thưa ngài , con không hiểu.

- Người không hiểu là phải . Mấy ngàn năm nay đã có được bao nhiêu người hiểu ta đâu . Người phải biết rằng , chuyện sinh tử là lẽ tự nhiên của tạo hóa . Mọi sinh vật đều có sinh và có diệt . Sinh và diệt không có nghĩa là có và mất . Sinh và diệt chỉ là hai dạng của một thể mà thôi . Con người được sinh ra bởi khí , rồi khí chuyển qua vật thể mà thành người . Khi con người hết dạng thể thì sẽ trở về dạng khí để chuyển hóa đi . Nếu người biết được như vậy thì không sợ chết nữa . Vì người có sợ cũng không thể tránh khỏi . Khi người hiểu được lý lẽ của tạo hóa thì an nhiên sống và thản nhiên chết . Người đã được tạo ra từ khí thì sẽ trở về khí . Cái hình hài người chỉ là dạng thể ngắn ngủi của đời tạm . Mẹ người cũng vậy.

Nguyễn Sinh cúi đầu ngẫm nghĩ.

Ông già nói tiếp:

- Tội bất hiếu của người là cố kéo dài cái dạng thể tạm của mẹ người . Tội bất nghịch của người là dám thay đổi cái lý lẽ tự nhiên của tạo hóa.

Sinh rên rỉ :

- Con không tiếc thân xác mình , chỉ sợ mất mẹ.

Ông già lắc đầu :

- Con người mang nhiều tội nghiệt lắm . Người có chín cuốn sách ấy đã gieo rắc đau khổ cho loài người . Ông ta đã ràng buộc con người vào lắm chuyện . Trung , hiếu cũng như nhân , nghĩa , lễ , trí , tín , chỉ ràng buộc con người vào sự khổ đau . Những điều ấy làm tăng thêm nghiệp chướng của lợi , danh và khiến con người đắm chìm mãi trong kiếp trầm luân , khổ ải . Người hãy nắm lấy lẽ đạo hóa , trở về sống với tự nhiên . Mọi sự đến và đi , có và mất chỉ là những biểu hiện tạm thời . Sống và chết chỉ là hai dạng thể ngắn ngủi của đời người.

Sinh cúi gầm đầu nghĩ ngợi một lúc rồi hỏi :

- Thế thì ngài dạy con những điều ngược với ông già ban sáng hay sao ? Ngài bảo con đừng trung với vua , đừng hiếu với cha mẹ , xử ác với loài người , bất nghĩa với con người, lỗ mãng với mọi người , nên làm ngu si đần độn , và thất tín với bất cứ ai hay sao ?

Ông già mỉm cười đáp :

- Cây được sinh ra từ đất thì rụng lá về cho đất . Nước chảy từ nguồn thì hóa hơi thành mưa trở lại nguồn. Xuân Hạ Thu Đông bốn mùa đúng hẹn . Không khí và đất đá nuôi dưỡng muôn loài có bao giờ mệt mỏi đâu . Mây bao giờ cũng bay lên cao và nước muôn đời đi về chỗ thấp . Tạo hóa sinh ra từng sinh vật nguyên vẹn hình hài đầy đủ chức năng có bao giờ ngu độn đâu . Tại sao người không biết học hỏi ở tự nhiên , trở về với tạo hóa . Những điều ta vừa nói đã có từ thiên cổ , sao người không nhìn thấy.

Sinh gục đầu yên lặng.

Ông già tiếp :

- Con người bày đặt ra lắm chuyện để tự làm khổ nhau . Người nên nhớ rằng , nắm càng chắc vượt càng đau , giữ cho lắm mất càng nhiều . Người hãy thuận theo tự nhiên mà sống.

Sinh cúi đầu cảm tạ :

- Cám ơn ngài đã dạy bảo.

Ông già lắc đầu , nói :

- Ta đâu có làm gì cho người đâu mà người cám ơn ta . Ta chỉ khêu gợi được những gì có sẵn trong người và tự người hành xử.

Mặc kệ Ông già nói gì thì nói , Sinh dập đầu bái lạy tạ Ôn . Khi anh ngẩng đầu lên thì ông già cười trêu và đứa tiểu đồng đã biến mất từ bao giờ.

Chiều đã xuống hẳn . Sương phủ dày đặc . Gió càng lạnh buốt và nước chảy càng mạnh hơn.

Chiếc xuồng bị nước cuốn xoay vòng . Sinh nhìn vào trong khoang . Mẹ nằm rên gừ gừ . Mèo dăm chiêu tha thiết.

Sinh cắn chặt hàm răng, nắm ngực áo mẹ , vất mạnh ra ngoài sông . Thuận tay anh vớt cổ mèo , ném phăng vào dòng nước.

Dòng sông chảy mạnh . Sinh nhìn nước cuốn mẹ và mèo . Cả hai trôi đi , dật dờ . Mẹ chơi vơi , quơ quào hai tay , kêu lên âm thanh thảm thương , quái gở . Mèo trôi lên , hụp xuống , giương đôi mắt nhìn Sinh , khổ đau , luyến tiếc.

Sinh cắn môi bật máu . Hai tay bấu lấy cổ . Mắt Sinh trợn trừng.

Mẹ và mèo chập chờn trên sóng nước.

Gió thổi mạnh . Nước đẩy mẹ và mèo trôi đi càng xa.

Nguyễn Sinh khụy xuống khoang xuồng . Hình ảnh mẹ chập chờn . Tiếng mẹ kêu thảm thiết . Sinh thét lớn , quơ quào nắm lấy con dao trong xuồng . Anh đâm thẳng con dao vào ngực , xuyên qua tim . Máu Sinh phun ra ông ọc xuống mặt sông . Nước loang máu đỏ một vùng.

Tiếng ông già còn văng vẳng bên tai anh : “Sống và chết chỉ là hai dạng thể của đời người . Cây sinh ra từ đất thì rụng lá về cho đất . Nước chảy từ nguồn thì hóa hơi thành mưa trở lại nguồn . Xuân Hạ Thu Đông bốn mùa đúng hên... ”.

Dòng nước vừa cuốn vừa xoay chiếc xuồng đi vùn vụt . Xác Sinh nằm gập bên mạn xuồng , đầu gục xuống nước . Máu Sinh lan đỏ , suốt một khoảng của dòng sông.

Trời chiều . Mặt trời đỏ ối , chập chờn trong sương . Gió thổi mạnh nước trôi xuôi...

2. Chương 2

Dòng họ của Được đã bốn đời đi ở đợ. Đến đời Được, kinh nghiệm ở đợ trong người anh đã đến mức nhuần nhuyễn tới cùng.

Từ cốt cách của Được, đến lời ăn, tiếng nói, nhất cử, nhất động, rõ ràng là một người ở đợ. Thấy anh, mọi người đều biết một tên ở đợ. Nghe Được nói, không cần nhìn, ai cũng biết anh là một tên ở đợ. Bất cứ ai, đã đến nhà Lão Gia, là chủ của Được, được anh phục vụ một lần, đều nhớ mãi. Họ không tìm ở đâu được một tên ở đợ giỏi như vậy.

Có người biết chuyện, nói với Lão Gia rằng, gia đình ông có phước vì có một tên ở đợ, như Được. Tìm cho ra một vị thầy thông thái thật khó thì tìm được một tên ở đợ có cốt cách cũng không phải dễ.

Lão Gia cùng Phu Nhân và cô con gái Tiểu Thư cho rằng người ta quá lời. Họ nói chỉ là xã giao ngoài mặt, cốt lấy lòng, thực sự, Được chỉ là một tên ở đợ thấp hèn.

Ông sơ của Được được ông cố của Lão Gia cứu sống sau một trận chiến thảm khốc. Từ đó, để đáp ơn cứu mạng, ông sơ của Được tự nguyện ở đợ cho người ân của mình. Chấn truyền ở đợ của dòng họ Được phát xuất từ đó. Qua đời ông cố, ông nội, qua cha, đến đời Được, khả năng ở đợ của anh càng lúc càng tiến triển và thấm nhuần vào cốt tủy.

Năm Được hai mươi hai tuổi thì cha mẹ Được đều lần lượt qua đời vì bệnh. Từ đó, Được bắt đầu chính thức cuộc đời ở đợ.

Được to lớn nhưng dáng không cao. Được khỏe mạnh nhưng trông yếu ớt. Được siêng năng nhưng ra vẻ biếng lười. Được khôn ngoan nhưng hình như ngu độn. Được làm việc giỏi nhưng không ai biết được.

Con người Được như thế. Được tuy to nhưng đầu cúi, lưng khòm, vai rút lại và nghiêng qua một bên, do đó trông Được nhỏ và yếu ớt. Mặt Được vuông vắn vì hai cằm bạnh, hàm răng thường cắn chặt, môi mím lại. Tóc Được rối bù, dài thượt, lòa xòa xuống tận vai. Tóc được cứng, đen mốc, gợi cho người khác hình tượng một bụi rể trệ Mất Được đã nhỏ, lại không chịu mở lớn. Anh nhìn người đối diện với tư thế nghiêng đầu. Theo tướng số, người ta bảo, Được là một kẻ gian hùng. Nhưng Lão Gia không nghĩ thế, ông cho rằng, một tên tốt phải có kiểu nhìn như vậy. Tức là, nhìn không dám ngó thẳng, nhưng không phải liếc. Nhìn thẳng một cách ngang nhiên, đối với người bình thường là kẻ chính trực, nhưng ở cương vị tớ, là thẳng hõn.

Chỉ ở người đầy tớ chân truyền như Được mới có kiểu nhìn như vậy. Còn chân mày Được đã đen lại rậm, trông như hai vệt lọ nồi được phết lên trán. Mũi được dài và to Sổng mũi gồ cao và cánh mũi phình ngang. Do đó, hai lỗ mũi anh héch lên và trống rỗng. Miệng Được rộng, tướng chòmng đút lọt cả bàn tay nắm.

Mặt Được đã khó coi như thế mà hình dạng anh cũng làm thương tổn cảm quan của kẻ đối diện. Được đi chậm, vẻ lừ đừ, nên trông anh vừa xấu vừa ngu độn. Anh làm việc từ tốn, cẩn thận, làm việc lúc vắng người, xong việc không để lại dấu tích. Vì thế Được có vẻ như một kẻ lười biếng.

Mặc dù bên ngoài trông tệ hại như vậy nhưng Được là người tin cậy của Lão Gia. Bất cứ việc gì quan trọng Lão Gia cũng giao phó cho Được.

Năm Lão Gia được ngũ tuần, ông vẫn chưa có con trai. Hai ông bà, Lão Gia và Phu Nhân, chỉ có vồn vẹn một người con gái là Tiểu Thư Năm ấy, Phu Nhân được ba mươi bốn tuổi còn Tiểu Thư vừa vặn mười sáu. Lão Gia cũng có mấy vợ lẽ và nhiều tì thiếp, nhưng không ai sanh cho ông con trai. Lão Gia buồn vì chuyện đó, ông thường than thở rồi đi cầu tự. Nhưng đã nhiều năm trôi qua, Tiểu Thư lớn dần, ngày càng xinh đẹp, tuổi Lão Gia đã cao mà chưa có con trai nối dõi.

Một ngày kia, người ta đồn ở tận nguồn sông Trường Lưu, trên núi Di Thần có một vị chân nhân thông thiên đạt địa. Vị này biết hết chuyện quá khứ vị lai, thường giúp đỡ nhiều người đạt được ước nguyện.

Vị chân nhân này tên là Thánh Sổng. Ngài tu từ thuở nhỏ, theo đạo riêng, không phải Phật giáo mà cũng không phải bất cứ tôn giáo nào khác. Trong đền của ngài thờ rất nhiều thần, quanh năm khói nhang nghi ngút, không bao giờ dứt. Dân chúng từ nhiều nơi đổ xô về, nhất là những dịp lễ lớn để nhờ Thánh Sổng đoán cho số mệnh, chỉ dẫn cách thức thoát khỏi tai nạn, được nhiều tài lộc và phước đức.

Người ta không biết tuổi của Thánh Sổng bao nhiêu. Chỉ biết ngài còn khỏe mạnh lắm. Thánh Sổng không những nổi tiếng vì tài năng mà còn ở đức độ. Ngài không bao giờ lấy tiền bạc của ai. Ngài chỉ giúp đỡ mọi người. Dân chúng tạ Ôn Thánh Sổng bằng tiền bạc, phẩm vật. Lâu ngày, danh tiếng của Thánh Sổng càng cao thì kho báu của ngài cũng lớn. Đệ tử xung quanh ngài đông lắm. Họ thần phục ngài, ca tụng ngài. Do đó mà ngài có tên Thánh Sổng. Một lời ngài nói ra đều được đệ tử ca tụng và dân chúng nhất định tuân theo.

Lão Gia nghe nói, mừng lắm. Ông bàn với Phu Nhân về chuyện cầu tự. Bà đồng ý. Hai người dự định sẽ lên núi Di Thần cầu xin Thánh Sổng giúp cho họ đạt được ước nguyện.

Năm đó, Lão Gia ra lệnh cho Được chuẩn bị mọi thứ cần thiết, đủ ba tháng cho cuộc hành trình.

Gia đình Lão Gia đi bằng thuyền. Tự nửa năm trước, ông đã cho người làm một chiếc thuyền thật lớn và đẹp.

Bề dài của thuyền đến ba mươi thước, bề ngang bốn thước. Mũi thuyền chạm hình linh ngư với hai mắt trợn trừng nhìn xuống dòng sông. Đuôi thuyền khắc hình rùa để trấn áp thường luồng và tà mị. Dọc hai bên thân thuyền có chạm trổ nhiều hình tượng thần linh.

Thuyền này có hai tầng. Tầng dưới chạy dài từ trước mũi cho tới sau lái. Phía trước thuyền dành một khoảng rộng làm sân để thưởng trăng. Khoang nằm chính giữa thuyền có hai tầng. Tầng trên chia ra hai phòng ngủ, một cho Lão Gia và Phu Nhân, một dành riêng cho Tiểu Thự. Tầng dưới cũng chia làm hai. Phía trước là phòng khách, phía sau là phòng ăn. Hai bên ngoài khoang có lối đi. Phần sau thuyền cũng chia làm hai. Phía trước là chỗ ở của Được cùng đám gia nhân và phu thuyền. Phía sau dùng làm nhà bếp. Tận cùng là phòng lái. Thuyền đi bằng buồm nếu gió thuận. Nếu không có gió thì bọn phu thuyền phải chèo.

Lão Gia chọn ngày tháng tốt và cuộc hành trình bắt đầu. Như thường lệ, hằng đêm Được vào vấn an Lão Gia và Phu Nhân để nhận lệnh cho ngày mai.

Đêm đó rằm, trăng sáng vàng vạc, Lão Gia ngồi trong phòng khách, trên tám bồ đoàn, bên phải có Phu Nhân, bên trái có Tiểu Thự.

Bên ngoài trời đã tối hẳn. Gió thổi qua cửa sổ khoang thuyền, mang theo hơi nước sông và sương đêm lạnh lạnh.

Đêm có trăng. Vầng trăng tròn treo lơ lửng trên nền trời, hiện rõ ngoài khung cửa sổ, ánh trăng chiếu xiên xuống tám chiếu hoa trải trong khoang thuyền.

Được ngồi xuống sàn thuyền, cúi đầu chờ lệnh. Từ lúc bước vào, anh đã ngửi được hương trà và mùi thơm khác thoang thoang.

Chắc chắn, mùi thơm ấy không phải của Lão Gia, ông già rồi, người gầy gò, khô khốc. Lão Gia vừa chẩn ngũ tuần nhưng trông già như kẻ thất thập cổ lai hị. Ông ngồi rũ trong bộ quần áo ngũ bằng lụa, rộng thùng thình. Không phải vì ông bị bệnh, phải ngồi thụp và lưng còng như vậy. Bao nhiêu năm rồi, từ khi Được lớn lên, tiếp nhận công việc ở độ của cha truyền lại, anh đã thấy Lão Gia có kiểu ngồi như thế tự bao giờ. Cách ngồi của ông, đầu ngược, mặt hướng thẳng nhưng lưng hơi cong, hai chân xếp bằng.

Hai chân ông, từ đầu gối xuống ống chân, xương xẩu tựa hai que tre. Do kiểu ngồi như thế nên dáng dấp của Lão Gia trông bạc nhược. Tóc ông hoa râm, búi ra sau, thường được quấn trong cái khăn màu xám đậm. Chỉ nhìn màu khăn, Được cũng biết là ngày nào trong tuần. Lão Gia chọn bảy màu cho bảy ngày trong tuần. Ông không thích màu vàng và màu hồng. Bảy màu của ông đều là màu xanh và xám lợt. Chúng thay đổi từ xanh lá cây lợt đến đậm, qua xanh dương da trời, rồi qua xám.

Đêm nay, Lão Gia quần cái khăn xám. Được biết là ngày Chủ Nhật. Bên ngoài cái khăn là mớ tóc muối tiêu được cuốn cẩn thận ra sau gáy. Mặt Lão Gia dài, cằm nhọn. Hai mắt ông nhỏ, thường híp lại, làm như hai mí trên của ông nặng quá, trĩ xuống, khiến ông mở không lên. Chân mày ông đậm. Nét đậm này, Được biết, không phải thật, mà chúng được viết chì tô điểm lên. Mũi Lão Gia cao, nhưng cao kỳ cục và ngổ ngáo. Sống mũi ông cao dựng lên, đến nửa chừng, đột nhiên đi ngang, và chót mũi quặp xuống. Vì thế, mũi Lão Gia trông giống như mũi của một loài két. Miệng ông rộng, môi thâm xỉ vì thuốc lá. Môi Lão Gia thâm cũng phải, vì ông hút thuốc rất nhiều và uống trà suốt ngày.

Như thế, toàn bộ nhân dáng và khuôn mặt Lão Gia có vẻ sang và không hiền. Sang, vì Lão Gia giàu có từ trong trứng nước. Chưa sinh ra Lão Gia đã giàu rồi. Mọi việc trên đời và bất cứ chuyện gì trong cuộc sống của ông đều có người lo và làm cả. Lão Gia không hiền, vì tất cả gia nhân đều bị Ông dành đập thậm tệ. Nhưng Được chưa bao giờ bị Lão Gia đánh vì anh đã đọc được hết mọi ý muốn của ông. Anh thực hiện trước mọi thứ cho Lão Gia và đúng ý ông.

Trong khoang còn hai người nữa. Phu Nhân và Tiểu Thư Mùi hương dịu dịu ấy phát xuất từ hai người này. Được không phân biệt mùi hương của người nào vì Phu Nhân và Tiểu Thư thường dùng chung một loại nước hoa.

Được không ngẩng đầu lên nhưng anh biết rõ cả hai người.

Phu Nhân đã đứng tuổi. Tuy đã ba mươi tư, có một con, nhưng bà trông còn quá trẻ. Lão Gia khô khốc bao nhiêu thì Phu Nhân tươi trẻ bấy nhiêu. Cốt cách Phu Nhân đài các. Vóc người bà mảnh mai. Dáng bà đi, mình xà uốn khúc. Bà thường bới tóc gọn ra sau, để lộ phần gáy cao thon và trắng ngần. Khuôn mặt Phu Nhân tròn, đầy đặn nhưng không mập. Chân mày bà đen đậm và cong quắc lên. Mắt bà nhỏ, thật sắc, đuôi dài và bén ngót như hai lưỡi gươm. Mỗi khi Phu Nhân giận dữ, đôi mắt bà trông đẹp lạ lùng. Ánh mắt bà vừa có vẻ uy hiếp lại vừa quyến rũ. Mũi Phu Nhân không cao, cánh mũi hơi phình, nhưng cân đối với khuôn mặt.

Miệng Phu Nhân rộng nhưng không vì thế mà giảm nét đẹp của bà. Có lẽ nhờ đôi môi cong của Phu Nhân. Môi trên Phu Nhân hơi vảnh lên còn môi dưới túm lại cho nên miệng bà tuy rộng mà trông thật khả ái. Cằm bà nhọn nên giảm bớt được vẻ thô của khuôn mặt tròn. Phu Nhân đẹp nhờ vào thân hình, lưng ong, eo thắt. Phu Nhân biết vậy nên thường mặc áo bó sát và phủ bên ngoài bằng lớp lụa mỏng.

Người cuối cùng trong khoang là Tiểu Thư Đỏ là người mà Được vừa muốn tránh né lại muốn gặp gỡ.

Tiểu Thư càng lớn càng đẹp. Cô chọn lọc hết vẻ đẹp của Phu Nhân và cả vóc dáng gầy gò của Lão Gia. Nơi Lão Gia, thân hình xương xẩu, xẩu xí bao nhiêu thì ở Tiểu Thư, trở nên mình hạc xương mai, trông đẹp bấy nhiêu. Người Tiểu Thư nhỏ nhắn, ẻo lả. Dáng đi của cô mềm mại, uyển chuyển. Cô đi như lướt nhẹ trên mặt đất. Được có cảm giác, Tiểu Thư bay chứ không phải đi.

Tiểu Thư đẹp quá. Được không hiểu sao trên đời lại có người đẹp như vậy. Khuôn mặt Tiểu Thư thon nhỏ. Chân mày cô không đậm mà không lợt. Chúng hiển hiện tự nhiên trên đôi mắt Tiểu Thư. Đôi mắt ấy lớn, ánh mắt long lanh nhưng lại ngây thơ và hiền dịu. Mũi cô cao, sống mũi thẳng, cánh mũi nhỏ. Chót mũi Tiểu Thư tròn đều. Môi trên cô hơi túm, môi dưới cong tròn ở giữa. Cả hai tạo cho vành môi Tiểu Thư mồm mĩm và tươi hồng.

Đêm nay là lần đầu tiên Được có dịp diện kiến cả ba người.

Mọi khi, anh chỉ gặp Lão Gia mà ít thấy Phu Nhân và Tiểu Thư.

Khoang thuyền chật nên Được ngồi đối diện với Lão Gia, bên trái gần Phu Nhân, bên phải sát với Tiểu Thư.

Vàng trắng sáng bên ngoài khung cửa sổ hiện rõ môn một phía sau lưng Tiểu Thư.

Nửa vàng trắng khuất sau vai cô, còn nửa trắng kia, ánh lên một vàng sáng vàng nhạt. Tựa như trăng đang phụ họa cho nét đẹp tuyệt trần của Tiểu Thư.

Thấy Được khúm núm lặng thinh, Lão Gia lên tiếng:

- Nhà người chuẩn bị pha trà chưa ?

Được cung kính đáp:

- Dạ, mọi thứ xong rồi. Tiểu nhân có mang theo những loại trà hảo hạng mà Lão Gia đặt mua bên Trung Quốc. Đây là các danh trà mà Lão Gia chưa thử qua.

Lão Gia trầm giọng:

- Hôm nay có Phu Nhân và Tiểu Thư, người phải chọn trà cho thích hợp.

Được cúi đầu:

- Tiểu nhân chọn Bích Loa Xuân.

Lão Gia nhìn Được đang quì móp trên sàn, ông cảm thấy tội nghiệp, bèn nhẹ giọng:

- Người cứ ngồi xếp bằng lại.

Được gật đầu:

- Cám ơn Lão Gia, Tiểu Nhân không dám ngồi xếp bằng trước mặt Lão Gia, Phu Nhân và Tiểu Thư Xin cho tiểu nhân ngồi như thế này.

- Người ngồi sao cũng được.

Được liền ngồi trên hai ống chân, hai bàn chân duỗi ra sau.

Một gia nhân mang vào lò và ấm nước đang sôi. Được ra dấu cho hắn đặt xuống sàn. Trong lò, lửa nóng hừng hực. Lửa bốc từ một thứ củi rất cứng, hầm thành than, nên nóng mà không khói.

Do đó nước sôi được kềm, không sôi hỗn. Nước không sôi ục ục, bọt lên cỡ mắt cua.

Được bày khai trà ra giữa chiếu. Một bình nhỏ cỡ nắm tay, màu nâu, trơn láng, không có chạm khắc hay hình vẽ. Đây là bình trà có từ đời ông nội của Lão Gia. Nhân một chuyến du lịch sang Trung Hoa, cụ nội cùng ông cố của Được đã mua nó ở Nghi Hưng.

Còn bốn chén chung và chén tổng được họ mua trong một dịp khác. Trên khay còn có chén đựng trà bằng gỗ, một cái gắp, và gạt tre.

Dòng họ Được gắn liền với gia đình Lão Gia. Thú uống trà được lưu truyền nhiều đời. Phía chủ, qua thời gian chỉ thưởng thức mà không thông suốt. Bên tớ, lâu dần càng tinh tường trong thú uống trà. Vì vậy, tuy Được nhỏ tuổi, nhưng trong đời ở độ đã được truyền nhiều kinh nghiệm về trà.

Lão Gia nhìn khay trà, lẩm bẩm hỏi:

- Người nói Bích Loa Xuân?

- Dạ.

Lão Gia hỏi xong, trầm ngâm không nói gì, ông yên lặng nhìn Được làm việc.

Được ngắm cái bình để đo lường dung tích rồi thông thả cho trà vào cái đựng. Anh thả trà vào bình, những cánh trà nhỏ li ti, màu xanh xám. Được đưa cái ấm cao qua ngực, cho tia nước nóng chảy đều vào chén tổng.

Được chế nước sôi từ chén tổng vào bình, rửa trà thật nhanh rồi đổ nước đi. Anh chế nước tiếp từ chén tổng vào bình, rồi để cái nắp bên ngoài, không đập vội lại.

Bấy giờ, trà bốc mùi thơm dịu dịu, tựa như hương hoa lan quyện với mùi cỏ trong sương. Hương trà thơm nhẹ, bốc lên thoang thoảng, không nồng do sự chế biến nhân tạo.

Trong khi đó, Được tráng nóng bốn chén quân. Anh đập nắp bình trà lại, thở thông thả, từng hơi sâu và đều đặn.

Sau cùng, Được rót trà lần lượt vào chung. Màu trà vàng lợt và xanh nhạt. Hương trà bốc lên thơm ngát.

Được hít một hơi dài, kính cẩn đưa hai tay dâng trà cho Lão Gia, Phu Nhân, và Tiểu Thư.

Nước trà xanh nhạt, thơm dịu dịu nhưng lại tỏa lên ngát ngào.

Khi thấm vào môi, nước trà làm cho người thưởng thức cảm thấy, vị ngọt mùi thơm, và tâm hồn lâng lâng sáng khoái.

Lão Gia nhấp một ngụm trà, giữ trong miệng một lúc. Thoát nhiên, ông cảm thấy tâm hồn phiêu diêu, thoát tục. Ông cảm thấy đầu óc thanh thoi, mọi điều bực bội, ham muốn, và hận thù đều tan biến đi.

Lão Gia lim dim thưởng thức. Một thoáng sau, ông đã uống cạn chung trà. Lão Gia nhìn lại thấy Được còn ngồi đó. Mắt anh đang nhắm nghiền, thần thái cực kỳ an nhiên. Ông tưởng như anh đang nhập định.

Lão Gia chợt thoát ra khỏi hương vị trà. Ông nhớ lại Được là một tên ở đợ mà hình như nó thưởng thức trà sành sỏi hơn cả mình.

Thoắt cái, ông nổi giận, nạt lớn:

- Được mày đang làm gì thế !

Tiếng hét của Lão Gia làm cả Phu Nhân và Tiểu Thư giật mình, nhưng Được, tuy sợ sệt mà không hốt hoảng, anh cúi đầu:

- Con có lỗi, xin Lão Gia trách phạt.

Hương trà Bích Loa Xuân vẫn tỏa lên thoang thoang trong phòng. Nó khiến Lão Gia không dám bộc lộ cơn giận dữ. Ông biết cư xử như thế không đúng phong cách một trà nhân, liền nuốt nước bọt, hạ thấp giọng:

- Mày ngủ gục hay sao?

Được cung kính đáp:

- Dạ , con đâu dám như vậy, chẳng qua vì hương trà quá thơm nên con đã xúc phạm Lão Gia.

Thấy thái độ khép nép của Được, Lão Gia bớt giận, ôn tồn bảo:

- Mày tiếp tục hầu trà đi.

- Dạ.

Ngoài trời tối dần. Trăng đã lên cao. Vầng trăng đầy, treo lơ lửng bên góc cửa sổ, hờ hững sau mái tóc Tiểu Thư.

Bấy giờ, khung cảnh hoàn toàn yên lặng. Bên ngoài, trăng chiếu xuyên qua cửa sổ, trải dài trên sàn khoang.

Mọi người trong phòng lặng thinh, nhưng mỗi sự im lặng được diễn ra theo một phong cách khác. Lão Gia và Được say mê thưởng thức trà, còn Phu Nhân và Tiểu Thư ngồi yên lặng.

Thuyền đi xuôi gió, nhờ buồm, nhưng ngược dòng nước nên phu thuyền phải rón sức chèo. Thuyền tiến chậm, qua hết phố thị, ruộng đồng, đến những vùng đồi núi hoang vu.

Núi Di Thần ở tận nguồn của sông Trường Lưu nằm trên một ngọn cao trong những dãy núi nhấp nhô. Muốn đến đó, người ta phải vượt đoạn đường sông thật dài.

Trăng tròn rồi khuyết, đến ba lần thì thuyền đến một thị trấn nhỏ. Đến đây, sông trở nên khúc khuỷu và nhiều gành thác nên lộ trình phải chuyển sang đường bộ. Một số phu ở lại trên thuyền.

Lão Gia ra lệnh cho Được tuyển vài tên khỏe mạnh đi theo. Họ thuê ba chiếc xe chở người và hành lý, tiếp tục lên đường vào núi.

Đi được ba ngày mọi người tới một thị trấn nhỏ. Trước kia, thị trấn này nghèo nàn và thưa dân nhưng trở nên phồn thịnh từ khi có Thánh Sòng. Người ta quên hẳn tên cũ của thị trấn. Khách thập phương cứ dùng tên sông Trường Lưu để gọi. Chẳng mấy chốc mà thị trấn có tên mới là Trường Lưu.

Đền Thánh Sòng được cất dựa vào sườn núi. Mặt đền quay ra một vùng đất rộng, phẳng phiu. Từ đó lên đền phải qua năm mươi bậc tam cấp.

Chờ đến ba ngày, gia đình Lão Gia mới được Thánh Sổng cho gặp mặt. Nhưng không ai thấy được mặt Thánh Sổng. Mọi người chỉ được gặp ngài qua một bức màn đỏ. Người ta chỉ nghe giọng nói Thánh Sổng trầm âm. Tiếng nói của ngài có ma lực, vang rền trong khoảng không gian đầy ngập khói nhang và hương nồng. Chưa có ai kháng cự lại lời dạy của ngài. Họ nghe theo, tự nguyện và thần phục.

Lão Gia cũng vậy. Lời Thánh Sổng ban ra như sét nổ bên tai ông.

Thánh Sổng cho biết Lão Gia không có con trai vì mắc một lời nguyện từ đời trước. Người hiện thân của lời nguyện là đứa con gái hiện tại của Lão Gia. Đứa con gái đó đã khiến cho Lão Gia bị tuyệt tự con trai, không người nối dõi.

Lão Gia nghe lời Thánh Sổng. Ông tin tưởng và giận con gái mình lắm. Ông chỉ muốn giết Tiểu Thư cho hả dạ. Nhưng Thánh Sổng vốn là bậc quyền uy và độ lượng. Ngài có thể giải quyết bất cứ chuyện gì.

Để giải lời nguyện ấy, không những Phu Nhân nhận phép của Thánh Sổng mà Tiểu Thư cũng phải chịu lễ trừ tà. Thánh Sổng cần làm phép một tuần và tất cả các buổi lễ phải tiến hành trong đêm.

Lão Gia mừng lắm, bày lễ vật cúng và vái lạy cảm tạ.

Đêm đó, trời tối tăm không trăng. Gió lạnh buốt xương.

Được phải hộ tống Phu Nhân và Tiểu Thư đến đền Thánh Sổng.

Kiểu dưng ở ngoài, mọi người không được bước lên bậc thềm trước đền. Chỉ có phu Nhân và Tiểu Thư là những người chịu lễ ban ơn của Thánh Sổng mới được vào đền.

Đêm càng về khuya càng lạnh. Được ngồi co ro bên bậc thềm, mắt hướng vào trong.

Đêm thật yên lặng. Được ngửi được mùi trầm hương thoang thoảng từ cửa đền bay ra. Hương thơm kỳ lạ. Được hít vào vài hơi đã thấy thần trí phiêu diêu thật dễ chịu.

Hai đệ tử của Thánh Sổng canh gác bên ngoài, cũng phải đứng cách cửa chính thật xa. Họ vừa canh vừa ngủ gật. Được không biết họ ngủ gục vì buồn ngủ thật sự thay vì mùi hương kia.

Đến quá nửa đêm, mùi hương không còn tỏa ra nữa. Từ bên trong đền có tiếng chuông vọng ra.

Hai đệ tử được lệnh của Thánh Sổng đánh thức Được và mấy khu khiêng kiệu dậy.

Phu Nhân và Tiểu Thư được đưa ra ngoài. Trời tối mịt. Thần trí của Phu Nhân và Tiểu Thư phiêu diêu. Họ đi đứng dật dờ.

Được mừng thầm, quả nhiên bùa phép của Thánh Sổng linh nghiệm thật.

Cuộc lễ của Thánh Sổng diễn ra mỗi đêm như vậy.

Đến ngày thứ bảy Lão Gia mừng lắm vì sắc mặt của Phu Nhân và Tiểu Thư hồng hào, tinh thần sáng khoái. Cứ chiều đến, hai người nôn nả sửa soạn để được vào làm lễ với Thánh Sổng.

Cuộc hành lễ diễn ra thật tốt đẹp. Đoàn người trở về. Hết đoạn đường bộ, họ về lại đường sông. Lần này, thuyền vừa xuôi con nước và thuận gió nên đi rất nhanh.

Thời tiết tốt đẹp. Đêm mát. Trời trong. Trăng khuyết nhưng sáng dịu dịu. Lão Gia cho đó là điềm lành.

Cuộc hành trình đi hơn một tháng thì Lão Gia có tin mừng. Phu nhân có thai. Lão Gia tin tưởng ông sẽ có con trai. Vì sau cuộc hành lễ, Phu Nhân tươi trẻ hơn và yêu mến ông thật nồng nàn.

Ba tháng sau ngày hành lễ, Tiểu Thư bị bệnh nặng.

Một buổi sáng tinh sương, Được đang mê ngủ phải choàng dậy vì tiếng người xôn xao bên ngoài. Được chưa kịp ngồi lên thì hai gia nhân xông vào trói quặt hai tay Được ra sau rồi lôi anh sên sệt ra ngoài. Họ kéo Được suốt dãy hành lang dài hun hút rồi ném anh ra giữa sân.

Trời u ám, mưa lâm râm, gió từng cơn lạnh buốt. Trên khoảng sân rộng đã có nhiều người đứng lố nhố. Lão Gia đang ngồi trên chiếc ghế rộng. Hai bên có gia nhân căng lộng che mưa. Phu nhân ngồi ủ dột bên cạnh ông. Gia nhân đứng yên lặng hai bên.

Được ngoái đầu ra sau, thấy một người bị cột vào một cọc cây, gục đầu rũ rượi.

Được thẳng thốt gọi:

- Tiểu thư.

Lão Gia lớn tiếng nói:

- Người còn gọi Tiểu Thư à ! Thằng phản phúc.

Được ngơ ngác hỏi:

- Thưa Lão Gia, con đã làm gì ?

Lão Gia tức giận, hét lớn:

- Mày còn giả mù sa mưa. Mày đã làm gì Tiểu Thư ?

- Con làm gì ?

- Trói nó vào cọc kia. Bỏ chúng nó đói khát ngoài mưa cho đáng tội.

Lão Gia nói xong, quay lưng trở vào trong. Phu Nhân cùng gia nhân đều lần lượt bỏ đi.

Mưa rơi lấp xấp. Gió biết lạnh từng cơn.

Tiểu Thư bị trói quặc hai cánh tay ra sau trụ cây. Người cô cong oằn, rũ rượi. Nước mưa thấm ướt quần áo Tiểu Thư Tóc cô chảy dài trên bờ lưng cong, hằn đậm trên màu áo trắng.

Có lẽ Tiểu Thư bị trói lâu lắm rồi. Được thấy, hai chân cô khuyu xuống, đầu gối chùi vào đất bùn. Nước lẫn bùn nâu sẫm, chan hòa trên hai bàn chân thon nhỏ của Tiểu Thư.

Tiểu Thư đau đớn và lạnh lắm. Được biết như vậy. Tiểu Thư đau mà Được cảm thấy khổ hơn bản thân mình phải chịu.

Được vuốt mặt, khẽ hỏi:

- Tiểu Thư ?

Được gọi ba lần. Tiểu Thư lặc giọng, đáp:

- Người biết chuyện gì không ?

Được im lặng.

Mưa đều hạt. Gió lạnh từng cơn.

Được chờ đợi.

Tiểu Thư nói tiếp:

- Ta có thai ba tháng.

Một cơn sét vừa chụp xuống, sấm động rung chuyển đất trời. Nhưng Được không hề biết. Được gặp người xuống, cắn răng bật máu.

Tiểu Thư hỏi nhỏ:

- Tại sao người đau khổ ?

Được lặng thinh. Mưa tuôn xuống nhiều hơn. Nước đổ như trút. Gió bùng từng mảnh áo mỏng manh.

- Người có biết đứa con trong bụng ta là của người hay không ?

Sấm chớp lại vang lên. Được thẳng thốt, hỏi:

- Tại sao vậy ?

Tiểu Thư run rẩy đáp:

- Ta nói với Lão Gia và mọi người, cái thai là con của người.

Được gục đầu im lặng. Tiểu Thư giữ đều giọng:

- Chỉ có người mới cứu được ta.

Được cảm thấy mặt môi. Những giọt máu đỏ vừa rơi xuống bùn. Được cảm thấy choáng váng.

- Tôi là đầy tớ, thấp hèn.

Tiểu Thư nói:

- Người hèn mọn nhưng thanh cao ở chỗ thấp mà lòng không thấp.

- Tôi xấu và bẩn cùng.

- Người xấu người nhưng lòng người tốt. Người làm mà không tỏ, nên việc mà không kể. Bấy lâu nay, ta hiểu lòng người lắm.

Được lặng yên, cảm thấy lạnh.

Tiểu Thư thốt thức nói:

- Người có giận ta không ?

Được lắc đầu.

Tiểu Thư nói tiếp:

- Kể từ bây giờ, ta thuộc về người. Vậy thì, người có vui không ?

Được gật đầu.

Tiểu Thư không nói gì nữa.

Mưa trút nước, mặt mờ. Gió từng cơn, quất rít rít vào thân thể Được và Tiểu Thư.

Nước bùn dâng lên, lầy lội. . .

Được lết đến gần, cúi trối cho Tiểu Thư Hai người ngồi xuống bùn.

Tiểu Thư ngồi trong lòng Được.

Mưa rơi mạnh và đều. Gió dữ và hăng. Được cảm thấy ấm áp giữa đất trời giá lạnh

Rồi mưa tạnh gió yên. Có mấy người đi lại, tiếng chân đạp vào bùn rất gấp.

Tiếng Phu Nhân ghen ngào:

- Các người cất giữ mấy thứ này, làm hành trang và lộ phí. Lão Gia không muốn thấy mặt các người nữa.

Phu Nhân vừa nói vừa cúi xuống, ôm Tiểu Thư Hai người khóc ghen ngào.

Gia nhân trao cho Được một bọc vải. Anh loạng choạng đứng lên. Họ kéo một chiếc xe kéo, bốn bánh, bằng gỗ đến cho Được, rồi khiêng Tiểu Thư, bỏ lên xe.

Mưa đã tạnh, tuy yên gió nhưng trời vẫn lạnh. Được phủ một chiếc mền rách cho Tiểu Thư, rồi cúi người, kéo xe đi.

Trời trong. Mây tan và nắng bắt đầu lên.

Được oằn người, cong lưng, gập vai lại mà kéo xe. Bùn lầy lội. Chiếc xe nặng nề lăn bánh. Ngồi gia trang của Lão Gia chìm khuất sau mấy rặng cây xanh.

Tiểu Thư nằm im, thêm thiếp.

Được dừng xe, cúi đầu về phía núi Di Thần, bái tạ:

- Cảm ơn Thánh Sống. Nhờ ngài mà con thoát kiếp tội đời và được cả Tiểu Thư Tạ Ôn Thánh Sống.

3. Chương 3

Huỳnh Đệ được mười tuổi nhưng tâm trí như đứa trẻ lên năm. Đệ cao lớn so với tuổi, đứng ngang vai một người lớn. Tuy hình dáng Đệ khô ngô, cử động lạnh lẽo, nói chuyện nhanh nhẩu, và ứng biến giỏi, nhưng Đệ lại là đứa trẻ dốt.

Khuôn mặt Đệ thon đều, trán rộng, mắt to, chân mày rậm. Mũi Đệ cao, cánh mũi nhỏ. Miệng Đệ rộng, môi dày. Tóc Đệ đen nhánh và dài, thường được cha mẹ cột ra sau gáy. Nhưng Đệ không thích như vậy. Ra khỏi nhà, Đệ xóa tóc lòa xòa xuống vai.

Hình hài và dáng dấp của Huỳnh Đệ như vậy. Rõ ràng, Đệ không phải là đứa trẻ trì độn. Nhưng Đệ có tật lớn là chẳng chịu học hành, chỉ thích rong chơi ngoài đồng. Hằng ngày Đệ câu được nhiều cá, bẫy được nhiều thú rừng. Nhờ vậy, cha mẹ Đệ không phải mua thức ăn.

Cha Đệ vốn là thầy giáo trong làng, thông thạo chữ nghĩa, thường mong muốn Đệ phải được học hành đến nơi đến chốn. Cha Đệ dạy được bốn chữ thì Đệ quên hết. Ngày hôm sau, không ôn lại thì Đệ quên hết, chẳng giữ được chữ nào.

Ngồi trong lớp học, Đệ thích nhìn qua cửa sổ. Thầy giáo bắt Đệ chăm chú thì Đệ mơ tưởng đến sông rộng, rừng rậm, tôm cá, và chim muông.

Cha mẹ Đệ buồn lắm, bèn gửi Đệ đến nhà một người bạn, vốn là thầy giáo giỏi và nghiêm khắc. Được ba tháng, người bạn trả Đệ về ông ấy bảo rằng, thằng nhỏ này coi vậy mà ngu độn, không thể dạy được.

Cha mẹ Đệ buồn lắm nhưng vốn hiếm hoi, chỉ có Đệ là con một nên ông bà quyết chí tìm thầy cho Đệ.

Một hôm có người mách bảo trên núi cao gần đó có ngôi chùa Bạch Vân là nơi thanh tịnh. Vị Phương trượng của chùa là người đạo hạnh, nghiêm túc, tinh thông chữ nghĩa. Bất cứ ai lên chùa học đạo đều trở thành người tốt. Nghe vậy, cha mẹ Đệ mừng lắm, liền chuẩn bị đồ cúng, hoa quả, và tiền bạc để đưa Đệ lên chùa.

Sáng hôm đó, cha mẹ dẫn Đệ lên núi. Đường dốc lên, khúc khuỷu. Cha mẹ Đệ mang nhiều hành trang nặng nề. Đệ tuy mười tuổi nhưng lớn xác, khỏe mạnh nên gánh vác đồ đạc cho cha mẹ.

Đệ không sợ làm việc nặng nhưng ngại lên chùa, phải học chữ. Đệ vừa đi lên chùa vừa nhớ sông, nhớ rừng. Đệ thèm cá, thèm thú. Tất cả không còn nữa. Đệ buồn lắm. Từ nay, Đệ không còn gặp lại bạn bè, cảnh cũ.

Đường lên cao, quanh co, dốc ngược. Đệ nhìn lại, làng xóm khuất sau mấy rừng cây xanh.

Trời về trưa, nắng càng gắt. Mặt trời lên cao, xéo trên đỉnh đầu. Nắng chiếu nóng bỏng, Đệ mệt, thở hồng hộc nhưng không dám than vãn.

Quá trưa, ba người lên đến chùa.

Đệ ngồi chờ bên ngoài phòng đợi. Cha mẹ vào trong yết kiến Phương trượng.

Chùa rộng mênh mông. Đệ không biết có bao nhiêu phòng. Từng dãy nhà nối nhau san sát. Phía trước chùa có trồng nhiều cây lớn, tàng lá thật rộng, che mát cả một vùng. Phía sau chùa, Đệ không biết được, nhưng thấy cây rừng bát ngát, lá xanh vươn cao ngất tận trời.

Đệ mừng lắm, có rừng là có thú.

Chờ một hồi lâu. Cha mẹ trở ra, dẫn Đệ vào bái tạ Phương trượng. Đệ thấy một vị sư già, râu tóc bạc phơ, mặt hồng hào, dáng điệu hiền lành. Vị sư không nhìn tới Đệ, ra lệnh cho một chú tiểu hướng dẫn Đệ đi.

Cha mẹ Đệ bùi ngùi từ giã. Ông bà dặn dò Đệ đủ chuyện nhưng Đệ chẳng nhớ điều gì.

Căn dặn Đệ nhắm chừng đã đủ, cha mẹ vái lạy phương trượng, cảm ơn mấy nhà sư chung quanh rồi cáo lui.

Đệ hết nhìn các tượng Phật, bàn thờ, lư hương,... rồi ngó vách tường, cột nhà

Lúc Đệ nhìn lại, bắt gặp ánh mắt Phương trượng nghiêm trang, sắc lạnh. Đệ rùng mình, ngơ ngác.

Một chú tiểu bước lại gần, nói như ra lệnh:

- Tôi là A Dụ Chú mang đồ đạc theo tôi.

Đệ nhìn chú tiểu A Du, định cự nự vì lối xưng hô kiểu đàn anh. Mặt A Du non choét nhưng có lẽ lớn tuổi hơn nên Đệ nhẫn nhịn.

Đầu A Du trơn láng, để tóc ba chỏm. Đệ nhìn A Du rồi tưởng tượng đến lúc các nhà sư trong chùa sẽ cạo đầu mình. Mái tóc dài xỏa vai của Đệ sẽ bị họ cắt phăng đi. Da đầu Đệ sẽ trọc nhẵn như vậy.

Đệ ngó A Du, chán nản. Nước da A Du trắng xanh, ánh mắt buồn bã.

A Du nói như đọc kinh:

- Chú Đệ, có nghe tôi nói không, mang đồ đạc theo tôi về phòng.

Đệ gật đầu, nới gót A Du, dật dờ bước đi. Chùa rộng quá, đường xá quanh co, phòng ốc ngổn ngang, Đệ không định được phương hướng. Đệ bắt đầu lo, tìm đường trốn ra khỏi chùa không phải dễ dàng như Đệ tưởng.

Đi được một khoảng, Đệ càng cố nhớ càng nhứ đầu thêm. Rồi đi một hồi lâu, Đệ hoàn toàn mất phương hướng.

Bỗng dưng, A Du rẽ qua một hành lang âm ỉ. Chỗ này, phòng ốc làm bằng gỗ, cũ kỹ.

A Du dừng lại trước một căn phòng tối tăm, từ tốn nói:

- Đây là phòng của chú.

Đệ nản quá, lên giọng:

- Anh nói lớn một chút có được không? Anh nói sao giống như đọc kinh vậy.

A Du trừng mắt:

- Chú không được nói lớn, sư phụ sẽ quở phạt.

Đệ hậm hực hỏi:

- Sư phụ anh là Phương trượng phải không ?

A Du lạnh lùng đáp:

- Không phải, Phương trượng lớn hơn sư phụ tôi nhiều lắm.

- Thế thì, anh gọi Phương trượng bằng gì ?

- Tôi không biết, Phương trượng là sư phụ của sư phụ tôi.

Đệ lắc đầu hỏi lại:

- Anh nói khó hiểu quá. Phương trượng cao tới hai lần sư phụ, tu gì mà phân nhiều cấp quá vậy ?

A Du hoảng hốt bịt miệng Đệ:

- Chú coi chừng, nói bậy bị phạt nặng lắm.

Đệ hỏi:

- Bị phạt như thế nào?

- Gánh nước, bửa củi, nấu cơm, quét nhà...

Đệ bật cười:

- Phạt gì mà nhẹ quá vậy, tôi đâu có sợ. Có khi nào anh bị đánh đòn không ?

- Có chứ. Mấy thứ hình phạt mà tôi vừa kể cho chú nghe là dành cho tội nhẹ.

- Còn làm thế nào bị tội nặng ?

- Ăn mặn, nói dối, uống rượu, trộm cắp...
- Ăn mặn cũng bị tội hay sao ?
- đương nhiên.
- Nếu gây tội ăn mặn, bị phạt gì ?
- Ngồi trong phòng sám hối từ một đến ba ngày, hay hơn nữa.

Đệ le lưỡi:

- Ngồi trong phòng sám hối thì chán thật.

A Du hất hàm nói:

- Chú vào phòng. Nhớ, không được nói lớn, không được cười giỡn, chỉ đi chớ không được chạy, còn nhiều chuyện lắm.. . Tôi sẽ dạy cho chú.

Đệ ngạc nhiên, trở mắt hỏi:

- Anh dạy cho tôi.
- Chứ sao. Tôi sẽ dạy chú chữ và nhiều thứ khác.
- Vậy anh là sư phụ của tôi.

A Du đáp:

- Không phải, tôi chỉ là sư huynh của chú mà thôi. Khi nào làm lễ xong, chú phải gọi tôi là sư huynh.

Đệ lắc đầu:

- Anh lớn hơn tôi chừng năm tuổi là cùng. Ba tôi, các bác, các chú còn dạy chữ cho tôi không nổi nữa mà. Con nít như anh mà đòi dạy chữ cho tôi sao.

A Du lạnh lùng nói:

- Phương trượng đã cắt đặt công việc cho sư phụ tôi rồi. Sư phụ bảo tôi dạy chữ cho chú.

Biết cãi cũng không được gì, Đệ hỏi tiếp:

- Thế tên tôi sẽ là gì ? Tôi có được giữ tên cũ không ?
- Chú sẽ có tên mới.
- Pháp danh phải không ?
- Cái gì mà pháp danh.
- Tên chú có thể là A Đệ.

Đệ vừa thất vọng vừa bực bội:

- Cái gì mà A Đệ. Tên tôi là Huỳnh Đệ. Thế thì cứ thêm chữ A trước chữ Đệ là thành pháp danh.
- Đó không phải là pháp danh, chỉ là cái tên để mọi người gọi chú, biết không ?

A Du nói xong, khoác tay ra hiệu cho Đệ bước vào phòng và trùm mắt, ý chừng bảo Đệ khôn hồn thì câm họng. Đệ im lặng, chẳng phải vì sợ A Du mà chán hấn và cả mọi người trong chùa.

Đến chiều, A Du trở lại. Hấn cho biết, từ nay tên gọi của Đệ là A Đệ. Sau đó, hấn trao cho Đệ một mảnh giấy ghi lịch trình làm việc hàng ngày. Xem lướt qua tờ giấy, Đệ không hiểu gì cả, bèn hỏi:

- Giấy ghi chuyện gì vậy ?

A Du nhìn Đệ với ánh mắt giấu cợt rồi nói:

- Từ sáng, chú phải thức dậy sớm và đến phòng tụng niệm chung với mọi người để tụng kinh. Sau đó, chú đi xách nước, quét nhà, bữa củi, khiêng gạo, nhóm lửa. Rồi chú ăn trưa, sau đó tụng kinh và tiếp tục làm những việc ban sáng. Đến chiều, chú được ăn cơm, dọn dẹp, và tụng kinh cho đến tối.

Nghe qua, Đệ vừa kinh hãi vừa tức giận, xô A Du qua một bên, quát lớn:

- Tôi đi về.

A Du chậm rãi nói:

- Làm sao chú biết đường mà về. Hơn nữa ai cho phép chú.

Đệ nghe A Du nói có lý, bèn quay lại:

- Được, tôi sẽ làm việc, nhưng tôi có phạm tội gì đâu.

- Tất cả mọi người mới vào đây phải làm những công việc giống nhau như vậy, chứ không phải bị tội.

Đệ gật đầu vâng dạ. Từ đó, Đệ chăm chỉ làm việc với mưu toan trốn thoát khỏi chùa.

Đệ làm việc cật lực suốt ngày như vậy gần một tháng thì một hôm A Du đến, bảo rằng:

- Ngày mai, chú sẽ bắt đầu học chữ.

Đệ vâng dạ:

- Được, anh sẽ dạy cho tôi phải không ?

A Du ưỡn ngực nói:

- Tôi sẽ dạy chữ cho chú. Khi chú thông thạo chữ, tôi sẽ dạy cho chú học kinh sách.

Đệ ngán ngẩm nói:

- Từ từ mà, tôi còn phải làm việc, đâu có thì giờ.

A Du nghiêm sắc mặt:

- Chú không được cãi. Ngày mai có người mới vào, sẽ phụ việc với chú. Lúc ấy, chú sẽ có thì giờ học chữ.

Biết thoái thác cũng không được, Đệ đành gật đầu:

- Tôi sẵn sàng.

A Du lên giọng:

- Bắt đầu ngày mai chú phải gọi tôi là sư huynh.

Đệ ngược lên nhìn A Du. Mặt hắc trắng xanh, đầu trọc nhẵn, chỉ có ba chỏm tóc. Gọi hắc là sư huynh cũng được nhưng Đệ cảm thấy khó chịu quá :

- Này, tôi gọi anh là sư huynh cũng được nhưng anh không được bày đặt chuyện bắt tôi học nhiều.

A Du nghiêm giọng, ra vẻ quan trọng:

- Không được. Ngày ta vào chùa, năm năm trước, ta cũng làm mọi chuyện như người. Người sư huynh của ta đã hành hạ ta nhiều lắm.

Đệ trợn mắt nhìn A Du, gằn hỏi:

- Thế thì, bây giờ anh định hành hạ lại tôi phải không ?

A Du lạnh lùng hăm dọa:

- Nếu người cãi lệnh ta, tức là cãi sư phụ ta, có nghĩa là bất tuân lệnh Phương trượng. Ta sẽ tâu lên Phương trượng, nhốt người vào phòng sám hối.

Đệ nổi nóng, nhất định không nghe lời A Du, không chịu học chữ. Đúng như A Du hăm dọa, chiều hôm sau có mấy chú tiểu nữa đi cùng với hắn đến áp tải Đệ vào phòng tối. Họ nhốt Đệ nhiều ngày. Mỗi ngày, Đệ được hai bữa cơm nguội và nước lạnh.

Cứ cuối ngày, A Du đến hỏi:

- Chú đã hối tội chưa ?

Đệ đáp:

- Tôi không có tội.

Ngày hôm sau, A Du lại đến hỏi:

- Chú biết hối tội chưa ?

Đệ một mực trả lời:

- Tôi không có tội.

Được bảy ngày như thế, Đệ mệt lả và chán chường phòng tối quá. Đến chiều, khi A Du vừa đến, Đệ vội la lên:

- Tôi biết tội rồi.

A Du gật đầu:

- Tốt, người chịu học chữ chứ gì ?

Đệ vâng dạ:

- Thưa sư huynh, tôi biết tội rồi.

Đệ nói vậy, nhưng trong óc tìm hết lời chửi A Du cho thỏa thích.

A Du nào biết như vậy, khoái chí lắm, đi gọi người đến thả Đệ ra.

Ngày hôm sau, Đệ bắt đầu học chữ.

Cũng y như lúc Đệ Ở với cha mẹ. A Du dạy được ba chữ thì Đệ quên hết hai. Ngày hôm sau Đệ quên nốt chữ đó. A Du giận lắm, cố sức dạy cho Đệ. Ban đầu A Du còn nói nhỏ nhẹ, khuyên bảo, sau lớn tiếng hơn, nhưng không có kết quả gì khả quan.

Một hôm A Du dạy hoài mà Đệ không nhớ, liền lớn giọng thóa mạ :

- Người là một thằng ngu.

Đệ cãi lại:

- Tôi ngu mới để cho anh dạy.

A Du tức tối hỏi:

- Người nói lời bất kính với ta phải không ?

- Đúng vậy. ..

A Du không dẫn được cơn giận, liền tát Đệ một bạt tai nẩy đom đóm mắt. Nào ngờ, Đệ nổi hung dấm lại một phát khiến A Du té ngã xuống đất, sặc cả máu mũi.

A Du bịt mũi, cố cầm máu, rồi chạy ra ngoài, tri hô lên.

Mấy nhà sư của Chấn Pháp Đường đến hải tội và bắt Đệ ra sau chùa. Từ đó Đệ phải ở trong một căn nhà chứa củi, không được tham dự các sinh hoạt tụng niệm và học hành của chùa nữa.

Ngoài ra, để đổi lại các bữa ăn, Đệ phải quét lá và dọn dẹp phía sau chùa.

Ngày hôm đó sau bữa ăn chiều, hai nhà sư trẻ đến áp tải Đệ ra sau căn nhà chứa củi. Họ dẫn Đệ đi quanh co một hồi rồi đẩy Đệ vào một căn nhà tối om.

Đệ không sợ hãi, tìm một xó, quần mền rách mà ngủ.

Sáng hôm sau, Đệ tỉnh dậy đã nghe chim hót líu lo bên ngoài. Chung quanh yên lặng quá, ngoài tiếng chim và lá cây rung xào xạc, Đệ không nghe một âm thanh nào khác. Đệ lần mò đi ra ngoài, mới biết căn nhà chứa củi làm bằng gỗ, khá rộng. Nhà nằm hẳn ra ngoài vòng tường của chùa. Phía sau nhà là rừng cây. Từ nhà đi ra có con đường mòn nhỏ. Đệ không biết con đường này dẫn tới đâu.

Suy nghĩ một lúc, Đệ quyết chí trốn khỏi chùa nên gom góp vật dụng, theo con đường mòn mà đi.

Buổi sáng vừa bắt đầu, mặt trời chưa lên, sương đêm còn phủ mặt mờ. Không khí mát lạnh khiến Đệ cảm thấy dễ chịu.

Vừa đi được một quãng, bất chợt Đệ thấy một người đi loáng thoáng trong sương. Người này đi trước cùng chiều, nên quay lưng về phía Đệ. Đó là một ông già mặc áo xám. Đệ biết các nhà sư trong chùa đều mặc áo vàng. Chỉ những người làm chuyện tạp dịch, hay mới vào chùa như Đệ mới mặc áo xám. Như vậy, chức phận người này chắc hẳn rất thấp trong chùa.

Trong buổi sáng tinh mơ, Đệ không biết ông già ra đây làm gì. Đệ thấy ông ấy cầm cây chổi, vừa đi vừa quét lá. Ông già đi thật nhẹ nhàng, tựa như bay trên mặt đất.

Đệ đi sau lưng ông già một lúc mà không thấy ông ta quay lại, liền bước nhanh qua mặt ông. Đi được vài bước Đệ tò mò ngoái đầu nhìn lại. Thì ra ông già áo xám là một nhà sư rất già, râu tóc bạc phơ Tóc ông để dài chứ không cạo như các nhà sư trong chùa. Ông vừa đi vừa quét lá nhưng nhắm nghiền hai mắt.

Lạ thay, ông đi không vấp mà cái chổi trên tay ông quét thật đúng lá khô trên đường.

Đệ thấy chuyện lạ, thích chí đứng dừng lại, đưa tay ra trước mặt ông. Đột nhiên ông già bước xéo qua bên trái, tránh bàn tay của Đệ rồi tiếp tục bước đi.

Hành động của ông già áo xám nhanh quá khiến Đệ nghi ngờ.

Đệ liền vò tay nắm cái chổi của ông. Nhưng bàn tay Đệ còn cách cái chổi một gang tay thì ông già đưa tay nhanh ra trước, hất tung lá khô vào mặt Đệ.

Đệ nổi giận, chạy qua mặt ông già, đập lên cái chổi. Thành linh, ông già xoay ngược cái chổi lại, dùng cái cán gạt mạnh vào chân khiến Đệ té lăn xuống đường.

Ông già áo xám cử động vừa nhanh vừa chính xác nhưng mắt không hề mở. Ông nhắm mắt mà như thấy hết mọi vật trước mặt.

Đệ tức giận nhưng thích chí, liền đi trước ông già, vừa bước vừa hất lá phía ngoài trở vào đường đi.

Lạ thay, Đệ hất chiếc lá nào vào thì ông già nhanh tay quét trở ra. Hai người cứ làm như vậy suốt một khoảng đường dài.

Được một hồi lâu, Đệ không nhịn nhục được nữa, phải lên tiếng:

- Ông già bộ nhắm mắt phải không?

Ông già làm thinh, bước tới trước, tiếp tục quét lá. Cái chổi di chuyển thật nhanh nhưng không hề trúng chân Đệ.

Thấy vậy Đệ chờ cái chổi đến gần liền đá lá ra chỗ khác.

Nhưng mặc cho Đệ làm thế nào đi nữa, cái chổi của ông già vẫn bắt trúng lá và hất ra khỏi đường.

Đệ và ông già áo xám thi đua nhau như vậy cho đến khi mặt trời lên. Năng bắt đầu gay gắt khiến Đệ mệt lả, thở hồng hộc.

Cuối cùng, Đệ nổi nóng thét lớn:

- Ông già, có chịu mở mắt ra không ?

Đệ vừa nói xong thì cái chổi trên tay ông già đột nhiên chuyển hướng, lông chổi quất vào chân Đệ rất rát, còn cán thì đập vào đùi Đệ một phát.

Đệ bị đau quá la hoảng lên:

- Ê ông già không chơi như vậy chứ.

Đột nhiên, ông già lên tiếng:

- Thằng nhỏ kia, chịu thua chưa.

Đệ nhảy lùi ra sau, thảng thốt đáp:

- Con chịu thua.

Ông già áo xám mở mắt ra. Trời sáng tỏ, ánh nắng chiếu nghiêng một bên người ông. Râu tóc ông già bạc trắng nhưng khuôn mặt ông hồng hào, da trơn láng như trẻ thơ. Ông nhìn Đệ, cười hiền hậu:

- Người định trốn thoát khỏi chùa phải không?

Đệ sợ hãi, nhón nhác nhìn chung quanh.

Ông già bật cười:

- Người tưởng ta là người của Chấp Pháp Đường gọi tới để bắt người sao?

Đệ lo lắng hỏi:

- Ông là ai ?

Ông già thản nhiên đáp:

- Ta là ta.

- Ông tên gì ?

- Ta không biết.

- Tên của ông mà ông không biết à?

Lâu quá, ta quên mất tên ta rồi.

- Vậy người trong chùa gọi ông là gì ?

- Họ gọi ta là Lão Cuồng. Người cứ kêu ta như vậy được rồi.

Đệ lắc đầu:

- Ông già rồi, con không dám gọi ông như vậy.

- Lão Cuồng là Lão Cuồng. Có gì xấu đâu mà người không dám gọi ta.

- Ông bao nhiêu tuổi rồi ?

- Sáu mươi năm trước, lúc vào chùa ta được mười tuổi.

Đệ thấy ông già nói chuyện hiền lành, cảm thấy bớt sợ:

- Vậy lúc đó ông bằng tuổi con.

Lão Cuồng nheo mắt nhìn Đệ:

- Thế ra người được mười tuổi.

Ông già im lặng một lúc rồi hỏi:

- Người là thằng bé thông minh. Tên người là gì ?

Đệ ngạc nhiên nói:

- Con tên Huỳnh Đệ. Từ xưa tới giờ người ta nói con ngu độn, chưa có ai khen con thông minh.

Ông già gật gù:

- Người đời chỉ thấy bằng mắt, suy nghĩ bằng não làm sao mà biết được. Nay, nhà người phạm tội trong chùa rồi định tẩu thoát chứ gì ?

Đệ gật đầu:

- Dạ phải.

- Nhà người đã gây tội gì ?

- Con đánh sư huynh.

Tại sao người đánh sư huynh người ?

- Hắn bắt con phải học chữ. Hắn ép con học. Con học không nhớ nên bị hắn chửi và đánh.

- Thế rồi người đánh trả lại sư huynh người ?

Đệ bực tức nói:

- Hắn không phải là sư huynh con. Từ nay con không gọi hắn là sư huynh nữa.

Ông già gục gặc đầu:

- Không ai bắt ép được ai. Được rồi, nhà người lại đây.

Lão Cuồng dẫn Đệ đến bên một tảng đá, nhỏ nhẹ nói:

- Người ngồi đây.

Lão Cuồng leo lên tảng đá. Lão moi phía sau tảng đá ra một chai nước và một gói giấy. Bên trong gói giấy có một ít cơm khô. Lão chia cho Đệ một nửa:

- Nhà người ăn cơm với ta.

Đệ nhảy thót lên, ngồi bên cạnh Lão Cuồng. Hai người vừa ăn cơm khô vừa nhìn xuống phía rừng cây và thung lũng. Đệ vừa ăn vừa hỏi:

- Ông nói không nhìn bằng mắt thì nhìn bằng gì ? Còn không nghĩ bằng não thì nghĩ bằng gì ?

Lão Cuồng thông thả đáp:

- Nếu người nhìn bằng mắt thì người chỉ thấy được những gì phía trước mặt, không thấy được phía sau lưng. Nếu người suy nghĩ bằng não thì người chỉ hiểu những gì có mà không thể hiểu những gì không có.

Đệ lắc đầu:

- Ông nói gì con không hiểu.

Lão Cuồng thần nhiên nói:

- Nếu người không chỉ nhìn bằng mắt mà nhìn bằng não thì không những người thấy được những gì trước mặt mà còn thấy cả phía sau lưng và tất cả mọi vật ở mọi nơi. Nếu người suy nghĩ bằng tâm linh thì người hiểu cả những gì có mặt và cả những gì không có.

Đệ lắc đầu:

- Con không hiểu ông nói gì.

Lão Cuồng gật đầu:

- Ta quên, người chỉ mười tuổi, làm sao hiểu được, nhưng sau này người sẽ hiểu.

Lão Cuồng đưa chai nước cho Đệ:

- Người uống chút nước này rồi muốn đi đâu thì đi.

Đệ lắc đầu:

- Con không biết đi đâu bây giờ. Về nhà, cha mẹ con sẽ đánh chết.

Lão Cuồng im lặng một lúc rồi nói:

- Ngày xưa, sáu mươi năm trước, ta bị đưa vào chùa cùng lúc với Phương trượng bây giờ. Người tự xưng là sư phụ ta đã dạy ta những điều xằng bậy trong kinh sách. Sau đó, sư phụ ta uống nhầm nước tiểu của tạ Rồi giây sư phụ ta bị trét phân. Vì thế, Phương trượng đời trước phạt ta ra sau chùa quét lá. Sau đó, mọi người quên bằng tạ Đến khi Phương trượng chết, ta cứ sống ngoài này. Vậy mà đã sáu mươi năm rồi.

Đệ trở mắt nhìn Lão Cuồng:

- Ông ở ngoài này quét lá đã sáu mươi năm rồi à ?

Lão Cuồng gật đầu:

- Chứ sao. Sáu mươi năm, ta quen hết mọi vật.

- Hèn gì ông nhắm mắt mà thấy hết mọi thứ.

- Ta đã bảo người, ta nhìn bằng não mà.

Đệ thích chí hỏi:

- Thế thì ông nhắm mắt mà thấy được tất cả mọi vật. Ông dạy cho con làm sao nhắm mắt mà câu được cá và bẫy được thú đi.

Lão Cuồng gật đầu:

- Ta chỉ cho người biết cách chứ không phải dạy , rồi tự người sẽ hành xử. Ta không dạy và ta không là sư phụ của ai cả.

- Vậy ông có bắt con học chữ hay không ?

- Ta không bao giờ bắt ép người. Đến một lúc nào đó, người sẽ cần học chữ và tự người tìm học. Lúc ấy, dù ta có ngăn cản người cũng không được.

- Thế thì con ở đây với ông được không ?

- Người muốn ở đây bao lâu cũng được. Ta với người sẽ trò chuyện hàng ngày. Người cùng ta quét lá.

Từ đó Đệ Ở lại sau chùa. Hàng ngày, Đệ cùng Lão Cuồng quét lá và rong chơi. Cơm nước, ngày hai bữa có nhà chùa lo.

Ngày qua, ban đầu Đệ nói chuyện chơi với Lão Cuồng, dần dần Đệ hiểu nhiều hơn. Lão Cuồng gọi cho Đệ suy nghĩ nhiều chuyện.

Lão Cuồng chăm chỉ đọc sách. Lão biết rất nhiều thứ. Bất cứ chuyện gì, Lão Cuồng cũng bàn bạc được. Cả chuyện câu cá và bẫy thú, Lão Cuồng chưa hề làm qua nhưng lão không những bàn được mà còn chỉ cho Đệ nhiều cách thức khác, làm sao câu được nhiều cá và bẫy được nhiều thú . Đệ không hiểu tại sao Lão Cuồng biết được. Lão trả lời, đọc sách mà biết được.

Sống với Lão Cuồng gần một năm. Đệ cảm thấy cần biết nhiều điều. Nhưng khi Đệ hỏi Lão Cuồng, có lúc lão giải thích, có lúc lão bảo tìm trong sách mà đọc. Đệ bèn năn nỉ Lão Cuồng dạy chữ. Bấy giờ, Lão Cuồng đem giấy mực ra dạy cho Đệ.

Xuân Hạ Thu Đông, bốn mùa thay đổi đến ba lần. Thấm thoát, Đệ sống với Lão Cuồng đã được ba năm. Đệ rất thích Lão Cuồng. Lão không bao giờ bắt ép Đệ làm điều gì, nhưng lão biết hết mọi chuyện sẽ xảy ra cho Đệ. Do đó, lão gợi ý điều gì cho Đệ là trúng ngay điều đó.

Một hôm, sau khi ăn cơm chiều, Lão Cuồng bảo:

- Tối nay, người đi theo ta làm chuyện này.

Đệ gật đầu, không cần biết sẽ làm chuyện gì. Đến nửa khuya, Lão Cuồng đánh thức Đệ dậy, bảo mặc quần áo sậm màu, lấy vải quần giày lại để đi cho êm.

Sau đó, Lão Cuồng ra dấu cho Đệ đi theo. Hai người ra khỏi căn nhà chứa củi, đi về phía chùa.

Đệ biết ý Lão Cuồng nên lẳng lặng làm theo mà không hỏi điều gì . Đệ theo lão, trèo qua tường vào chùa. Lão đi rất nhanh, thoăn thoắt.

Lão Cuồng rất rành mọi ngõ ngách, chứng tỏ lão thường vào ra chùa.

Lão Cuồng dẫn Đệ đi quanh co, khi núp vào chỗ này, khi lách qua ngõ khác để tránh các nhà sư tuần hành trong đêm.

Đi một hồi lâu, hai người tới một tòa nhà rất cũ. Lão Cuồng chỉ tấm bảng treo trên cao trước cửa.

Nhờ ánh trăng mờ mờ. Đệ đọc được mấy chữ, mới biết tòa nhà đó là Tàng Kinh Các của chùa.

Lão Cuồng lấy mấy que cây và một sợi dây, lòn qua khe cửa mở chốt bên trong. Lão hành động rất thuần thục, giỏi hơn cả một tên trộm rành nghề.

Đệ theo Lão Cuồng lên vào trong, đi men theo các dãy kệ sách.

Lão Cuồng rút một cuốn sách trong người ra, để lên kệ, rồi lựa hai cuốn sách, nhét vào trong bọc. Xong, Lão Cuồng đi trở ra, cài chốt y như cũ.

Bấy giờ, Đệ mới hiểu những cuốn sách mà Lão Cuồng đọc lâu nay là sách mượn của Tàng Kinh Các trong chùa.

Đến sáng hôm sau. Lão Cuồng lấy một cuốn sách ra dạy cho Đệ học. Cứ như thế, nhiều năm trôi qua Lão Cuồng dạy cho Đệ học rất nhiều sách. Lão rất thông minh và sức hiểu biết sâu rộng vô bờ. Lần đầu lão bảo Đệ đọc sách cho thông. Sau đó, Đệ bàn luận với lão. Cách giải thích của Lão Cuồng khác hẳn trong kinh sách.

Lão bảo Đệ:

- Người đời dạy cho người vui vì được, ta chỉ cho người biết vui vì mất.

Đệ lắc đầu:

- Lão Cuồng à, con đi câu để sẩy một con cá, buồn cả một ngày. Con bẫy thú, để sống một con thỏ. rầu đến ba hôm. Lão bảo con để sẩy cá. sống thỏ mà vui thì vui làm sao được.

Lão Cuồng thần nhiên nói:

- Người để sẩy một con cá, buồn một ngày. Nếu người để sẩy ba con cá thì buồn ba ngày. Người làm sống một con thỏ, rầu ba hôm. Nếu người để sống hai con thỏ sẽ rầu sáu ngày. Sẩy cá và sống thỏ đã là mầm mống nghiệp chướng của đời người đó. Người còn buồn rầu là còn chìm đắm trong đạo đời khổ ải. Khi nào, người cảm thấy mất mà vui thì mới nên người.

Mặc cho Lão Cuồng nói gì thì nói. Đệ ầm ứ không chịu được. Để sẩy cá và sống thỏ, lại lấy chuyện đó làm vui thì Đệ không nghe lọt tai được.

Một lúc khác, Lão Cuồng nói:

- Người đời dạy cho người phải đi tới, ta chỉ cho người biết nơi đâu nên dừng lại và phải biết đi lùi.

Đệ bật cười:

- Đi tới thì dễ và đi lùi cũng có gì là khó đâu.

Lão Cuồng bảo:

- Người đi tới thì nhanh và dễ dàng. Người đi lui khó khăn và chậm chạp. Tại vì mắt người ở phía trước mặt.

Đệ mỉm cười hỏi:

- Nếu con có hai mắt ở sau lưng thì sẽ lùi dễ hơn phải không ?

Lão Cuồng lắc đầu.

- Mọi người được sinh ra chỉ có hai mắt phía trước. Người đừng có tham lam đòi hỏi nhiều mắt. Người cứ tưởng tượng xem, một người có bốn mắt sẽ trông quái dị như thế nào. Tại vì người nhìn bằng mắt cho nên chỉ thấy được phía trước. Như ta đã nói, người nhìn bằng não không những thấy được phía trước mà luôn cả phía sau và khắp mọi bề.

- Như vậy, con phải làm sao để nhìn bằng não ?

Chừng nào con mới nhìn bằng não được ?

Lão Cuồng thông thả đáp:

- Con người có lục quan, thông thường chỉ sử dụng một quan cho một việc.

Đệ bật cười:

- Ai cũng nói con người có ngũ quan, sao lão bảo có tới lục quan?

Lão Cuồng giải thích:

- Thật sự con người có tới lục quan. Năm quan đầu là thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, và xúc giác. Đồng thời con người có thất khiếu là hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, và miệng. Người ta dùng mắt cho thị giác, dùng tai cho thính giác, dùng mũi cho khứu giác, dùng miệng lưỡi cho vị giác, dùng da cho xúc giác. Nhưng con người không biết dùng cái gì cho giác quan thứ sáu là trực giác.

Đệ lắng tai nghe. Những điều mà Lão Cuồng nói quả nhiên hợp lý, nhưng Đệ không hiểu được giác quan thứ sáu là gì.

Lão Cuồng hỏi:

- Người dùng cái gì cho giác quan thứ sáu ?

Đệ lắc đầu:

- Con không biết.

Lão Cuồng từ tốn giải thích.

- Giác quan thứ sáu là trực giác quan trọng hơn cả . Trực giác vô hình, vô sắc, vô thanh, vô vị. Người phải biết dùng trực giác, phải dùng tâm linh cho trực giác. Giác quan thứ sáu này có uy lực vô biên, phối hợp cả ngũ quan kia.

Đệ lắc đầu:

- Con không hiểu.

- Nhưng người có nhớ không?

- Dạ có.

- Được lắm. Với trực giác, người không mở mắt mà thấy, không dùng tai mà nghe được, không cần mũi mà ngửi được, không dùng lưỡi mà biết vị, không sờ mà biết được.

- Con vẫn không hiểu.

- Nhưng người có nhớ không?

- Dạ có.

- Hay lắm. Cho thị giác, người không chỉ dùng mắt mà còn dùng não để thấy. Cho thính giác, người không chỉ dùng tai mà còn dùng mắt để nghe. Cho khứu giác, người không chỉ dùng mũi mà còn dùng não để ngửi. Cho vị giác, người không chỉ dùng lưỡi mà còn dùng mắt để nếm. Cho xúc giác, người không chỉ dùng tay mà dùng mắt và tay để sờ.

Lão Cuồng nói huyền thiên một hồi khiến Đệ hoang mang, không biết lão nói cái gì.

Đệ thẳng thốt nói:

- Con không hiểu gì cả.
- Nhưng người có nhớ không?
- Con cảm thấy mơ hồ, không chắc có nhớ hay không.

Lão Cuồng mừng rỡ nói:

- Tốt lắm, người là đứa trẻ thông minh và thành thật.

Rồi Lão Cuồng và Đệ đi quét lá, xong, họ trở về căn nhà chứa củi ăn cơm.

Được vài ngày, đến đêm, Lão Cuồng lại dẫn Đệ vào Tầng Kinh Các của chùa tìm sách khác. Nơi đây, nhà chùa có đủ loại sách, không chỉ có sách về Phật giáo mà còn có đủ sách của các đạo khác. Lão Cuồng lần lượt, qua nhiều năm, chọn cho Đệ hết sách này đến sách khác.

Thời gian trôi qua, Đệ ở sau chùa quét lá với Lão Cuồng được bảy năm. Bây giờ Đệ đã lớn, trở thành một thanh niên tuấn tú.

Trong khoảng thời gian đó, cha mẹ Đệ bệnh nặng, lần lượt qua đời. Đệ về lo chôn cất cha mẹ rồi trở lên sống với Lão Cuồng.

Một hôm, trong khi quét lá, Lão Cuồng nói:

- Tuần sau, chùa sẽ có buổi thi quan trọng.

Đệ nhìn Lão Cuồng, không nói gì. Lâu nay sống với Lão Cuồng, dần dà Đệ chẳng màng chuyện gì khác. Nhưng lần này, vẻ mặt lão Cuồng có vẻ quan trọng, khiến Đệ phải suy nghĩ.

Lão Cuồng nói tiếp:

- Cứ bảy năm một lần, triều đình cho người đi tuyển sự phụ cho vua Chùa Bạch Vân này có tiếng tăm như nhiều nơi khác nên được triều đình chọn là một địa điểm thi.

Đệ thản nhiên nói:

- Người trong chùa dự thi đâu có liên can gì đến chúng ta.
- Có chứ, ta và người cũng thuộc về chùa. Bao nhiêu năm nay chúng ta ăn cơm và quét lá cho chùa, người không nhớ sao.
- Con nhớ chứ. Chúng ta vẫn quét lá hàng ngày mà.
- Đây, ta bảo cho biết. Ta già rồi, nhưng người còn trẻ, phải ra dự thi.

Đệ lắc đầu:

- Lão đã dạy con phải biết đi lùi. Hôm nay, lão xúi con đi tới

Lão Cuồng mỉm cười:

- Người học những gì của ta thì phải biết vận dụng. Người phải đi tới rồi mới lùi được, có phải không? Từ trước tới giờ, người chưa đi tới bao giờ mà, thế thì người lùi chỗ nào.

Đệ ngẫm nghĩ một lúc, gật đầu:

- Lão nói đúng.

Lão Cuồng gục gặc đầu, giải thích tiếp:

- Tới và lui dựa nhau mà hành xử. Người ta chết vì biết tới mà không biết lui. Người ta trở thành ngu si, dần dần vì biết lui mà không biết tới. Người chỉ lui sau khi đã đi tới. Người không thể tới mãi mà cũng không thể lui mãi. Khi nào tới và khi nào lui, người phải thông hiểu điều đó.

Đệ gật đầu:

- Dạ.

Lão Cuồng tiếp:

- Hơn nữa, nhà ngươi còn trẻ, ngươi phải ra đời lập thân, lấy vợ đẻ con, làm nên công danh sự nghiệp cho đất nước.

- Dạ.

- Tốt. Mỗi bảy năm, triều đình cử người tới chùa này để tuyển sư phụ cho vua. Nhưng hơn nửa thế kỷ qua, chùa Bạch Vân này cũng như các nơi khác, chưa có ai được chọn.

Đệ suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Vậy thì đề thi chắc khó lắm?

- Khó hay không, tùy ở con người. Bao nhiêu năm qua đề thi chỉ có một không hề thay đổi, mà không ai trúng tuyển. Những kẻ lớn tuổi như Phương trượng và ta đều biết rõ, chỉ có một đề thi mà thôi. Đề thi này do một vị vua đời trước bày ra gần một thế kỷ rồi.

Đệ ngồi im lặng. Dự thi hay không, Đệ không suy nghĩ tới nên không hỏi.

Lão Cuồng biết vậy nên nói tiếp:

- Ngày xưa, vị vua đó cho làm ra một bia đá, khắc một bài thơ bằng một thứ chữ cổ. Cách thi rất đơn giản, thí sinh phải đọc và nhớ thuộc lòng bài thơ, chép lại nguyên bản trên giấy và dịch ra cho mọi người hiểu. Vị hoàng đế ấy cho biết rằng, khi nào có người nhớ hết cả bài thơ trong thời gian ngắn như vậy là lúc ngài tái sinh, và phải chọn người đó làm sư phụ cho vua.

Đệ lắc đầu:

- Lão nói cách thi đơn giản nhưng phải có khó khăn như thế nào nên bao nhiêu năm nay không có người trúng tuyển.

Lão Cuồng gật đầu:

- Đúng vậy. Họ để tấm bia vào trong một bồn nước rồi cho quân sĩ múc nước đổ vào bồn. Khi nước đầy bồn thì ngập hết tấm bia. Lúc đó thời gian của buổi thi chấm dứt.

Đệ vẫn lắc đầu:

- Con đi thi làm gì, sống nơi đây với lão cũng được rồi.

Lão Cuồng ung dung nói:

- Ta không ép ngươi nhưng cha mẹ ngươi luôn luôn muốn ngươi trở thành người có công danh và sự nghiệp. Ngươi hãy suy nghĩ cho kỹ.

Lão Cuồng nói xong, cùng Đệ đi quét lá. Lão ung dung làm việc, thư thái mà sống. Từ đó, lão không nhắc gì tới chuyện dự thi nữa.

Đệ chờ Lão Cuồng đề cập đến chuyện dự thi nhưng không nghe lão nói gì. Hình như lão quên bằng chuyện đó.

Một hôm, trời vừa hừng sáng, Lão Cuồng đánh thức Đệ dậy:

- Ngươi có đi với ta xem lễ hay không ?

Đệ sống với Lão Cuồng quá lâu, hiểu rõ tính lão, vốn không ưa náo nhiệt. Đột nhiên, sáng nay lão rủ Đệ đi xem lễ khiến Đệ ngạc nhiên:

- Lễ ở đâu ?

- Hôm nay, trong chùa có làm lễ thi tuyển sư phụ cho vua. Ngươi theo ta đi xem cho vui.

Đệ biết Lão Cuồng có dụng ý khác, chẳng phải vì vui và náo nhiệt mà lão mời mọc Đệ đi chơi. Đệ nhớ tới lời đề nghị của lão hôm trước nên lòng rộn rã, muốn biết người ta tổ chức thi như thế nào. Đệ gật đầu:

- Con đi với lão.

Lão Cuồng âm ừ nói:

- Người muốn đi thì theo, chứ ta không ép.
- Dạ, con muốn đi mà.
- Được.

Lão Cuồng moi sau đồng củi ra một cái gói bọc bằng giấy dầu. Lão mở ra, bên trong có bộ quần áo màu xám còn mới. Lão nói:

- Ta cho người áo mới đi dự lễ.

Đệ ngạc nhiên hỏi:

- Lão tìm bộ quần áo này ở đâu ?

Thấy Đệ nhìn với ánh mắt nghi ngờ, Lão Cuồng liền cải chính:

- Bộ quần áo này của mấy tên sư trẻ trong nhà bếp cho ta.

Đệ gật đầu nói:

- Con tin lão, nhưng chẳng phải lão xin đâu.
- Ta không ăn trộm quần áo của ai.
- Lão không ăn trộm nhưng lão lại gạt mấy tên trong nhà bếp chuyện gì đó để lấy bộ quần áo này.

Lão Cuồng gật đầu:

- Đúng vậy, chúng nó thua trí ta.

Đệ bật cười:

- Lão cá với họ chuyện gì ?

Lão Cuồng mỉm cười, thú thật:

- Đâu có chuyện gì lạ . Bọn chúng đâu biết ta nhắm mắt mà thấy được, nên cá với tạ. Thế là cả bọn đều thua.
- Lão cá với họ chuyện gì.
- Ta đưa chúng nhiều viên sỏi . Bảo chúng nó giấu mấy viên sỏi trong lòng bàn tay. Nếu ta nói đúng số viên sỏi, ta thắng, thì họ thua.
- Con biết đương nhiên họ thua, nhưng làm cách nào mà lão thắng được.

Lão Cuồng thần nhiên nói:

- Người theo ta khá lâu mà chưa biết sao? Mỗi khi tên nào giấu bao nhiêu viên sỏi, chúng nó đều nhìn vào lòng bàn tay trước. Thế rồi, ta nhìn vào mắt chúng, ta đọc được hết. Ta có bao giờ thèm nhìn vào bàn tay nắm chặt của chúng đâu.

Nói xong, Lão Cuồng thúc giục:

- Người thay quần áo rồi chúng ta đi.

Đệ cởi bộ quần áo rách nát ra, mặc bộ mới vào. Lão Cuồng nhìn Đệ, tấm tắc khen:

- Quả nhiên người không xấu, thật xứng đáng là sư phụ của vua.

Đệ giật mình hỏi:

- Lão vừa nói gì ?

Lão Cuồng nói lảng sang chuyện khác:

- Người theo ta đi mau.

Hai người ra khỏi nhà chứa củi, trèo qua bức tường, vào phía sau nhà bếp của chùa. Sáng nay, trong chùa thật vắng lặng, chỉ còn vài người lo chuyện nấu bếp và canh phòng.

Lão Cuồng nói nhỏ:

- Họ ra ngoài chánh điện rồi.

Lão vừa nói vừa đi thật nhanh. Đệ sống với Lão Cuồng đã lâu, chỉ thấy lão đi khoan thai, nhẹ nhàng. Chưa bao giờ Đệ thấy lão đi nhanh. Người Lão Cuồng tuy đi nhưng tựa như bay trên mặt đất. Đệ rần sức chạy theo nhưng không đuổi kịp, đành gọi vói theo:

- Lão làm gì mà chạy nhanh quá vậy.

- Ta đang đi mà.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện, thoáng chốc đã đến một tòa nhà thật rộng. Lão Cuồng đi vào cửa phía bên phải. Đệ thấy bên trong có rất nhiều người. Các nhà sư của chùa ngồi hai bên thành ba dãy. Phía trên bày hương án, ngay dưới là một dãy bàn, có nhiều người ngồi. Chính giữa có bốn vị quan mặc triều phục xanh, đỏ, đen, vàng. Kế đó là Phương trượng và ba nhà sư già nữa.

Đệ thấy Lão Cuồng ngang nhiên đi vào. Mọi người trong sảnh đường đều nhìn lão, lấy làm kinh ngạc.

Một nhà sư đứng gần cửa đưa tay chặn Lão Cuồng lại:

- Nam mô A Di Đà Phật, xin thí chủ dừng chân.

Lão Cuồng ung dung hỏi:

- Ta vào trong kia được không?

Nhà sư liền hỏi:

- Thí chủ là ai?

- Ta là Lão Cuồng.

Nhà sư ngơ ngác hỏi:

- Lão Cuồng là ai ? Tại sao thí chủ xâm nhập vào bốn chùa ?

Lão Cuồng ngạc nhiên hỏi:

- Ta ở trong chùa này mà.

Nhà sư liền nạt:

- Thí chủ đừng nói những điều không thật.

- Ta ở đây đã sáu mươi năm rồi mà ngươi không biết sao ?

Trong sảnh đường đang im lặng nên cuộc đối thoại của hai người vang rõ mồn một.

Hai vị sư phía trên thềm điện liền bước xuống. Một trong hai người là Phương trượng của chùa.

Vị sư kia liền hỏi:

- Thí chủ là ai ? Tại sao dám đường đột vào đây ?

Lão Cuồng nhú mày nhìn sắc phục của nhà sư rồi nói:

- À, ngươi là thủ tọa của Cháp Pháp Đường. Ngươi vào chùa được bao nhiêu lâu rồi?

- Ta vào chùa được bao lâu có liên can gì đến thí chủ?

- Có chứ. Có lẽ ngươi vào chùa sau này nên không biết ta.

Hai người đang đối đáp, chợt Phương trượng lên tiếng:

- Vô Chấn, lâu nay ông mạnh giỏi chớ?

Lão Cuồng bật cười:

- Thế ra cũng có người nhớ tên ta Vô Chung, ta vẫn khỏe mạnh, nhưng ông chắc thường đau ốm luôn.

Lão Cuồng vừa nói xong thì các nhà sư trong chùa đều đứng lên, lộ vẻ giận dữ.

Lão Cuồng thản nhiên nói:

- Tên thầy của các người có gì đâu mà phải úy kỵ.

Nhà sư thủ tọa Chấp Pháp Đường liền lên tiếng:

- Lão Cuồng, Phương trượng đời trước đã phạt ông không được vào chùa, tại sao ông cãi lệnh ?

Lão Cuồng bật cười:

- Chuyện Phương trượng đời trước phạt ta cách đây hơn năm mươi năm rồi. Lúc ngài viên tịch đã quên mất ta. Nếu nhớ, ngài đã tha tội cho ta rồi. Ta lỡ để cho sư phụ ta uống nhầm nước tiểu

của ta, hay trét phân vào giày sư phụ ta, chẳng lẽ tội ấy nặng đến nỗi phải phạt hơn năm mươi năm hay sao ? Người là thủ tọa Chấp Pháp Đường, làm việc tắc trách, không nhớ ai bị phạt trong chùa để đem ra duyệt xét. Người bỏ ta sau chùa bao nhiêu năm nay, tội làm việc thiếu sót ấy đáng bị xử như thế nào ?

Lão Cuồng nói thao thao bất tuyệt, tranh luận thật hùng hồn. Đệ không ngờ, cứ tưởng lão không biết nói chuyện.

Nghe Lão Cuồng hạch sách thủ tọa Chấp Pháp Đường, Phương trượng liền can thiệp:

- Vô Chấn, ông không được nói chuyện vô lễ như vậy. Chuyện của ông, ta sẽ cứu xét sau buổi thi này.

Lão Cuồng ung dung nói:

- Hơn năm mươi năm nay ta không chính thức vào chùa, nhưng hôm nay ta trở lại chẳng phải vì chuyện năm xưa. Ta chỉ xin Phương trượng cho thằng nhỏ kia được dự thi.

Lão Cuồng vừa nói vừa chỉ về phía Đệ. Mọi người đều quay lại nhìn.

Đệ mặc quần áo xám, tăng chúng đều biết chức phận Đệ rất thấp. Đệ lại quá trẻ nếu so với ba người được chùa tuyển lựa để dự thi, đều đã hơn bốn mươi.

Thủ tọa Chấp Pháp Đường kẻ tai phương trượng nói nhỏ.

Vừa nghe xong, Phương trượng lên tiếng ngay:

- Thí chủ, trẻ đó phạm tội đánh sư huynh, chưa mãn hạn tội.

Lão Cuồng điềm nhiên nói:

- Ta không bàn về chuyện đó. Ta chỉ muốn nói rằng, nước tiểu ta..

Lão Cuồng chưa nói xong thì Phương trượng cất cao giọng nói át:

- Vô Chấn, người không được nói chuyện điên giữa chỗ trang nghiêm như thế này.

Mọi người đang theo dõi cuộc đối đáp của Phương trượng và Lão Cuồng thì vị quan mặc triều phục đỏ đứng dậy, bực tức nói:

- Quý vị muốn giải quyết chuyện nội bộ Ở đây hay là chúng ta hủy bỏ cuộc thi.

Giọng người này vang lên sang sảng trong sảnh đường.

Phương trượng nghe xong, liền quay lại cúi đầu:

- A Di Đà Phật, xin đại nhân cho bắt đầu cuộc thi. Ta đồng ý cho thí chủ trẻ kia được tham dự cuộc thi.

Lời tuyên bố của Phương trượng làm mọi người ngỡ ngàng. Tuy vậy, họ lại nghĩ rằng Phương trượng vì danh dự của Phật môn mà phải chịu như vậy.

Sau lời tuyên bố của Phương trượng mọi người trở về chỗ cũ.

Lão Cuồng tiến lại gần Đệ, nói nhỏ:

- Người phải nhớ, không chỉ nhìn bằng mắt mà còn nhìn bằng não. Người ta đi tới thì người phải biết đi lui. Người ta đi thuận thì người phải đi ngược.

Lão Cuồng vừa dứt lời thì một nhà sư bước tới, dẫn Đệ đến ngồi trên một cái ghế bên cạnh ba nhà sư dự thi Họ đang ngồi phía trước, gần thêm đại diện.

Lão Cuồng lẳng lẳng lui ra phía sau.

Một người trong bốn vị quan giám khảo gõ một tiếng chuông.

Tức thì tất cả mọi người trong sảnh đường đều quay mặt ra sau, ngó vào tường. Rồi mỗi người rút ra một khăn đen, tự bịt mắt.

Ba nhà sư dự thi cũng hành động y như vậy.

Đệ còn đang ngơ ngác thì một nhà sư bước tới, lấy khăn đen bịt mắt Đệ rồi xoay Đệ ra phía sau.

Một tiếng chuông nữa vang lên.

Bốn quân sĩ khiêng một bia đá từ phía sau, để vào bồn nước thật lớn ở giữa sảnh đường.

Thí sinh ngồi trên ghế, có thể nhìn trọn tấm bia và đọc được hết chữ của bài thơ Thời gian thi không lâu mà cũng không mau. Khi nào nước trong bồn ngập hết tấm bia là xong một lần thi.

Một tiếng chuông vang lên.

Nhà sư đầu tiên bên phải được quay lại và mở khăn bịt mắt ra. Trước mắt người dự thi là tấm bia bằng đá hoa cương có khắc nguyên một bài thơ bằng chữ cổ. Nét khắc thật sâu và rõ ràng.

Trong khi nhà sư dự thi ra sức đọc và cố nhớ bài thơ trên tấm bia đá thì bốn quân sĩ gánh nước đổ vào bồn. Tiếng chân người di chuyển rầm rập và tiếng nước đổ xào xát, ùng ục. Bốn người này mang áo giáp, đeo gươm, gấn lục lạc, nên mỗi khi di chuyển phát ra những tiếng leng keng, leng xeng.

Nước trong bồn càng lúc càng dâng cao lên, thời gian càng thu ngắn lại. Dần dần, trên trán nhà sư bắt đầu lấm tấm mồ hôi, vẻ mặt căng thẳng hơn, và thần sắc càng mệt mỏi.

Khi nước ngập đầy bồn thì cũng vừa che lấp tấm bia.

Một tiếng chuông vang lên.

Nhà sư dự thi được dẫn đến cái bàn đối diện với bốn vị quan. Nơi đó có giấy bút sẵn sàng. Nhà sư liền ngồi xuống hí hoáy chép ngay.

Kết quả không khả quan. Bốn vị giám khảo đều lắc đầu. Nhà sư này không nhớ được một phần sáu bài thơ, lại nhớ loạn lên, đảo lộn cả thứ tự trước sau, trên dưới.

Đến nhà sư thứ hai, kết quả không khá hơn: Chỉ nhớ được chừng một phần năm và lộn xộn chữ và câu.

Phiên nhà sư thứ ba, khá nhất, nhớ được một phần tư, giữ đúng được thứ tự.

Bốn vị quan mỉm cười thoải mái.

Cuối cùng, đến phiên Đệ.

Mọi người trong sảnh đường nhìn thấy Đệ còn quá trẻ, bộ dạng ngơ ngác, đều tỏ vẻ xem thường.

Tiếng chuông bắt đầu.

Bốn quân sĩ cũng di chuyển, đổ nước vào bồn. Những âm thanh của họ phát ra thật ồn ào. Nào tiếng chân đi, tiếng lục lạc, áo giáp, gươm chạm nhau, rồi tiếng nước đổ chạm vào thành bồn. Hình ảnh xoay chuyển và âm thanh náo động làm Đệ xao lãng ngay từ phút đầu.

Đệ thấy những chữ trên bia đá bắt đầu nhảy múa loạn lên, chữ này trượt lên chữ kia, hàng này chồng lên hàng nọ. Đệ đang hoang mang, chợt nghe lời Lão Cuồng văng vẳng bên tai, không chỉ nhìn bằng mắt mà còn nhìn bằng não... , không chỉ nhìn bằng mắt mà còn nhìn bằng não...

Ráng trấn tĩnh, Đệ nhìn thẳng vào tấm bia, cố nhớ thật kỹ rồi từ từ nhắm mắt lại. Lạ thay, bao nhiêu hình ảnh và âm thanh rối loạn không còn nữa. Giữa một vùng tối mờ, hiện ra trước mặt Đệ nguyên tấm bia đá với trọn cả bài thơ.

Đệ lại nghe lời Lão Cuồng nhắc nhở, người ta đi tới thì người phải biết đi lùi, người ta đi thuận thì người phải biết đi ngược...

Vừa nghe xong, Đệ tỉnh ngộ ngay. Đệ bắt đọc ngược từ chữ cuối cùng, đi trở lên. Người ta đọc từ phải qua trái thì Đệ nhớ từ trái qua phải. Lạ lùng thay, khi đọc ngược thì nghĩa bài thơ bày tỏ ra rõ ràng.

Đệ vừa đọc vừa cố nhớ. Đệ nhớ được chừng phân nửa bài thơ thì tấm bia đá với bài thơ trước mặt Đệ vụt biến mất. Đệ mở mắt ra, bị chi phối ngay bởi hình ảnh rối loạn và âm thanh xao động âm ỉ.

Trong bồn, nước đã ngập gần nửa tấm bia. Đệ nhìn kỹ, cố nhớ rồi nhắm mắt lại.

Lần này, Đệ nhớ được thêm một phần tư nữa của bài thơ thì hình ảnh trong não lại biến mất. Đệ mở mắt ra, nước trong bồn dâng lên xấp xỉ ba phần tư tấm bia rồi.

Đệ theo phương pháp của Lão Cuồng đã chỉ, nhắm mắt lại cố nhớ phần còn lại.

Khi Đệ vừa nhớ trọn bài thơ thì tiếng chuông vang lên. Đệ mở mắt ra, trong bồn, nước đã ngập phủ hết tấm bia. Cả bài thơ đã bị chìm trong nước, Đệ chậm chậm đứng lên, bước theo nhà sư hướng dẫn đến trước mặt bốn vị quan. Đệ ngồi xuống nhắm mắt lại và cầm bút lên.

Bốn vị giám khảo và bốn nhà sư ngồi kế cận là Phương trượng, thủ tọa Cháp Pháp Đường, La Hán Đường, Tàng Kinh Các đều trở mắt ngạc nhiên. Họ không ngờ Đệ có hành động lạ lùng như vậy. Trong đời, họ chưa bao giờ thấy ai vừa nhắm mắt vừa viết chữ.

Đệ ngồi đối diện với bốn vị giám khảo. Khi Đệ chép tới nửa bài thơ thì thần sắc bốn vị bắt đầu thay đổi. Đệ cứ chép thông thả. Từ trong ngọn bút của Đệ, chữ cứ tuôn ra không ngừng.

Đột nhiên vị quan áo đỏ cười lên hăng hắc như một đứa trẻ.

Vị quan áo xanh đổi sắc mặt tái nhợt.

Vị quan áo vàng khóc rưng rức, tức tưởi.

Còn vị quan áo đen ngơ ngác nhìn quanh.

Bốn người đều già, da mặt nhăn nheo và tóc bạc, biểu lộ ra bốn sắc thái khác nhau.

Khi Đệ viết xong chữ cuối cùng của bài thơ thì bốn vị giám khảo đã đến trạng thái quá độ.

Vị áo đỏ gập người mà cười hăng hắc.

Vị áo xanh ngồi im tái nhợt như một xác chết.

Vị áo vàng khóc hu hu, kêu gào thảm thiết.

Vị áo đen ngơ ngẩn như một kẻ mất hồn.

Tầng chúng trong sảnh đường không biết Đệ làm chuyện gì mà khiến bốn vị giám khảo đang oai vệ trong triều phục lộng lẫy, đột nhiên biểu lộ như bốn kẻ điên khùng.

Nguyên bốn vị quan này. Vị áo đỏ là hoạn quan đã phục vụ cho Hoàng đế, người làm ra tấm bia và bài thơ đó, còn ba người kia là học trò của ngài.

Mọi người trong hội trường đang ngơ ngác thì bốn vị quan, đột nhiên đứng lên, bước ra trước mặt Đệ, sụp xuống lạy.

Vị áo đỏ kêu lên:

- Thái thượng, thái thượng.

Ba vị kia tung hô:

- Sư phụ, sư phụ,...

Đệ hoảng hốt đứng dậy, loạng choạng bước ra sau.

Bốn vị quan bước tới bằng đầu gối, không ngớt gọi:

- Thái thượng, sư phụ, sư phụ, sư phụ.

Cả sảnh đường xôn xao. Phương trượng phải đứng lên, ra hiệu cho mọi người im lặng.

Ba vị thủ tọa của Chấn Đường, La Hán Đường, và Tăng Kinh Các lần lượt bước ra cúi đầu chào:

- A Di Đà Phật, các bần tăng xin chúc mừng ngài.

Đệ còn hoảng hốt, lắp bắp hỏi:

- Tôi đã làm gì ?

Thái độ thất thần của Đệ càng làm cho bốn vị quan tin hơn nữa. Họ quì lạy liên hồi, dập đầu xuống nền đá đến chạy máu trán.

Phương trượng thấy cảnh tượng thương tâm quá liền bước lại gần Đệ, khuyên nhủ:

- Ngài hãy mau mau cho phép họ đứng dậy.

- Tôi, tôi...

Phương trượng giải thích:

- Họ nghĩ rằng ngài là Hoàng đế đời trước tái sinh.

Bấy giờ Đệ mới hiểu ra, liền hỏi:

- Tôi phải làm sao ?

Phương trượng ôn tồn nói:

- Bây giờ ngài là một người khác rồi. Tiếng nói của ngài có uy lực vô biên. Ngài hãy cho phép họ đứng lên.

Đệ liền đồng dạ nói:

- Bốn người đứng lên mau.

Bốn vị quan lật đật đứng dậy. Họ đứng xuôi tay thật nghiêm túc. Trên nét mặt họ vẫn giữ nguyên sắc thái ban đầu.

Bấy giờ, tăng chúng trong sảnh đường mới trông thấy họ rõ ràng.

Vị áo đỏ vẫn cười toe toét.

Vị áo xanh còn tái nhợt.

Vị áo vàng khóc rưng rức, nước mắt chảy xuống đầy mặt.

Vị áo đen ngơ ngẩn, thất thần.

Bọn quân sĩ đã dọn dẹp mọi thứ, cùng đám tùy tùng tiến lên, xếp thành hai hàng chờ lệnh.

Một lúc lâu sau, bốn vị quan dịu bớt xúc động. Vị áo đỏ nói với phương trượng:

- Hơn năm mươi năm, qua biết bao kỳ thi chúng tôi chưa thấy ai nhớ nổi quá nửa bài thơ Mà bây giờ... thật may mắn, Thái thượng đã chọn chùa Bạch Vân làm chỗ tái sinh.

Vị áo xanh tiếp lời:

- Chúng tôi sẽ tâu với hoàng thượng sắc phong cho chùa Bạch Vân làm Quốc Tự.

Vị áo vàng cũng nói:

- Chúng tôi cũng xin hoàng thượng chu cấp bổng lộc cho chùa đời đời.

Vị áo đen phụ họa:

- Chúng tôi cũng xin Hoàng thượng một ngân khoản lớn để trùng tu chùa Bạch Vân.

Phương trượng và các Thủ tọa cúi đầu nói:

- Đa tạ các đại nhân.

Vị áo đỏ nói tiếp:

- Chúng tôi phải hộ tống Thái thượng về ngay kinh đô.

Các vị quan kia cùng gật đầu:

- Chúng tôi cử người cấp báo cho Hoàng thượng ngay. Bây giờ xin phương trượng cho chúng tôi được cáo từ.

Trong khi mọi người đang nói chuyện, Lão Cuồng đi lại gần.

Vị áo đỏ chỉ lão hỏi nhỏ:

- Người này là ai?

Phương trượng đáp:

- Người này tên là Vô Chấn, một người làm việc trong chùa.

Vị áo xanh hỏi:

- Ông ấy liên hệ như thế nào với sư phụ ?

Phương trượng còn đang ngập ngừng thì Lão Cuồng bước lại gần:

- Chúng tôi chỉ là bạn hữu.

Lão Cuồng quay sang phía Đệ:

- Người phải cẩn thận, từ nay trở đi không còn ta bên cạnh nữa đâu.

Đệ cúi đầu vâng dạ:

- Con biết.

Lão Cuồng quay lưng bước đi. Lúc đi ngang Phương trượng, lão nói:

- Nước tiểu của ta không khai và phân ta không thối như vậy.

Mọi người nghe Lão Cuồng nói đều ngơ ngác. Họ tưởng lão nổi cơn điên. Nhưng Phương trượng vừa nghe xong, chợt biến sắc mặt, chân tay run rẩy.

Lão Cuồng vừa đi vừa nói vói lại:

- Ta chỉ nói thế thôi.

Đệ nhớ lại câu chuyện mà Lão Cuồng đã kể năm xưa. Lão Cuồng bảo rằng, sư phụ lão uống nhầm nước tiểu của lão. Ngoài ra giày sư phụ của lão bị trét phân. Vì những chuyện đó mà Lão Cuồng bị phạt ra quét lá sau chùa đã gần sáu mươi năm. Tại sao bây giờ, lão nói ra những điều này?

Đệ còn đang thắc mắc thì Lão Cuồng đã đi gần tới cửa. Đệ chạy theo, run giọng nói:

- Lão ở lại nhớ bảo trọng.

Lão Cuồng cười hiền hậu:

- Người nghe đây. Giữ làm chi cho nhiều không bằng thôi bỏ bớt. Trau chuốt chi cho bén nhọn mà không giữ được lâu dài. Của cải chi cho nhiều để mang thêm phiền lụy. Công thành, việc trọn, nên lui.

Đệ cúi đầu ngẫm nghĩ Lão Cuồng lặp lại:

- Giữ làm chi cho nhiều không bằng thôi bỏ bớt. Trau chuốt chi cho bén nhọn mà không giữ được lâu dài. Của cải chi cho nhiều để mang thêm phiền lụy. Công thành, việc trọn, nên lui.

Lão Cuồng vừa nói vừa bước đi.

Đệ chạy theo, gọi vói:

- Sư phụ.

- Ta không phải sư phụ ngươi. Hãy nhớ những lời ta dặn.

Thoáng qua, Lão Cuồng đã khuất sau khung cửa. Tiếng lão còn vọng lại:

- Giữ làm chi cho nhiều không bằng thôi bỏ bớt...

Bốn mươi năm sau. Buổi chiều đông lạnh, mưa phùn, gió bắc. Dinh Tể Tướng nằm im lìm trong sương mờ. Bên trong dinh tối tăm. Chỉ có một căn phòng còn để đèn.

Tể Tướng Huỳnh Đệ đã gần lục tuần, tóc hoa râm, nhưng ông còn khỏe mạnh. Ông ngồi trên chiếc ghế bành, mơ màng nhìn ra khung cửa sổ. Bao nhiêu năm qua, Tể Tướng được từ vua tới dân nể trọng. Ông không những là Thái sư, thầy của vua, mà còn là Tể Tướng có quyền hành cao nhất nước, chỉ dưới vua mà thôi. Tể Tướng được vua trao gươm vàng, tiền trăm hậu tấu. Ngài được quyền đeo gươm, bước lên thềm điện trong buổi chiều. Ngài được quyền mang gươm vào cả trong hậu cung vua.

Phu nhân ngài mất sớm, còn hai con, một trai một gái, đã lớn, đều có công danh, sự nghiệp, và gia đình. Tuy quyền cao, chức trọng, giàu sang như vậy nhưng Tể Tướng không vui bao giờ. Lúc nào ông cũng đắm chiêu, suy nghĩ.

Chiều nay, ngài ngồi bên cửa sổ như trông đợi chuyện gì.

Chợt có lính hầu vào thông báo có sứ giả phương xa về tới.

Một người trung niên bước vào, quần áo đầm ướt nước mưa và sương lạnh. Người ấy quì xuống:

- Thưa đại nhân, thuộc hạ vừa về tới, vội vàng đến báo cáo cho đại nhân rõ.

- Ta nghe đây.

- Thưa đại nhân. Thuộc hạ vâng lệnh ngài, nhờ các nhà sư trong chùa chuyển thức ăn và quần áo cho người ấy trong bao nhiêu năm qua nhưng ông ấy vẫn từ chối. Tiểu nhân nghĩ rằng, đại nhân đã biết những chuyện đó rồi.

- Ta biết. Còn những chuyện gần đây thì sao?

- Thưa đại nhân, các nhà sư cho biết, người ấy càng ngày càng điên nhiều lắm.

Tể Tướng bực bội hỏi:

- Tại sao họ bảo ông ấy điên?

- Dạ, ông ấy, chẳng những không nhận quần áo và thức ăn mà còn lấy phân và nước tiểu ném vào người các nhà sư.

Tể Tướng trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Người ấy không bao giờ điên.

- Thưa đại nhân...

- Ta bảo ông ấy không điên là không điên. Nếu có điên thì ta điên, người điên, hay thiên hạ đều điên.

- Thưa đại nhân...

- Chuyện gì ?

- Các nhà sư...

- Ta đã nói với người rồi. Các nhà sư trong chùa không sao hiểu nổi ông ấy. Nếu thiên hạ chỉ có một người sáng suốt, người đó phải là ông ấy.

Tể Tướng đứng lên, bước lại gần cửa sổ. Ông nhìn ra ngoài trời lạnh giá. Ông lẩm bẩm:

- Ta phải về với ông ấy.

- Thưa đại nhân, ngài vừa nói gì ?

- Ta đã viết sẵn lá thư cho Hoàng thượng. Ngày mai, người mang thư cùng với ấn tín, và thanh gươm này vào đệ trình cho Hoàng thượng.

Người sứ giả run giọng hỏi:

- Thưa đại nhân, tại sao ngài quyết định như vậy ?

- Người đừng hỏi. Vì người có biết cũng không thể hiểu nổi. Gần bốn mươi năm nay, người đã theo phò tá ta, một lòng trung kiên. Khi ta đi, một phần tư gia sản của ta, thuộc về người, còn lại ba phần tư, người phân phát hết cho người nghèo.

- Thưa đại nhân. Kẻ hèn này chỉ muốn theo ngài.

- Người theo ta sẽ không được gì. Bởi vì ta chẳng còn thứ gì.

- Đại nhân.

- Đây là lệnh.

- Dạ, thuộc hạ xin tuân theo.

- Trong thư, ta đã căn dặn mọi điều. Người cứ làm theo những gì ta dặn. Ngày mai, người sẽ không còn gặp ta nữa. Cho người lui.

- Dạ , thuộc hạ cáo từ. Xin đại nhân bảo trọng.

- Người đi đi.

Chùa Bạch Vân trông cũ kỹ hơn, quanh chùa, cây cối nhiều và già cỗi. Tăng chúng trong chùa đã thay đổi quá nhiều. Chùa đã hai lần đổi Phương trượng.

Một buổi sáng, sau chùa Bạch Vân. Trong sương sớm có hai người vừa đi vừa quét lá. Người đi đầu là một ông già, râu tóc bạc phơ Người đi sau tuổi quá trung niên, râu đen nhánh, tóc hoa râm. Cả hai vừa đi, vừa nhắm mắt.

Ông già đi đầu, từ tốn nói:

- Có một chiếc lá vừa rơi sau lưng người.

- Dạ, con vừa biết được.

- Tốt.

- Có một chiếc lá vừa rơi trước mặt sư phụ.

-Ồ, ta cũng biết, nhưng người vừa gọi ta bằng gì ?

- Dạ, sư phụ.

- Sao người lại gọi ta là sư phụ ?

- Sư phụ là sư phụ mà cũng không là sư phụ. Tại sao sư phụ lại trối mình trong hai chữ sư phụ.

Ông già bật cười:

- Người giỏi lắm. Bây giờ người gọi ta như thế nào cũng được, Lão Cuồng hay Sư Phụ, có khác gì đâu.

- Có một con chim vừa đậu trên vai sư phụ.

-Ồ , cứ mặc kệ nó.

4. Chương 4

Đã mấy ngày qua, mỗi sáng, khi ra trước sân tưới nước cho mấy chậu kiểng, ông Lê đều thấy một ông già đứng ngoài cổng.

Hai ngày đầu, ông Lê có để ý chuyện đó nhưng không bận tâm suy nghĩ tới. Sáng nay, vừa bước xuống bậc thềm ông Lê đã thấy ngay ông già đứng ngoài đó tự lúc nào. Lần này, ông Lê không thể thản nhiên như mấy ngày trước, ông phải tìm hiểu cho ra lý do.

Ông già đứng ngoài cổng cùng một chỗ, cùng một tư thế, và bất động. Ông ấy mặc quần áo thật đặc biệt. Cả đời ông Lê, năm nay đã chín mươi tuổi, chưa bao giờ ông thấy ai mặc trang phục kỳ lạ như vậy. Áo ông già không phải may bằng vải mà là một thứ bố dày, giống như kết lại từ nhiều sợi dây gai trong rừng sâu hoang dã. Quần ông già cũng vậy. Nó không phải là quần, mà tựa như cái khố của người dân tộc thiểu số trên rừng. Áo ông già bỏ trong quần, được cột ngang thắt lưng bằng một sợi dây mây nhỏ và dài, quấn đến hai vòng, cột thành cái gút trước bụng.

Ông già cao vừa tầm, đứng ngang với ông Lê. Hai người đứng cách nhau qua cánh cửa cổng bằng sắt, vừa dày vừa nặng.

Ông Lê chưa có dịp kề vai với ông già để biết ai cao, ai thấp. Chẳng qua ông Lê thấy mái tóc bạc trắng của ông già ngang với chốt cửa phía trên nên ông đoán chiều cao của ông già như vậy.

Ông già đứng nghiêng, mái tóc và bộ râu trắng bay lất phất theo gió.

Ông Lê chỉ nhìn ngang ông già, không thấy rõ được mặt. Ông không biết mặt mũi ông già ra sao nhưng trong lòng, ông cứ lo âu nơm nớp. Ông Lê không hiểu tại sao ông có cảm giác khác thường như vậy.

Ông già không làm gì khác hơn là đứng im bất động nhưng ông ta lộ ra một vẻ gì đó mà ông Lê nghĩ là cao sang, thanh thoát, lại có uy lực khuất phục người đối diện.

Vốn là người sành đồ cổ, ông Lê có linh cảm một điều khác thường nơi ông già kia. Điều linh cảm ấy không phải tự nhiên mà có. Cái cảm giác lao chao trong trí ông Lê với tim đập nhanh bất thường, theo kinh nghiệm gần bảy mươi năm. Ông Lê nghĩ đến một điều gì đó rất lạ lùng. Ông Lê tin vào cảm giác của mình. Nhất là ở tuổi chín mươi, ông Lê biết rất rõ. Khi cảm giác của ông đã nhập vào kinh nghiệm. Nó đã trở thành một thứ kinh nghiệm không thể truyền đạt cho ai. Một khi nó đã báo hiệu thì tự khắc chuyện lạ sẽ xảy đến.

Thông thường, hầu hết mọi chuyện lạ xảy ra trong đời ông đều liên quan đến đồ cổ. Ông Lê mê say và sành đồ cổ. Tuy không thuộc dòng quý tộc giàu sang nhưng vì đam mê mà ông Lê đã sưu tầm đồ cổ từ thời còn trẻ. Ông Lê góp nhặt đồ cổ từ mọi nơi, có món, ông phải bán mọi thứ trong nhà để mua hoặc trao đổi những món khác với người quen và bạn bè.

Ông Lê vốn người hào sảng, quen biết rộng, lại có thiên tư đặc biệt về đồ cổ, do đó mà tài sản của ông tích lũy nhiều đến độ không thể đếm nổi, và đáng giá không biết bao nhiêu mà kể.

Mặc dù đã chín mươi tuổi, ông Lê vẫn còn khỏe mạnh. Thân thể ông tráng kiện và tinh thần còn minh mẫn. Hàng ngày ông Lê tự nấu ăn và chăm sóc các cây kiểng quanh nhà. Vợ Ông qua đời từ lâu ông không có con. Vì thế ông Lê sống một mình trong căn nhà rộng với thằn lằn Củng, một đứa đầy tớ trai.

Sáng nay, lần thứ ba trông thấy ông già, ông Lê không thể chần chờ được nữa. Ông vội bước ra, mở cổng.

Ông già thấy ông Lê đi ra liền quay người lại.

Bấy giờ, ông Lê mới thật sự đối diện với ông già.

Râu tóc của ông già bạc trắng. Tóc lòa xòa xuống vai như chưa bao giờ được chải gỡ. Râu ông ta cũng bạc trắng, dài xuống ngang ngực. Khuôn mặt ông già thon dài. Da mặt trắng hồng, phẳng phiu như một đứa trẻ. Toàn khuôn mặt ông già không có một nếp nhăn nào. Đôi mắt ông sâu, sáng rực. Hai chân mày cũng bạc. Hai đuôi chân mày dài chấm gò má. Ông già không cao, đứng ngang với ông Lê.

Phản ông Lê cũng già. Râu tóc ông đều trắng nhưng thưa thớt.

Tóc ông trắng nhưng bị sởi và còi cọc. Râu ông ông trắng nhưng không dài, lại mọc le hoe mấy sợi dưới cằm. Răng ông Lê bị rụng gần hết nên miệng móm. Khuôn mặt ông Lê ốm, mũi cao, do đó, trông dài hẳn ra. Da mặt ông Lê nhẵn nhúm. xếp nếp từ trán qua chân mày, xuống toàn khuôn mặt. Mỗi khi ông Lê cười, cái miệng móm co rúm và các nếp da đồng loạt xếp hàng, co kéo lẫn nhau.

Chính vì thế mà nụ cười của ông Lê trông thật hiền lành.

Ông Lê bước ra ngoài, cúi đầu chào:

- Thưa cụ. Không biết cụ có chuyện gì dạy bảo.

Ông già nhìn ông Lê, ánh mắt lấp lánh, sáng ngời.

Ông Lê vừa chạm phải ánh mắt ông già, ông cảm thấy lo sợ. Cái cảm giác lao đao không còn nữa, bây giờ, ông Lê cảm thấy sợ hãi. Ông cảm thấy như cả tâm não ông vừa bị một cơn chấn động thật mạnh.

Ông già điềm nhiên hỏi:

- Người là lão Lê, người thích sưu tầm đồ cổ ở đất Sài, nước Việt.

Vừa nghe ông già hỏi, ông Lê cảm thấy khó chịu. Cách nói của ông già thẳng thừng và trịch thượng quá. Ai ở đất Việt này mà không biết ông Lê là người cao tuổi. Ông đã chín mươi. Có lẽ không có người nào thọ như vậy mà còn khỏe mạnh, sáng suốt như ông. Bất cứ ai gặp ông, đều cúi đầu thưa bẩm rất kính cẩn.

Thế mà ông già gọi ngay ông là lão Lê với giọng điệu của một kẻ bề trên. Chẳng lẽ ông già thọ quá một trăm.

Tuy suy nghĩ như vậy nhưng ông Lê cũng lễ độ đáp:

- Dạ, tôi họ Lê ở đất Sài, vốn say mê đồ cổ từ thuở nhỏ.

Ông già lại hỏi:

- Người họ Lê Đây là đất Sài, nước Việt, có phải không ?

Ông Lê nhúm mày nhìn ông già. Ông bắt đầu hoài nghi về trí não của ông ta Ông già nói tiếng Việt thật rành, giọng có ảnh hưởng Trung Hoa nhưng không thể là người mới cư ngụ trong nước. Nói được như vậy, ít nhất, ông già phải sống tại nước Việt khoảng hai mươi năm.

Thấy ông Lê im lặng, ông già thản nhiên nói:

- Ta chỉ hỏi người cho qua chuyện vậy thôi. Trước khi đến đây ta đã biết người là lão Lê ở đất Sài, nước Việt rồi. Ta còn biết người rất sành đồ cổ và tìm được vô số các thứ gọi là cổ và được cho là quý.

Kiểu nói của ông già càng lúc càng có vẻ thiếu tôn trọng. Chữ dùng của ông ta lại trịch thượng và như thiếu học thức. Chưa có ai trong nước Việt dám gọi ông Lê là người và xưng ta như ông già này. Ông lại hoài nghi về giá trị đồ cổ của ông Lê Điều này xâm phạm quá nặng đến niềm tự hào của ông.

Tuy bực bội nhưng ông Lê cố giữ bình tĩnh, nhẹ giọng nói:

- Tôi vốn thích đồ cổ nhưng không dám nhận hai chữ sành sỏi. Vốn cổ của tôi sưu tập được, tuy không nhiều, nhưng ít có người sánh được.

Ông già gật đầu:

- Người nói đúng. Người thích đồ cổ nhưng không sành. Trong nước Việt này, không ai tìm được nhiều thứ gọi là cổ và quý như người đã có.

Ông già nói đến đây thì ông Lê cảm thấy bất mãn. Tuy tuổi đã quá già, giỏi khiêm nhượng, ông Lê biết khó lòng mà nhịn nổi nếu ông già tiếp tục nói những lời lẽ hách dịch như vậy.

Biết ông Lê nghĩ gì, ông già mỉm cười:

- Ta vốn cổ hủ và sinh sống nơi hoang dã. Cách ta nói không êm tai người. Nhưng người nhớ rằng, lời êm ái thì không thật, lời thật thì không êm ái. Người cho người đường mật chưa hẳn là kẻ tốt. Người cho người đắng cay chưa hẳn là kẻ xấu.

Ở tuổi chín mươi, ông Lê không còn lạ gì những lời dạy đó. Ông gượng cười, chưa biết phải trả lời ra sao thì ông già nói tiếp:

- Ta biết người thọ được chút ít tuổi. Con người ở đời sống đến tuổi như người cũng hiếm, nhưng chẳng gọi là thọ được.

Ông Lê nghe ông già nói những điều xưa cũ, cảm thấy nản, bèn đã lẽ nói:

- Nếu cụ đến đây chỉ để nói những điều như vậy thì tôi xin cảm ơn.

Ông già vui vẻ nói:

- Người không cần nói những điều như vậy. Con người đã dạy người những điều không thật, đến tuổi này người không sửa được cũng không phải lỗi tại người. Nếu người không muốn tiếp tục nói chuyện với ta thì cứ cho biết, đừng bày đặt cảm ơn để đuổi khéo ta.

Ông già vừa nói vừa cười cợt. Về mặt ông ta thật vui tươi và hồn nhiên. Còn ông Lê, càng nói càng thêm bức, sắc mặt càng lúc càng sạm xuống.

Ông già biết như vậy nên tiếp tục nói:

- Chẳng qua người tự cho người là lớn nên có kẻ nhỏ. Người tự cho người là cao nên có kẻ thấp. Người tự cho người là già nên có kẻ trẻ. Người đời cũng đồng ý với người như vậy. Người đã quen nghe những lời kính cẩn và xưng tụng. Vì thế mà người không chịu nổi những lời ta nói.

Nghe ông già nói đến đây, ông Lê có vẻ nao núng. Ông bắt đầu kính nể, không dám xem thường ông già nữa.

Ông già mỉm cười nói:

- Người bắt đầu hoang mang cũng phải. Ta biết người là người có thể học được nên ta mới tìm gặp người.

Ông Lê bắt đầu lo sợ. Ông không hiểu tại sao ông già biết được từng ý nghĩ trong đầu ông. Ông suy nghĩ đến đâu thì ông già đọc được đến đó.

Ông Lê đang bần thần nghĩ ngợi thì ông già nói tiếp:

- Người đừng ngạc nhiên, tại sao ta biết được người đang nghĩ gì. Rất dễ, nếu người nhắm mắt mà nghĩ ngợi thì ta không biết được. Nhưng người mở mắt ra thì ta biết hết chuyện xảy ra trong đầu người.

Ông Lê cảm thấy lo sợ và bắt đầu lạnh dần từ ngoài đầu ngón chân và tay.

Ông già bật cười:

- Người sợ lắm phải không ?

Ông già càng nói thì ông Lê càng sợ thêm. Hai bàn tay và đầu gối của ông Lê run lẩy bẩy. Càng sợ, ông Lê càng bức bối. Cả đời ông Lê chưa hề sợ ai. Trước kia, ông đã diện kiến hoàng đế, ông chẳng sợ hãi chút nào. Không đồng ý với vua điều gì, ông cứ thẳng thắn bàn luận. Nhưng ông Lê không biết tại sao, hôm nay, đứng trước mặt ông già có vẻ quê mùa này, ông lại sợ hãi một cách thậm tệ như vậy.

Ông già thản nhiên nói:

- Người ngạc nhiên cũng phải, người chưa từng biết sợ ai trên đời, kể cả kẻ được gọi là vua Nhưng hôm nay, người lại sợ.

Ông Lê nắm chặt hai bàn tay, cố gìm chân, đứng cho vững. Ông cảm thấy giá lạnh toàn thân.

Ông già ôn tồn nói:

- Người cố giữ tâm cho ổn, tinh thần cho vững. Nếu người biết ta là ai, có lẽ người không sợ ta đâu. Tại vì người là con người. Loài người đã không chịu nghe lời ta, cố đem mưu trí và tính xảo thay cho hồn nhiên và đơn giản, cố giữ kín tâm địa nhỏ nhen của mình, vì thế khi bị người khác biết được, mới cảm thấy sợ hãi như vậy.

Nghe ông già nói tới đây, đột nhiên, ông Lê cảm thấy tỉnh táo ông không còn sợ Ông già như lúc ban đầu nữa. Trái lại, ông Lê cảm thấy hoang mang, tâm hồn tựa như phiêu bồng vào khoảng không vô tận. Hai chân ông Lê không còn run nữa nhưng hai đầu gối như muốn gập lại. Hai bàn tay ông đang nắm chặt, như muốn đưa lên ngực.

Ông già thông thả nói

- Người lại học thói xấu của người đời rồi, chuyện vái lạy là điều không nên làm. Sự thần phục sẽ làm mờ tâm trí người. Lòng thương yêu sẽ làm suy kiệt trí phán đoán của người.

Ông Lê gật đầu, lắp bắp nói:

- Xin mời cụ vào trong.

Ông già gật đầu, thản nhiên bước tới.

Ông Lê còn đang bàng hoàng thì ông già đã bước qua cửa cổng. Rõ ràng, ông Lê đứng phía trong, gần cửa sắt, còn ông già đứng bên ngoài. Ông Lê đứng áng gần hết cửa cổng. Muốn vào trong, ông già không thể làm gì khác được nếu không đẩy ông Lê qua một bên. Thế mà một bên vai của ông già đã lướt qua người ông Lê mà ông không hề cảm thấy một sự đụng chạm nào.

Ông Lê bước vội theo, nói với:

- Xin mời cụ vào nhà.

Ông già đi nhanh qua sân, bước lên thềm. Ông ta đi nhanh quá tựa như bay Ông Lê cố sức chạy theo, vừa thở hổn hển vừa nói:

- Mời cụ.

Ông Lê vừa giơ tay mời thì ông già đã đi khuất vào trong nhà.

Bên trong nhà tối lơ mờ, ánh sáng ban mai từ ngoài sân, hắt qua hàng hiên không đủ soi sáng bên trong.

Phần trước nhà của ông Lê là phòng khách. Giữa phòng có kê bộ trường kỷ bằng gỗ trắc bóng ngời. Chính giữa là cái bàn thấp vuông vắn chừng một thước. Bên phải, là cái ghế dài chừng hai thước, có tay gác. Bên trái và trước sau là ba cái ghế chiếc, cho một người ngồi, cách kiến trúc cũng giống y như vậy. Toàn bộ bàn ghế đều có khảm xa cừ óng ánh.

Trên bàn có để một bộ trà cũ kỹ, gồm một cái khay bằng gỗ mun, một bình có quai, một chén tổng, và bốn chén chung. Bên cạnh có để thau chứa nước dự Tất cả các bình và chén đều làm bằng đất nung có tráng men xanh thật láng. Miệng bình và chén đều có viền một thứ kim loại vàng sậm.

Bên cạnh bàn và mấy cái ghế có để mấy cái đôn bằng đá cẩm thạch màu vỏ trứng gà. Trên nền đá ánh lên những vầng mây vừa hồng vừa xám.

Chung quanh, sát vách, có nhiều tủ gỗ đen có khảm xa cừ. Các bề mặt của tủ đều gắn kính. Bên trong tủ, chứa không biết bao nhiêu là bình, chén, tượng,... Có cái nhỏ xíu cỡ lòng tay có cái cao vừa một tấc, có cái cao đến hai hay ba tấc. Dưới đất, cạnh mấy cái tủ là những tượng người hình thù quái dị. Có cái nhỏ chừng vài tấc nhưng cũng có cái cao bằng người. Những bức tượng này làm bằng đá hoặc gỗ. Chúng đều có màu đen hay xám, ánh sáng từ ngoài chiếu vào lơ mờ, nên những bức tượng trở nên linh động và chập chờn ma quái.

Ông Lê có gắn hệ thống đèn chiếu trên trần để soi vào các thứ đồ cổ, nhưng không mấy khi ông bật chúng lên. Những dịp có khách quý viếng thăm, ông mới bật đèn.

Phía cuối phòng có một khung cửa phủ rèm trúc. Bức rèm treo từ phía trên, rủ xuống tận dưới đất. Đó là khung cửa ngăn cách phòng khách với các phòng khác trong nhà ông Lê.

Ông già bước qua cửa rồi đứng im lặng. Trong tư thế bất động, ông già giống y như một bức tượng của ông Lê.

Thấy ông già đứng yên, ông Lê cũng dừng bước. Cả hai người đều đứng im như vậy một hồi lâu.

Ông già đảo mắt nhìn quanh.

Ông Lê bước tới định bật đèn lên nhưng ông già đã lên tiếng:

- Người cứ để căn phòng tối như vậy.

Ông già nói như ra lệnh, hình như ông quên bằng ông Lê là chủ nhà. Ông Lê biết vậy nhưng không xem chuyện đó là quan trọng. Ông gạt đầu vâng lệnh ông già rồi đưa tay mời:

- Mời cụ ngồi, để tôi kêu thằng Củng pha trà.

Ông già khoác tay:

- Không cần, ta chỉ đứng đây, không ngồi và không uống trà.

Ông Lê khấn khoản:

- Không mấy khi cụ đến thăm, xin ngồi một lát cho tôi hầu chuyện và học hỏi.

Ông già lẳng lặng nhìn mọi vật trong phòng làm như không nghe đến lời mời mọc của ông Lê. Một lát sau, ông già từ tốn hỏi:

- Tất cả đồ cổ của người để hết ở đây phải không ?

Ông Lê kính cẩn đáp:

- Thưa không, ở đây chỉ có phần thôi, số còn lại. tôi để trong kho.

Ông già lại hỏi:

- Những thứ được người cho là quý nên người trưng bày chúng ở đây cốt để khoe khoang và buôn bán chứ gì ?

Ông Lê nghe ông già nói như vậy cảm thấy khó chịu, nhưng điều ấy đúng nên ông phải nói đã lâu:

- Tôi trưng những món đồ cổ ưng ý ở đây để cùng người khác bàn luận hơn là buôn bán.

Ông già gạt đầu, ôn tồn nói:

- Ta cũng nghĩ như vậy, ở tuổi người, nếu so với người khác đã quá già và nhiều của cải. Người có buôn bán cũng không thể đem xuống mồ mà xài được.

Ông Lê gạt đầu:

- Thưa cụ phải.

- Đâu có ai chê đồ cổ của người chưa ?

- Trong những năm gần đây không có ai dám chê những món đồ cổ này. Không biết cụ có ý kiến gì không ?

- Ý kiến của ta chỉ làm người khó chịu mà thôi. Tất cả các thứ mà người có chẳng phải cổ và không đáng quý.

Ông Lê bắt đầu quen cách nói thẳng thừng của ông già nhưng khi nghe những lời phê phán như vậy, ông không sao tránh khỏi buồn bực trong lòng. Nhưng đồng thời, ông Lê cũng cảm thấy có những điều lạ lùng nơi ông già kỳ quặc này. Do đó ông Lê kính cẩn hỏi:

- Xin cụ cho biết ý kiến được không ?

Ông già gạt đầu, nhưng không nói mà hỏi lại:

- Tại sao người gọi các thứ đó là đồ cổ ?

Ông Lê mỉm cười đáp:

- Những món xưa cũ được gọi là đồ cổ.

- Thế thì càng xưa thì càng cổ, có phải không ?

Ông Lê gật đầu.

Ông già hỏi tiếp:

- Lý do nào người cho đồ cổ là quý ?
- Món đồ cổ vừa có giá trị nghệ thuật lại vừa hiếm.
- Vậy thì, thứ nào do con người tạo ra vừa tinh xảo, vừa xưa, vừa hiếm là quý, có phải không ?
- Có thể đúng như vậy.

Ông già lại gần hỏi:

- Người không dám chắc điều người nói hay sao ?

Ông Lê lắc đầu:

- Không phải như vậy, vì đồ cổ cũng là một bộ môn nghệ thuật. Tôi không dám đặt ra một qui luật bất di bất dịch nào.

Ông già gật gù nói:

- Người nói vậy tạm được. Nhưng trong số những thứ của người, chẳng có món nào đáng là cổ.

Nghe ông già nói đến đây, ông Lê giận đến tái mặt, nhưng ông cố giữ bình tĩnh, ấp úng hỏi:

- Cụ nói như vậy là sao ?

Ông già điềm nhiên nói:

- Suốt đời người chỉ quanh quẩn trong thứ nghệ thuật của con người. Người không biết đến nghệ thuật của tạo hóa.

Ông Lê cúi đầu nói:

- Xin cụ nói tiếp.
- Những thứ mà người có, người ta cho là cổ, chẳng qua là nhờ tác động của tạo hóa qua thời gian và không gian. Tạo hóa đã đóng dấu ấn vào món đồ của người, cho nên nó được cho là cổ . Về tuổi tác, những thứ người có đều quá trẻ.

Ông Lê không nhin nổi nữa, liền hỏi:

- Chẳng hay cụ được bao nhiêu niên kỷ ?

Ông già bật cười:

- Tốt, đến bây giờ ta mới thấy người có chút thẳng thắn. Không có món nào gọi là cổ của người mà già bằng ta.

Ông Lê nhìn ông già, hoài nghi hỏi lại:

- Cụ nói chắc hay không ?

Ông già đưa mắt nhìn bức tượng Phật để trên đầu tủ, mỉm cười đáp:

- Người ấy vẫn trẻ hơn ta.

Ông Lê nhìn kỹ lại ông già rồi quay lại phía tượng Phật. Ông thể tin những lời ông già nói được.

Ông già quay lại nhìn ông Lê, thản nhiên nói:

- Người có tin hay không mặc người. Lần này ta đến đây cốt để tặng người một món đồ cổ.

Ông Lê vui vẻ nói:

- Tôi cũng tặng lại cụ một món tương xứng.

Ông già lắc đầu:

- Ta không nhận.

Ông Lê cũng lắc đầu:

- Nếu cụ không nhận thì tôi cũng xin khước từ. Đã là người chơi đồ cổ, tôi không bao giờ nhận của ai vật gì mà không trả lại vật khác

Ông già cười hiền hậu:

- Ta đã bảo, đối với ta, người không có món gì quý cả. Do đó không có món gì của người có thể trao đổi với vật quý của ta.

Ông Lê khẳng khái nói:

- Thế thì tôi càng không thể nhận quà tặng của cụ.

Ông già điềm nhiên nói:

- Ta không bao giờ ép buộc ai. Người không nhận quà tặng, thì ta cho người mượn.

Ông Lê một mực lắc đầu:

- Mượn không như vậy, không có thể chân, không lời, tức nhiên tôi cũng thọ ơn cụ.

Ông già ngửa mặt lên trời:

- Quả nhiên, nhà người đã ngập lặn trong vũng đời quá nặng. Bây giờ ta không tặng người gì cả. Món đồ này, ta mang theo đã nặng, đem về không tiện vì ta còn đi đến nơi khác nữa. Vậy ta nhờ người giữ nó giùm ta vậy.

Ông Lê gật đầu:

- Nếu cụ tin tưởng tôi thì tôi xin nhận. Vậy để tôi lấy bút mực làm giấy cho cụ.

Ông già lắc đầu, than thở:

- Người đời bày đặt lễ nghi vì không giữ được đạo. Người đời bày đặt ra luật pháp vì đã sinh ra quá nhiều tội ác. Người định lấy một tờ giấy với vài chữ viết để làm tin cho lời nói của người. Làm như thế mà người không biết nhục sao? Mảnh giấy với chữ viết có gì hơn người đâu? Tại sao người phải nhờ cậy đến chúng? Người làm vậy, có phải vì người đời đã sinh ra phản trắc quá nhiều?

Ông Lê cúi đầu, chậm rãi nói:

- Xin cụ dạy bảo cho.

Ông già từ tốn nói:

- Đối với người có đức ta đem đức ra trả. Đối với người thành tín ta đem thành tín ra đối xử. Đối với người thất đức ta cũng đem đức ra trả. Đối với người bất tín ta cũng đem thành tín ra đối xử.

Ông Lê gật đầu, nói:

- Cụ nói đúng nhưng không áp dụng được cho người đời.

Ông già thản nhiên nói:

- Vấn đề không phải ở chỗ không áp dụng được, mà do người không có can đảm xử dụng. Nếu người không bị đau khổ và bệnh tật thì người không thông cảm và không cứu được người đời. Người đem đức ra độ với oán của người đời, người cảm thấy khổ sở lắm. Người đem thành tín ra đối xử với sự bất tín của người đời, người cảm thấy đau đớn lắm.

Ông Lê gục gặc đầu:

- Cụ nói đúng.

Ông già ôn tồn hỏi:

- Người có biết vì sao ta đến gặp người không?

Ông Lê lắc đầu:

- Tôi không biết.

Ông già mỉm cười nói:

- Người là kẻ có lòng thương người. Người biết kính trọng đạo và đức.

Ông Lê cúi đầu nói:

- Cám ơn cụ đã dạy bảo.

Ông già lắc đầu:

- Ta không dạy được ai cả . Ta chỉ gợi ý như thế, chính người là người dạy cho người.

Ông Lê càng suy nghĩ càng kính phục ông già. Trong lòng ông Lê đã muốn sụp lạy nhưng không dám hành động.

Thoạt nhiên, ông già nói liền:

- Người nhớ, sự thần phục và thờ phượng làm mờ tâm trí, sự thương yêu làm suy mòn khả năng phán xét của con người. Bây giờ, người còn gì để hỏi nữa không ?

Ông Lê nhìn thẳng vào ông già, khẳng khái hỏi:

- Cụ là ai ?

Ông già không đáp mà hỏi lại:

- Ta đã nói với người khá nhiều mà người vẫn chưa biết ta là ai sao ?

Ông Lê lắc đầu. Bây giờ, ông cảm thấy hoang mang và phiêu bồng, tựa như chân ông không còn chạm đất nữa và như, ông vừa đánh mất điểm tựa mà chín mươi năm qua ông đã bám víu.

Ông già thần nhiên nói:

- Người suy nghĩ rồi sẽ hiểu. Bây giờ, ta gởi vật này, nhờ người giữ hộ.

Ông già moi trong cái bọc vải ra một hòn đá cỡ bằng bàn tay nắm, trơn láng, phẳng phiu. Hòn đá màu xanh xám như đá hoa cương. Trên hòn đá có những lần nứt nẻ, chia cắt mặt đá giống như một họa đồ . Giữa máu xám của đá , mấy lần nứt có màu khác nhau. Có lần màu đỏ huyết, có lần màu đen lợ cháo, có lần màu xanh biêng biếc da trời, có lần màu nâu sậm, và có lần màu xám bùn.

Ông Lê ngẩng hòn đá trên bàn tay ông già . Hòn đá tròn, bằng một trái cam lớn, trông thật đẹp.

Thấy ông Lê chăm chú nhìn, ông già đưa hòn đá lên cao.

Ông Lê bước lại gần quan sát. Ông chợt nhận ra một điều lạ.

Ông già đưa bàn tay lên xuống, nghiêng qua lại nhưng hòn đá không rơi ra theo sức hút trọng lực.

Ông già mỉm cười:

- Người cứ cầm lấy hòn đá này. Ta nhờ người giữ nó giùm ta mà.

Ông Lê gật đầu, cầm hòn đá lên. Hòn đá lạnh buốt và nặng chình chích. Ông Lê ngạc nhiên quá. Hòn đá quá nặng, tỉ trọng còn hơn cả chì. Suốt đời, đến chín mươi tuổi, ông Lê chưa hề thấy một loại đá nào kỳ hoặc như vậy. Ông Lê nắm chắc hòn đá trong hai bàn tay . Thay, khi hòn đá nằm trong tay ông Lê, nó bớt lạnh rồi từ từ ấm dần. Ông Lê biết rất rõ, không phải thân nhiệt ông truyền qua đá mà chính đá, tự nó phát nhiệt.

Thấy ông Lê nhìn hòn đá mà thần thờ, ông già từ tốn nói:

- Đây là một loại đá không có trên thế gian, loài người chưa tìm được nó . Một triệu năm trước, dung nham từ lòng trái đất phun lên, nguội lại thành một hòn núi. Hòn núi ấy qua một cơn địa chấn ghê gớm, bị vỡ tan và nghiền thành bụi, chỉ sót lại một khối đá thô nhám bằng cái nhà. Khối đá ấy bị gió. nước vùi dập và

bào mòn. Bị bao cơn địa chấn dày vò, lửa thiêu đốt, và bị chôn vùi theo cây cỏ, cuối cùng, trở thành hòn đá này.

Ông Lê im lặng lắng nghe. Hơi ẩm từ hòn đá tỏa dần khắp người ông Lê, khiến ông cảm thấy thứ thái dễ chịu. Ông Lê đứng như thế rất lâu, chợt nhớ ra ông già đang chờ đợi, ông bèn hỏi:

- Chờng nào cụ trở lại lấy hòn đá này ?

Ông già điềm đạm nói:

- Ta không trở lại nữa.

Ông Lê ngạc nhiên hỏi tiếp:

- Như vậy, làm sao tôi trả lại hòn đá này cho cụ ?

Ông già gục gặc đầu:

- Ta không trở lại vì người sẽ tìm đến ta để trả hòn đá.

Ông Lê trở mắt hỏi:

- Tôi không hiểu cụ nói gì ?

Ông già quay lưng bước trở ra ngoài. Ông nói với lại:

- Đến lúc đó, người sẽ hiểu.

Ông Lê lật đặt bước theo nhưng ông già đi nhanh quá, tựa như bay. Thoắt một cái, ông già đã ra tới giữa sân.

Đột nhiên, trên trời sa xuống một tiểu đồng và một con trâu. Ông già liền bước lên lưng trâu. Cả ba vụt bay lên trời, mất hút trong mây.

Ông Lê đứng bàng hoàng trên thềm. Theo gió, từ trên trời, bỗng nhiên có tiếng trâu rống rền rền vọng lại.

- Cụ lớn, cụ lớn,...

Tiếng thằng Củng gọi giật giọng. Nó vừa gọi vừa lay chân tay ông Lê.

Một hồi lâu, ông Lê chợt mình tỉnh dậy. Trước mặt ông Lê có một khuôn mặt mờ nhạt. Ông nhận ra mặt thằng Củng, đứa trẻ từng săn sóc ông bấy lâu nay.

Mọi khi ông Lê không bao giờ để ý đến thằng Củng. Ông chỉ biết, thời gian qua, thằng Củng lớn lắm. Kể từ ngày ông nhặt được nó trước cửa cổng, đã mười lăm năm rồi còn gì. Hàng ngày, nó phụ giúp mọi việc vặt vãnh trong nhà, lau chùi bàn ghế, nấu nước cho ông pha trà.

Hôm nay, ông Lê mới có dịp nhìn mặt thằng Củng. Ông không ngờ nó xấu xí đến như vậy. Khuôn mặt nó đã ốm lại dài, tóc rối bù. Con mắt bên trái bị hư, hình như chỉ có tròng trắng mà không có tròng đen. Con mắt bên phải lem nhem, mở ra tí hí. Ông nhớ lại năm xưa, thằng Củng bị ai bỏ ngoài cổng nhà ông, nó bị kiến bu hai mắt, có lẽ, vì thế mà nó bị mù mắt bên trái. Miệng nó không lớn nhưng ngậm lại không khít vì môi trên bị sứt, để hở ra cái nước đỏ hồng và mấy cái răng xiêu vẹo, cẩu bần. Lưỡi nó to

nên giọng nói như bị ngọng.

Mặt thằng Củng đã xấu mà thân hình nó cũng tẻ hại, cả hai hợp lại thành một tổng thể có khả năng gây thương tổn cảm quan người đối diện thật nặng nề. Lưng có vừa còng vừa vẹo qua một bên. Nhìn thằng Củng, ông Lê mới nhớ lại cái giỏ mây năm xưa. Không biết ai đã bỏ nó quá chắc rồi nhét nó trong giỏ, vì thế mà xương sống nó bị tật. Hai chân thằng Củng lại không đều. Chân phải nó nhỏ hơn chân trái, do đó nó đi khập khiễng.

Khi ông Lê nhặt nó, chẳng biết vì sao ông đặt tên cho nó là Củng. Cái tên không mang một ý nghĩa nào. Ông tự nghĩ, nó xấu xí thì có cái tên như vậy cũng được.

Nhìn thằng Củng một hồi, ông Lê chợt nhớ đến ông già, liền thẳng thốt hỏi:

- Chuyện gì vậy ?

Thằng Củng mừng rỡ, la lên:

- Cự lớn tỉnh rồi, cự lớn tỉnh rồi.

Ông Lê ngồi dậy, nạt:

- Mà làm gì mà ồn ào vậy !

Thằng Củng lại la:

- Cự lớn tỉnh rồi.

Ông Lê nạt tiếp:

- Mà có im hay không!

- Dạ ?

Ông Lê nhìn quanh. Lúc đó ông mới biết ông đang ngủ gục trên chiếc ghế trường kỷ. Còn thằng Củng đứng lom khom một bên.

Ông Lê nhìn lại thằng Củng. Mặt nó hớn hở, con mắt bên phải đong đầy nước mắt. Ông cảm thấy tội nghiệp cho nó, liền hạ thấp giọng:

- Tao đang ngủ mà.

Thằng Củng ấp úng nói:

- Con tưởng cự lớn... chết rồi.

Ông Lê liền nạt:

- Tao chết hồi nào.

Thằng Củng cố nói:

- Lúc nãy kia, con tưởng cự lớn chết. Cự lớn nằm im, không nhúc nhích.

Ông Lê chợt nhớ đến giấc mơ vừa qua, ông vội hỏi:

- Mà thấy chuyện gì ?

Thằng Củng nhanh nhẩu đáp:

- Sáng nay, con nấu nước sôi rồi đi cho cự lớn biết để pha trà. Con không thấy cự lớn ngoài sân. Con đi tìm khắp nhà mà không thấy cự lớn. Đến lúc con lên nhà trên, thấy cự lớn nằm xuôi xị, mặt tái xanh, hết thở. Trên tay cự lớn cầm... cục đá này.

Thằng Củng vừa nói vừa chỉ xuống bàn tay ông Lê. Nhìn lại, ông Lê kinh hãi, la lớn:

- Hòn đá này ở đâu vậy ?

Thằng Củng hoảng sợ, sụp lạy:

- Cự lớn bắt giặc.

Ông Lê vừa sợ vừa bực, hỏn hển hỏi:

- Trả lời mau, hòn đá này ở đâu đến ?

Thằng Củng quì móp trên nền gạch, lải nhải nói:

- Xin cự lớn tha tội, xin cự lớn tha tội.

Ông Lê càng bực bội thêm, quát lớn:

- Tao hỏi, hòn đá này ở đâu đến ?

Thằng Củng quá sợ, vừa khóc vừa van xin:

- Con biết tội rồi. Con biết tội rồi. Cụ lớn bớt giận.

Ông Lê thấy thằng Củng khóc thê thảm quá, nghĩ lại, ông mới biết chính ông đã mất bình tĩnh làm cho thằng Củng hoảng sợ. Từ xưa cho tới bây giờ, ông Lê chưa hề có thái độ giận dữ và lớn tiếng. Hôm nay, ông quát mắng như vậy, bảo sao thằng Củng không sợ điếng hồn.

Ông Lê cố giữ bình tĩnh, dịu giọng, vỗ về:

- Này, cụ lớn không la mày nữa. Nói mau, hòn đá này ở đâu ?

Thằng Củng bớt sợ, ấp úng đáp:

- Hôm qua trời mưa lớn. Con ra sau vườn thấy nước chảy trôi hết mấy luống đất. Con cuốc đất lại, thấy cục đá này lòi lên. Con thấy đẹp, nên đem nó vào, giấu sau cánh cửa, định khoe với cụ lớn.

Ông Lê vẫn nghi ngờ trí não của thằng Củng, ông gần hỏi:

- Mày có chắc là cục đá này hay không ?

Thằng Củng ngược đầu lên, quả quyết nói:

- Đúng nó mà , cụ lớn. Con rửa nó cho sạch sẽ rồi cất nó sau cánh cửa. Mà . ..

Thằng Củng ngập ngừng không dám nói tiếp.

Ông Lê thúc giục:

- Mày nói gì thì nói lẹ lên.

Thằng Củng ngạc nhiên hỏi:

- Làm sao cụ lớn biết con giấu cục đá này sau cánh cửa ?

Ông Lê cũng không hiểu tại sao ông cầm hòn đá này và ngủ gục trên ghế, nhưng cố an ủi thằng Củng, ông nói:

- Tao thấy nó lăn ra ngoài cửa.

Thằng Củng vẫn quì dưới gạch, ấp úng nói:

- Con không biết mới đem nó vô nhà, nếu cụ lớn không thích, để con bỏ nó trở lại sau vườn.

Ông Lê lắc đầu:

- Hòn đá này đẹp lắm, cứ giữ nó lại. Mày đứng dậy đi.

Thằng Củng mừng rỡ, hớn hờ hỏi:

- Nó đẹp bằng mấy thứ kia phải không ? Cụ lớn.

Thằng Củng vừa hỏi vừa chỉ mấy món đồ cổ để trong tủ kính.

Ông Lê gật gù nói:

- Mày biết nó đẹp là được rồi, đừng hỏi nữa.

Thằng Củng lồm cồm ngồi dậy, háng hái nói:

- Để con lấy nước sôi cho cụ lớn.

Ông Lê gật đầu:

- Ồ!

Bên ngoài trời sáng tỏ. Mặt trời lên cao gần đứng bóng. Bên trong nhà ông Lê vẫn tối lơ mờ. Ánh sáng chỉ lan qua khoảng thêm không soi rõ được bên trong

Thằng Củng đi khập khiễng, khuất dần qua khung cửa. Bóng tối phía trong nuốt mất thằng Củng.

Ông Lê lặng lẽ nhìn hòn đá nằm yên trong bàn tay ông.

Suốt hai năm cuối đời, ông Lê không sưu tầm thêm món đồ cổ nào nữa. Ông cũng không tiếp xúc với mọi người. Chỉ còn một người quanh quẩn và săn sóc cho ông là thằng Củng.

Ngày qua, thằng Củng không hiểu tại sao ông Lê cứ ngồi trầm ngâm nhìn hòn đá. Ông không còn tha thiết với biết bao món đồ cổ mà cả đời ông đã gom góp.

Một buổi chiều mùa đông giá lạnh, mưa nhỏ hạt nhưng gió rít từng cơn, thằng Củng thấy ông Lê nằm dài trên ghế tràng kỷ, để hòn đá trên bụng. Ông nằm bất động và không thở nữa.

Thằng Củng yên lặng nhìn ông. Con mắt phải còn lại của nó đỏ chạch. Nó khóc không thành tiếng.

Theo di chúc, ông Lê đã hiến toàn bộ tài sản đồ cổ cho nhà nước, còn ngôi nhà để lại cho thằng Củng. Nhưng chính quyền quản thu tất cả, luôn cả ngôi nhà.

Ngày đám tang của ông Lê có rất nhiều đến dự. Tất cả những người quyền thế, giàu có, và tiếng tăm đều có mặt. Chính quyền tổ chức tang lễ cho ông Lê rất lớn. Giàn đạo tỳ thật đông, có nhiều kinh nghiệm trong nghề.

Đến lúc người ta làm lễ động quan, mang hòm ông Lê ra nghĩa địa. Giàn đạo tỳ đến tám người đàn ông lực lưỡng mà không nhắc nổi cái hòm của ông Lê. Họ hì hục từ sáng đến trưa, tìm đủ mọi cách vẫn không làm sao nâng được cái hòm lên. Người ta đốt nhang đèn, cầu khẩn, van vái cũng không lay chuyển được cái hòm.

Trong khi mọi người đang hoang mang, không biết làm sao thì có một người xấu xí, khập khiễng len trong đám đông, đi vào. Người đó là thằng Củng. Mọi người đang ngạc nhiên, không biết thằng Củng làm gì. Từ mấy ngày nay, họ thấy nó lẩn quẩn trong nhà nhưng không ai để ý đến nó.

Thằng Củng đi lại gần, đặt một hòn đá lên nắp hòm. Lạ thay cái hòm nhẹ nhõm rời khỏi mặt đất và những người đạo tỳ không cần phải dùng sức nữa.

Lúc đó từ trên không, bỗng nhiên, thằng Củng nghe tiếng trâu rống vọng về, trầm trầm và thống thiết.

Tang lễ xong, chính phủ quản thu hết tài sản và niêm phong ngôi nhà của ông Lê.

Từ đó, không còn ai thấy thằng Củng nữa.

Thằng Củng đến với cuộc đời, không ai biết. Nó ra khỏi cuộc đời cũng không ai biết.

5. Chương 5

Mấy ngày qua, gió từ Đầm Thị Nại đột nhiên trở lạnh. Cùng với gió, mưa xuống nhỏ hạt, lất phất và dai dẳng. Năm nào có gió lạnh và mưa nhiều như vậy, người ta cho là điềm chẳng lành, sẽ có chuyện lạ xảy ra trong dân gian.

Quan Tổng đốc Nguyễn Đà không tin như vậy, ông cho rằng, thời tiết xoay chuyển, gió đổi theo mùa. Gió mưa nằm trong sự chuyển vận của trời đất. Hơn nữa, bao năm qua, dân chúng sống an lạc dưới sự chăm sóc của ngài, một người văn võ kiêm toàn. Nếu có chuyện lạ xảy ra, quan Tổng đốc tin rằng, phải là điềm may mắn.

Tuy suy nghĩ như vậy nhưng quan Tổng đốc cảm thấy không yên, ông thường bị cơn nhức đầu, buốt từ phía trước trán, lan qua hai thái dương đến sau ót. Mỗi lần ông xoay đầu, cơn đau nhức tăng lên dữ dội. Cùng lúc với cơn đau, mạch máu hai bên thái dương cứ nhồi phập phồng.

Càng bị cơn nhức đầu hành hạ, Nguyễn Đà càng sợ hơn. Nỗi lo hình như không phải vu vơ, mà ông biết rõ, do những nguyên nhân phát xuất từ bao nhiêu năm qua.

Năm nay, Nguyễn Đà đã hơn năm mươi tuổi. Già rồi, ông biết rõ, ở vào giai đoạn mà công danh và sự nghiệp lên cao nhất trong cuộc đời, cũng là lúc sức khỏe ông bắt đầu suy kiệt.

Nguyễn Đà nhìn qua cửa sổ. Trời đất u ám, ẩm đậm. Gió lạnh và ẩm ngoài kia thổi rít từng cơn. Gió luồn qua khung khe cửa, rít, và lạnh quá quỉ.

Tuy bác bỏ những lời đồn đãi của dân chúng, Nguyễn Đà không thể quên những điểm xấu mà dân gian thù ghét. Ông nhìn mông lung qua khung cửa.

Gió rít không ngừng, lạnh buốt.

Lạ thật. Nguyễn Đà lẩm bẩm. Những cái mụn trên trán, hai bên gò má, dưới cằm, mọi khi nhỏ li ti, tự dưng mấy ngày nay, chúng sưng lên, nổi mủ, đỏ húp.

Nguyễn Đà vốn người xấu tướng. Dáng ông nhỏ thó, hơi thấp nếu so với chiều cao trung bình, da sạm đen, mặt đầy mụn. Những cái mụn, khi to, khi nhỏ, phát sinh từ dạo Nguyễn Đà mới lớn.

Đối với mọi người, mụn mặt chỉ nổi lên một thời rồi lặn đi. Nhưng với Nguyễn Đà, mụn cứ bám lấy mặt ông, từ dạo đó cho tới bây giờ. Có lúc, mụn sưng to làm mủ, nhức nhối, đến nỗi, ông phải mời lương y đến điều trị. Thông thường, chúng nổi đều trên mặt, hết cái này đến cái khác. Vì thế, dù làm đến Tổng đốc một tỉnh, Nguyễn Đà không bỏ được thói quen, ngồi nặn mụn.

Mặt Nguyễn Đà vuông nhưng cằm không bạnh, mũi không cao, cặp môi vừa đen vừa dày, tóc đen mốc, nhám cứng, tua tủa.

Mắt Nguyễn Đà tuy to nhưng lộ, chân mày dài mà không đen. Khuôn mặt Nguyễn Đà đầy mụn mà thân hình thấp nhỏ, nên ông làm đến Tổng đốc mà thiếu oai phong, không có dũng khí.

Nguyễn Đà nhìn vào gương đồng, cố ép tóc hai bên đầu cho sát lại, nhưng chúng cứ ngang chướng chìa ngược lên. Vuốt tóc một lúc, Nguyễn Đà đột nhiên nổi giận, quát:

- Bậy đầu.

Có tiếng dạ ran. Lập tức một người, từ phía sau màn cửa, bước ra, lom khom đi tới. Người ấy đi, lưng còng, cúi mặt, hai tay chấp lại. Rõ ràng, người này đã từng trải trong chốn quan trường.

Nguyễn Đà lớn giọng hỏi:

- Tùy Hầu, bức tranh đó như thế nào ?

Người hầu cận, Tùy Hầu cung kính đáp:

- Kính thưa đại nhân, đẹp và oai hùng lắm.

Nguyễn Đà nhích mép cười:

- Ta muốn hỏi, mặt của người trong tranh ra sao ?

- Thưa...

- Người cứ nói.

- Dạ, khuôn mặt trong tranh vẫn còn như thế.

- Nó không chịu sửa đổi hay sao ?

Tùy Hầu cúi móp người, run giọng đáp:

- Thưa ngài, tiểu nhân đã dùng mọi cách khảo hình mà chúng vẫn không tuân phục.

Nguyễn Đà gằn giọng hỏi:

- Thế thì chúng muốn gì ?

Tùy Hầu sợ hãi, đáp:

- Ông ta nhất định không chịu sửa lại bức tranh.

- Người có nói cho nó biết. Nếu nó chịu sửa khuôn mặt trong tranh sẽ được trọng thưởng năm chục lượng vàng hay không ?

Tùy Hầu kính cẩn gập đầu:

- Thưa ngài, tiểu nhân hết tra khảo rồi đồ dành. Tiểu nhân bảo hần rằng, chỉ sửa lại mấy cái mụn trên mặt thôi. Chỉ sửa lại có mấy cái mụn mà được cả năm chục lượng vàng. Nhưng hần nhất định không chịu làm.

Nguyễn Đà bực bội hỏi:

- Còn bài văn chép lại tiểu sử của ta đã xong chưa ?
- Thưa đại nhân, bài tiểu sử đã xong rồi.
- Phần công đức trong thời làm quan của ta, nó có chép lại hay không ?

Tùy Hầu run sợ, móp người xuống:

- Tiểu nhân đã đánh đập rồi cố thuyết phục nhưng hần không chịu nghe theo. Hần nói rằng...

Viên hầu cận nói đến đây đã lú lười. Hần lập bập mãi vẫn không ra lời.

Nguyễn Đà nổi giận, hét lớn:

- Nó nói điều gì ?
- Dạ, tiểu nhân không dám lặp lại.
- Ta cho phép, ngươi cứ nói.
- Thưa đại nhân, hần nói rằng, ở đời có ba điều xằng bậy, không có tài mà đòi trèo cao, không có công mà ham hưởng bổng lộc nhiều, không có đức mà muốn người đời tuân phục.

Nguyễn Đà đứng phắt dậy, giận đến tím mặt:

- Bọn láo, dám mang lời lẽ thánh hiền để nhạo báng ta. Nó còn nói gì nữa không ?
- Dạ, tiểu nhân không dám...

Thấy thuộc hạ quá sợ hãi, Nguyễn Đà phải ngồi xuống, dịu giọng:

- Ta không trách phạt ngươi, cứ nói hết cho ta nghe.

Tùy Hầu lấp bắp:

- Hần nói rằng, đại quan tuy có tài đó nhưng công ít và đức mỏng, tại sao phải chép vào sử sách những điều không thật. Hần còn quyết liệt cho rằng, cái chết cũng không thể bắt hần viết sai sự thật hưởng chi một trăm lượng vàng ban thưởng.

Nguyễn Đà đứng lên, im lặng nhìn qua cửa sổ.

Mưa vẫn rơi lất phất ngoài kia. Gió len qua khe cửa lay tấm màn màn kêu lạch cạch không ngừng.

Tùy Hầu quì móp dưới sàn, không dám nhúc nhích. Kinh nghiệm trong đời hần cho biết, những khi quan Tổng đứng im lặng là lúc đáng sợ hơn cả. Lúc quan nổi giận, đập bàn, hần còn có thể van xin và cầu khẩn được. Nhưng khi quan im lặng, chỉ có cách là nín thinh, quì móp và chờ đợi.

Thời gian trôi qua chừng tàn nửa cây nhang. Tùy Hầu mệt quá, hai đầu gối đau buốt và ống chân tê dại.

Thời may, Nguyễn Đà quay lại, tăng hắng, rồi xuống giọng:

- Ngươi đứng dậy đi.
- Dạ.
- Truyền lệnh của ta, cạo đầu chúng nó, tháo giày, bắt đi bộ về làng. Cấm tuyệt, không cho ai giúp đỡ, bất cứ kẻ nào tìm cách giúp chúng, sẽ bị tội khảo hình và chung thân.

Giọng Nguyễn Đà đanh thép và lạnh lùng. Tùy Hầu không dám nhìn lên nhưng qua bao nhiêu năm, hần đã biết quan Tổng đốc đang trợn mắt, cắn chặt hàm răng, quai hàm bạnh lại. Bất cứ một lời nói hay cử

chỉ nào, dù vô ý, cũng có thể xem như xúc phạm quan Tổng đốc, và dĩ nhiên, kẻ không may mắn ấy sẽ chịu nhiều tai ương.

Biết vậy, Tùy Hầu im lặng quì mốp dưới sàn. Hấn không dám cử động, thậm chí đến chẳng dám thở mạnh.

Chờ khá lâu, không thấy người hầu cận nhúc nhích, Nguyễn Đà ngơai ngoai giận, dịu giọng nói:

- Người còn chần chờ gì nữa.

Tùy Hầu lật đặt nhõm dậy:

- Thưa ngài, tiểu nhân thi hành ngay. Trước khi đi, tiểu nhân có chuyện này cần bẩm với ngài.

Nguyễn Đà lấy làm hài lòng vì thái độ phục tùng của thuộc hạ :

- Được, người cứ nói.

- Thưa ngài, tiểu nhân biết có một người có thể giải quyết chuyện này.

- Người nói đi.

- Người này thông hiểu mọi chuyện trên đời, có thể tìm ra căn nguyên để giải quyết vấn đề cho đại nhân.

Nguyễn Đà vui vẻ gật đầu:

- Tốt lắm, người cho người gọi hấn đến đây.

Tùy Hầu lưỡng lự một lúc rồi nói:

- Người này không thể mời được.

Nguyễn Đà trợn mắt, giận dữ hỏi:

- Tại sao ? Hấn là ai ?

- Người này ở xa, lại lánh mặt thế nhân. Ngài phải thân hành đi mới được.

Nguyễn Đà nhú mày, lấy làm khó chịu:

- Hấn là ai mà làm cao như vậy ?

Tùy Hầu cúi đầu đáp:

- Người này làm việc không vì tiền, không vì danh, không vì lợi. Không có điều gì trên thế gian có thể sai khiến ông ấy được.

Nguyễn Đà nhếch mép, cười sắc lạnh:

- Người nói có thật không ? Trên đời có kẻ như thế sao ? Thế hấn sống bằng thứ gì ?

Tùy Hầu lễ phép đáp:

- Người này sống ẩn trên núi cao, sống cùng đất trời, ăn rau cỏ mà trường thọ.

Nguyễn Đà bật cười:

- Người chỉ nghe lời đồn nhảm.

Tùy Hầu cúi đầu, không dám cãi, chỉ nhỏ nhẹ nói:

- Tiểu nhân chỉ nghe người ta bảo thế. Người này ngồi một chỗ mà biết hết mọi chuyện trên thế gian.

Nguyễn Đà thấy thần sắc cung kính của viên hầu cận, không ngăn nổi tính hiếu kỳ, liền hỏi:

- Thế hấn dùng cách gì để biết chuyện thiên hạ ?

- Thưa đại quan, người này không cần biết ngày sinh tháng đẻ để không coi tướng, không xem chỉ tay, thậm chí đến không nhìn mặt.

- Như vậy, hấn căn cứ vào điều gì để biết chuyện người ta ?

- Thừa đại nhân, người này chỉ nhìn bóng.

Nguyễn Đà bật cười:

- Nhìn bóng để đoán chuyện người. Người tin điều đó hay sao ?

Tùy Hầu cung kính đáp:

- Tiểu nhân chưa gặp người này bao giờ. Tiểu nhân chỉ được những người trong họ hàng và quen biết kể lại cho nghe mà thôi.

Nguyễn Đà hoài nghi hỏi:

- Người ta nói về hắn như thế nào ?

- Thừa đại nhân. người này thông biết mọi chuyện trong thiên hạ, chưa bao giờ nói sai. Ông ấy ăn rau cỏ, sống cùng gió mưa.

Tên của hắn là gì:

- Tiểu nhân không biết, chỉ nghe thiên hạ gọi ông ta là Thầy Bất Bóng.

Nguyễn Đà ngửa mặt lên trời cười:

- Được, ta sẽ đi gặp hắn. Người chuẩn bị lên đường.

Nguyễn Đà không đi ngựa mà dùng kiệu. Quan Tùy Hầu cho lựa bốn tráng đinh lực lưỡng để khiêng kiệu. Quan Tổng đốc giả làm một phú ông, cả bọn quan quân hóa trang làm người hầu.

Đường lên núi Bích Khê quanh co, hiểm trở. Trời mưa lầy lội. Đường dầy bùn trơn trượt. Đoàn người ngày đi đêm nghỉ. Bốn tráng đinh phải bám chân mà đi. Mới qua một ngày đầu mà bàn chân của họ đều rướm máu. Họ biết quan Tổng đốc rời dinh, giả làm thường dân để lên núi, hẳn nhiên chuyện này phải quan trọng.

Bốn người đều biết, sơ sẩy để rớt kiệu, gây thương tích cho quan Tổng đốc, tội đáng rơi đầu.

Di dọc theo dãy núi Kim Sơn đã hết ba ngày. đoàn người qua khỏi quận Hoài Nhơn, đoàn người theo đường mòn men nhánh núi này.

Thêm một ngày nữa, khi qua vùng Lại Khánh, núi cao dựng. chất ngất.

Tùy Hầu bước gần lại kiệu, hỏi nhỏ:

- Thừa đại quan, chúng ta có nghỉ ngơi không ?

Nguyễn Đà khoác màn, nhìn cảnh núi non trùng điệp, lưỡng lự hỏi:

- Đã tới núi Bích Khê phải không ? Nhà ông ta ở phía nào ?

Tùy Hầu chỉ tay về phía hai ngọn cao nhất:

- Đó là ngọn Chóp Chài và Hòn Cao của núi Bích Khê Hai ngọn núi này đứng song song gần nhau. Ngọn Chóp Chài ở phía Nam, còn Hòn Cao ở phía Bắc, nhìn xuống biển Đông. Nhà Thầy Bất Bóng ở lưng chừng ngọn Hòn Cao.

Nguyễn Đà thấy hai ngọn núi cao ngất. Cả hai ngọn đều cao hơn sáu trăm thước. Mặt Bắc nhìn xuống sông Lại Dương quanh co, uốn khúc. Mặt Đông đi sát biển, nhìn xuống, chỉ thấy nước xanh ngắt một màu, mênh mang vô tận. Mặt Nam quay về cánh đồng Phù Mỹ bao la và đầm Trà Ô lảng lại, êm ả. Mặt núi xoay ra biển, dốc đứng, cheo leo nhưng có nhiều cây cối. Mặt quay vô đất liền thoải hơn nhưng khô cằn, trơ trọi.

Nguyễn Đà thấy cảnh trời đất mênh mông, bao nhiêu sự bực bội trong lòng chợt lắng dịu. Ông muốn dừng chân nghỉ ngơi nhưng biết chung quanh chẳng có dân cư ngụ. Hơn nữa, sự nôn nóng gặp Thầy Bất Bóng cứ thúc dục trong lòng, ông liền nghiêm giọng:

- Chúng ta tiếp tục đi, phải gặp ông ấy trong ngày hôm nay.

Đoàn người vừa dừng chân, chưa kịp nghỉ ngơi lại phải cất bước lên đường.

Nhà Thầy Bắt Bóng ở lưng chừng ngọn núi Hòn Cao, phía quay ra biển. Nhà cất đơn sơ, làm bằng phen tre, lợp lá. Nhà chia làm ba gian. Phía ngoài là chỗ tiếp khách, có hai cửa thông ra phía sau. Một bên là nơi làm việc. Một bên là chỗ nghỉ ngơi, vừa là nhà bếp, vừa là phòng ngủ.

Khi đoàn người của quan Tổng đốc đến nơi, trời đã quá trưa.

Mưa tạnh từ hôm qua nên cảnh vật tươi mát. Quan Tùy Hầu cho hạ kiệu ngoài sân rồi đích thân mang tặng phẩm, cúi đầu bước qua cửa.

Trong nhà vắng lặng. Tùy Hầu chỉ thấy một đứa trai chừng mười sáu tuổi, đứng buông thông hai tay, im lặng chờ đợi.

Tùy Hầu biết người này tên Côn, tớ trai của Thầy Bắt Bóng.

Từ bao nhiêu năm qua, Thầy Bắt Bóng chỉ sống cô độc với đứa tớ trai này.

Thằng Côn vốn xấu xí, dị dạng từ thuở mới sinh ra đời. Gia đình Côn ở dưới chân núi. Từ nhỏ, lúc sinh ra, Côn đã tỏ ra quái dị. Nó chỉ có một mắt bên trái. Mắt bên phải có cái hốc mà không tròng. Nó bị sứt môi, đường chẻ môi trên đi vào lỗ mũi trái. Do đó, môi miệng mũi của Côn thông nhau, trống phọc. Thân hình Côn ốm yếu. Lồng ngực nó bị lép bên trái, gồ lên bên phải. Tay trái teo nhỏ nên nó chỉ làm việc với tay phải. Chân trái Côn cũng tật nguyên. Chân này vừa ngắn vừa nhỏ. Các ngón chân dính vào nhau. Khi bước đi, cánh tay trái đung đưa còn tay phải quơ tới lui để giữ thăng bằng. Vì thế mà dáng đi của Côn khập khểnh. Côn lại nhìn nghiêng vì con mắt còn lại bên phải bị lép. Gia đình Côn biết khó có thể nuôi sống thằng bé nên đã đem nó cho Thầy Bắt Bóng từ mới lọt lòng. Thầy đã nuôi nó bằng nước cháo với đường.

Do đó, thằng Côn vốn đã dị dạng, lại thiếu ăn nên người nó ốm tong, chỉ có da bọc xương.

Mặc dù bộ dạng xấu xí nhưng Côn rất khôn lanh. Nó siêng năng, một mình quán xuyến mọi việc, từ chuyện trong nhà, nấu ăn, quét dọn, cho đến bên ngoài, trồng trọt và chăn nuôi.

Người còn lại trong nhà là Thầy Bắt Bóng. Người ta không biết tên thầy là gì. Họ chỉ biết thầy sống cô độc trong căn chòi lá trên núi với đứa tớ trai. Họ căn cứ vào công việc của thầy mà gọi là Thầy Bắt Bóng.

Thầy giúp cho thiên hạ mà không nhận tiền thù lao nên người ta mang cho thầy thức ăn và quần áo. Thầy chỉ nhận chút ít, phần còn lại, phân phát cho dân nghèo.

Người ta không biết Thầy Bắt Bóng già hay trẻ, chẳng rõ thầy bao nhiêu tuổi. Dân chúng cho rằng thầy già lắm vì các bộ lão trong làng đều biết Thầy từ lâu. Dân làng cũng không biết mặt mũi Thầy ra sao. Quanh năm, Thầy Bắt Bóng mặc quần áo vải thô, quần khăn che mặt kín mít. Người ta truyền miệng rằng, Thầy mắc bệnh hủi, lở loét khắp người.

Tùy Hầu chờ một hồi lâu vẫn không thấy thằng Côn cử động hay nói năng gì. Hắn bèn chắp hai tay, hướng mặt vào trong, kính cẩn nói:

- Chúng tôi là những người ngưỡng mộ tài nghệ và công đức của Thầy, hôm nay lặn lội đến đây để nhờ Thầy giúp đỡ đôi lời.

Tùy Hầu vừa dứt lời thì thằng Côn chỉ tay vào chiếc bàn ở giữa nhà, cất giọng khàn đục, âm ngọng nghịu:

- Khách quan để quà ở đó. Ai là người muốn gặp Thầy ?

Tùy Hầu cúi đầu đáp:

- Ông chủ tôi muốn gặp Thầy.

Thằng Côn hỏi tiếp:

- Ông chủ ở đâu ?

Tùy Hầu liền đáp:

- Chủ tôi còn chờ ngoài kiệu.

Côn nói như ra lệnh:

- Mời ông chủ vào.

Thằng Côn vừa dứt tiếng thì Nguyễn Đà đã bước qua ngưỡng cửa. Ông dừng lại ở đó, quan sát chung quanh. Trong nhà Thầy Bất Bồng trống trơn. Giữa phòng khách chỉ có một cái bàn và một cái băng gỗ cũ kỹ, đã mục hết mấy chân. Nền nhà bằng đất. Vách lá loang lỗ. Chân vách đã mục nát.

Sự đơn sơ và nghèo nàn của Thầy Bất Bồng làm Nguyễn Đà cảm thấy xao xuyến. Ông hoài nghi về lời đồn của dân chúng.

Một người có khả năng như Thầy Bất Bồng, nổi tiếng, được thiên hạ kính nể, sao lại sống trong một căn nhà thảm hại như thế này.

Còn đứa tớ, nói năng như kẻ man di, mọi rợ.

Trông nét mặt của quan Tổng đốc, Tùy Hầu biết ý, liền bước lại gần, nói nhỏ:

- Thưa đại nhân, dù sao chúng ta đã đến nơi rồi.

Nguyễn Đà trầm ngâm suy nghĩ. Càng suy nghĩ ông càng chán nản.

Tùy Hầu đứng khép nép một bên, không dám nói gì nữa.

Trong lúc mọi người đang phân vân, bỗng nhiên có tiếng nói từ sau bức vách vọng ra:

- Đại nhân đã không quản ngại đường xa, trải qua nhiều ngày cực khổ mới đến đây. Kẻ hèn này cảm động và tửu thẹn lắm. Nếu đại nhân không muốn gặp mặt, xin cho kẻ này mời một chút trà để tỏ lòng cảm kích.

Giọng Thầy Bất Bồng thật sắc, lời rõ từng chữ, âm như xoáy vào tai những người hiện diện. Cách nói không cầu kỳ nhưng vẫn lịch sự, vừa tỏ ý chào mừng khách mà cũng vừa lộ vẻ bất cần.

Nguyễn Đà vốn đã quen nghe lời xưng tụng. Trong đời chưa có ai dám khước từ một lời yêu cầu nào của ông. Chỉ có người van xin và lạy lục - Nguyễn Đà, chứ ông không hề cầu khẩn ai.

Tuy trong lòng bực bội, Nguyễn Đà cố dè nén, giữ giọng bình thản:

- Tôi nghe người đời xưng tụng Thầy là người thông thiên đạt địa, quán triệt quá khứ và vị lai. Thầy ngồi một chỗ mà biết mọi chuyện của thiên hạ. Hôm nay, tôi không ngại đường xa để đến đây để xin Thầy chỉ dạy cho đôi điều.

Giọng nói từ sau bức vách đáp lại:

- Đại nhân đã có lòng thương tưởng, kẻ hèn này quyết tận lòng phục vụ cho ngài.

Nguyễn Đà cảm thấy vừa lòng về những lời của Thầy Bất Bồng. Ông gật đầu, hỏi:

- Tôi đến chỉ xin Thầy giải đáp cho vài điều rồi đi ngay, không dám quấy rầy Thầy lâu. Bây giờ, tôi phải làm gì ?

Thầy Bất Bồng nói vọng ra:

- Côn, sao không mời đại nhân.

Thằng Côn liền bước tới đưa tay mời Nguyễn Đà đi vào khung cửa có phủ màn đen.

Bên trong tối lờ mờ, ánh sáng phía ngoài chỉ hắt vào được khoảng phân nửa phòng ngoài.

Nguyễn Đà bước vào trong, vội đứng dừng lại, vì trong phòng tối quá Trong khi ông đang lưỡng lự, chưa biết phải làm sao, chợt phía sau bức vách có liếng một vật, hình như là chung trà, rơi vỡ toang trên nền đất.

Nguyễn Đà đưa tay ra trước mới biết trước mặt ông có tấm màn đen. Sau tấm màn ấy có một người. Ông biết người ấy là Thầy Bất Bồng.

Sau tiếng vỡ của chung trà, trong phòng vẫn tối om và im lặng ngọt ngào, ngoại trừ hơi thở nặng nề của Thầy Bất Bồng.

Hơi thở nhẹ dần rồi tiếng Thầy Bất Bồng cất lên, giọng hoảng hốt:

- Đại nhân không phải là người bình thường. Xin tha tội, nếu Đại nhân là bậc thiên tử, kẻ hèn này đã tiếp đón không đúng cách.

Giọng Thầy Bất Bóng thẳng thốt, khác hẳn giọng trầm tĩnh lúc ban đầu. Sự thay đổi giọng nói và kiểu cách hạ mình của Thầy Bất Bóng làm cho Nguyễn Đà hồ nghi thêm. Ông nghiêm giọng hỏi:

- Thầy chưa thấy tôi, chưa nhìn mặt tôi, tại sao Thầy xưng tụng tôi quá nhiều như vậy ?

Thầy Bất Bóng vội đáp:

- Xin lỗi, chính thật, không phải tôi ám chỉ Đại nhân.

Nguyễn Đà ngạc nhiên hơn, liền hỏi:

- Thế thì Thầy nói về người nào ?

- Tôi muốn nói đến cái bóng của Đại nhân.

- Bóng của tôi ?

- Thưa đúng, ánh sáng tuy mờ từ bên ngoài nhưng đủ cho tôi thoáng thấy cái bóng của Đại nhân trên vách.

Nguyễn Đà nhìn lại, lúc này mắt ông đã quen với bóng tối. Ông thấy ánh sáng mờ mờ từ bên ngoài soi bóng ông chập chờn, mờ mờ trên bức vách. Nguyễn Đà càng hoài nghi, cái bóng không có gì đặc biệt, tại sao thầy Bất Bóng dám đại ngôn như vậy. Hay là Thầy chỉ khoa trương để lừa thiên hạ.

Nghĩ đến đây, ông cười nhẹ :

- Cái bóng của tôi vẫn là bóng tôi như tự thuở nào, nó có gì khác lạ đâu.

Giọng Thầy Bất Bóng vừa u buồn vừa lãnh đạm:

- Cái bóng của Đại nhân đã theo ngài từ khi ngài được sinh ra đời. Bao nhiêu hoài bão, ước muốn, tâm nguyện của ngài đều được cái bóng cứu mang. Chẳng qua Đại nhân nhìn bóng mà không thấy được cái bên trong của bóng nên không tự biết được mình. Tôi chưa thực sự thấy hết bóng của ngài, chỉ mới nhìn thoáng qua mà thôi...

Thầy Bất Bóng ngưng một chút rồi thở dài, tiếp lời:

- Bây giờ, Đại nhân cho phép tôi làm việc.

Nghe những lời thành khẩn của Thầy Bất Bóng, Nguyễn Đà bớt xem thường Thầy nhưng lòng nghi ngờ vẫn không suy giảm. Ông muốn biết sự việc sẽ đi đến đâu, liền hỏi:

- Bây giờ tôi phải làm sao ?

Thầy Bất Bóng lạnh lùng nói:

- Mời Đại nhân ngồi trên cái ghế bên cạnh nhưng ngài không được ngồi yên mà cử động, xoay chuyển liên tục.

- Tôi chỉ làm bao nhiêu việc như vậy sao ?

- Đúng vậy, ngài cứ làm theo lời tôi dặn.

Rồi Thầy Bất Bóng lên giọng:

- Còn đâu, sao không thắp đèn lên.

Thằng Côn đang đứng bên ngoài phòng khách, lật lật đi vào trong, lấy một cái đèn, mồi lửa lên. Nó đặt cái đèn nơi cửa, sau bức màn, phía trước Nguyễn Đà ánh đèn soi cái bóng của Nguyễn Đà chập chờn trên vách.

Thắp đèn xong, Côn lẳng lẳng rút lui ra ngoài.

Bấy giờ, Thầy Bất Bóng nghiêm giọng nói:

- Xin mời đại nhân cử động.

Nguyễn Đà ngồi trên cái ghế không có lưng dựa và tay gác. Ông làm theo ý muốn của Thầy Bắt Bóng, xoay chuyển liên tục, lúc quay ra trước, khi xoay ra sau, khi nghiêng, lúc ngửa, lúc cúi.

Trong phòng im lặng hoàn toàn. Chỉ có tiếng mấy chân ghế lỏng khớp, hử chêm, kêu kèn kẹt.

Sự việc diễn ra đều đặn và buồn chán như thế được một lúc, hơi thở của Thầy Bắt Bóng càng lúc càng nặng nề hơn. Thêm một hồi lâu, Thầy thở một nhọc, phát âm khèn khẹt như bị nghẹt đường thở, rồi đột nhiên Nguyễn Đà nghe tiếng Thầy Bắt Bóng ú ớ:

- Côn... Côn...

Sau đó có tiếng người ngã xuống nền đất. Tiếng kêu huỳnh huych, nặng nề.

Nguyễn Đà biết Thầy Bắt Bóng đã ngã xuống đất nhưng không biết lý do tại sao. Ông không còn nghe tiếng thở của Thầy Bắt Bóng nữa.

Thằng Côn khoác màn chạy vào, hoảng hốt kêu lên:

- Thầy . . . Thầy tỉnh dậy mau.

Nguyễn Đà hé màn nhìn qua, thấy thằng Côn đỡ Thầy Bắt Bóng lên.

Phòng tối mờ, Nguyễn Đà không thấy rõ sắc diện của Thầy Bắt Bóng, chỉ nghe hơi thở ông ta thoi thóp như sắp đứt hẳn.

Thằng Côn vừa khóc vừa kêu gào:

- Thầy ơi ! Đừng chết. Thầy ơi ! Đừng chết.

Côn cứ khóc và lập đi lập lại mấy chữ đó mãi khiến Nguyễn Đà bức bối. Ông định quát bảo nó cầm họng thì Thầy Bắt Bóng đột nhiên cựa quậy rồi ngồi dậy. Thầy ngồi điềm nhiên, giọng tỉnh táo:

- Côn, im đi ! Thầy có chết bao giờ.

Thằng Côn nín bặt, nhìn Thầy Bắt Bóng trân tráo một hồi rồi lẳng lặng đi ra ngoài.

Nguyễn Đà không thấy được mặt Thầy Bắt Bóng vì tấm khăn che hết cả mặt ông ta. Nguyễn Đà chỉ thấy đôi mắt sáng long lanh. Ông cảm thấy ngạc nhiên vì Thầy Bắt Bóng không có vẻ gì là người vừa mới bất tỉnh. Ông lo lắng hỏi:

- Thầy không sao chứ ?

Thầy Bắt Bóng lắc đầu:

- Tôi khỏe như bình thường. Vừa qua tôi chỉ bị kích ngất vì xúc động quá

Nguyễn Đà ngạc nhiên hỏi tiếp:

- Mỗi lần Thầy bói cho người nào cũng phải té xỉu vậy sao ?

- Không! Đây là lần đầu tiên trong hơn ba mươi năm, tôi mới bị xúc động nhiều như vậy. Chẳng qua...

Thầy Bắt Bóng ngưng bặt. Hình như Thầy vẫn còn bị cơn xúc động chi phối tâm thần.

Nguyễn Đà tò mò hỏi:

- Thầy xem như vậy đã xong chưa ?

Thầy Bắt Bóng gật đầu:

- Bao nhiêu đó đủ rồi. Bây giờ, tôi muốn biết đại nhân muốn hỏi điều gì ?

Nguyễn Đà thấy thái độ Thầy ngập ngừng, không biết chuyện tốt hay xấu. Cảnh thầy Bắt Bóng xúc động đến ngất xỉu, chứng tỏ sự việc chẳng phải tầm thường.

Suy nghĩ như vậy nhưng ông cố giữ bình tĩnh, điềm nhiên nói:

- Tôi đến đây để nhờ Thầy chỉ dạy. Thầy cứ nói sự thật, không có chuyện gì trở ngại cả.

Thầy Bắt Bóng vẫn e ngại:

- Xin Đại nhân hứa không phiền giận và không bắt tội kẻ hèn này.

Nguyễn Đà gật đầu:

- Tôi xin hứa với Thầy.

Thầy Bắt Bóng cẩn thận nói:

- Đây chỉ là lời đoán mò cho vui vậy thôi. Đại nhân nghe xong xin bỏ qua cho.

Nguyễn Đà đồng ý nói:

- Tôi đã hứa với Thầy rồi.

- Vậy đại nhân muốn hỏi điều gì ?

- Điều tôi muốn biết, tại sao tôi giữ quyền cao chức trọng trong hơn hai mươi năm qua, chấn dất trăm họ, trên tuân phục triều đình, dưới hết lòng với dân, không nề hà gian lao cực khổ. Dân chúng sống yên lành, sung túc. Vì sao người đời vẫn không phục tôi ?

Thầy Bắt Bóng cúi đầu, nhỏ nhẹ đáp:

- Đại nhân giữ chức cao, quyền hạn lớn, không tham ô , trên dưới phân minh nhưng người dân không phục ngài chỉ vì một kẻ chặn đứng đức độ của ngài.

Nguyễn Đà nghe qua, rung mình kinh hãi. Ông nắm quyền cao, đứng đầu một tỉnh. Nếu có người cản trở ông, kẻ đó phải ở xa, tận trong triều đình.

Thấy Nguyễn Đà lặng thinh, Thầy Bắt Bóng khẽ nói:

- Thưa đại nhân, ngài có cần biết thêm nữa không ?

Nguyễn Đà nôn nả nói:

- Thầy cứ nói tiếp.

- Kẻ cản trở Đại nhân, không ở đâu xa, lúc nào cũng ở bên cạnh ngài.

Nguyễn Đà liên tưởng ngay đến những người chung quanh. Trong gia đình, vợ con và anh em trong họ, không ai có thể làm chuyện này được. Chỉ có một người, Nguyễn Đà nghĩ ngay đến quan Tùy Hầu.

Thầy Bắt Bóng trầm giọng:

- Xin Đại nhân đừng nghĩ oan cho những người vô tội.

- Vậy Thầy cho tôi biết kẻ đó là ai ?

Thầy Bắt Bóng lạnh lùng nói:

- Kẻ đó là cái bóng của Đại nhân.

Nguyễn Đà giật mình. Câu trả lời của Thầy Bắt Bóng làm cho ông cảm thấy ngạc nhiên và nghi ngờ khả năng của Thầy.

Ông không lộ sự bức bối, nói qua giọng cười:

- Cái bóng của tôi là từ tôi mà ra.

Thầy Bắt Bóng nghiêm giọng:

- Nhưng chính nó là kẻ đã cản trở ngài.

Nguyễn Đà càng không thể tin được:

- Bóng của tôi lại cản trở tôi. Hừ ? Thế thì tôi phải làm sao ?

- Đại nhân hãy suy nghĩ cho kỹ. Nếu cái bóng đã cản trở Đại nhân thì một khi không còn có nó nữa, người đời sẽ tâm phục.

Giọng Thầy Bắt Bóng thật nghiêm trọng.

Nguyễn Đà liên tưởng đến chuyện Thầy vừa ngắt xỉu, tâm trạng hoang mang, nửa tin nửa nghi ngờ, bèn nhỏ nhẹ nói:

- Xin Thầy nói rõ hơn.

Thầy Bắt Bóng vẫn trầm giọng, nghiêm nghị:

- Đại nhân là người văn võ song toàn, trí cao hơn thiên hạ . Ngài suy nghĩ, tự khắc sẽ có cách giải quyết. Nhưng . ..

Bên kia bức màn, không có tiếng đáp lại. Một hồi lâu, tiếng Thầy Bắt Bóng cất lên đều đặn:

- Đạo có thể nói được không phải là đạo thường; tên có thể gọi được không phải là tên thường. Không, là gọi cái trước trời đất; có, là gọi mẹ muôn loài...

Giọng Thầy Bắt Bóng trầm ấm, đều đều.

Nguyễn Đà định hỏi nhưng tiếng Thầy cứ vang đều:

- Đạo có thể nói được không phải là đạo thường; tên có thể gọi được không phải là tên thường. Không, là...

Nguyễn Đà biết không thể hỏi thêm gì được nữa.

Bên kia, tiếng Thầy Bắt Bóng vẫn vang lên trầm đều . Tiếng Thầy nhỏ dần rồi im bật.

Chờ một lúc, không nghe một chút động tĩnh nào, Nguyễn Đà đành lặng lẽ cáo lui. Ông cho viên Tù Hưu để lại vàng bạc, vãi vóc để tạ Ôn Thầy Bắt Bóng, rồi cùng đoàn tùy tùng ra về.

Ba ngày trôi qua Mưa đã dứt. Gió lạnh cũng ngừng. Trời trở nên sáng sủa. Đất khô ráo. Sinh hoạt của dân chúng sôi động trở lại. Ngoài chợ, người đông đảo. Trong quán, khách ăn uống náo nhiệt. Người ta xầm xì về chuyện quan Tổng đốc lên núi tìm Thầy Bắt Bóng. Kẻ xấu miệng, cho rằng mưa gió thảm sầu trong mấy ngày qua là điềm không tốt cho quan Tổng đốc. Người hiền lành, cho rằng Thầy Bắt Bóng nhờ quan Tổng đốc ban phát điều tốt lành cho trăm họ.

Ngoài dân chúng xôn xao như vậy, trái lại, trong dinh Tổng đốc im lặng khác thường.

Nguyễn Đà không làm việc, công văn chồng chất trên bàn.

Suốt ngày, Nguyễn Đà ngồi yên lặng trong phòng riêng. Ông không tiếp bất cứ ai. Chỉ có một người được phép ra vào, là quan Tù Hưu.

Nguyễn Đà ngồi bên cửa sổ, hút thuốc liên tục.

Quan Tù Hưu vấn thuốc cho ông không kịp.

Mặt Nguyễn Đà đen sạm, mụn nổi nhiều hơn. Thần sắc càng ngày càng nghiêm trọng.

Quan Tù Hưu đi tới lui lặng lẽ trong phòng. Hắn không dám ho và thở mạnh. Sau khi từ núi Bích Khê trở về, Tù Hưu liên tưởng đến những điều ghê gớm, có thể ảnh hưởng đến vận mạng và sự nghiệp của quan Tổng đốc, nhưng hắn không biết là chuyện gì ? Hắn không dám cử động mạnh huống chi là mở miệng hỏi han.

Những lúc đến gần Nguyễn Đà, quan Tù Hưu cố liếc nhìn. Chỉ thoáng nhìn qua mặt quan Tổng đốc, Tù Hưu phát kinh hãi. Mặt Nguyễn Đà vốn xám xịt, bây giờ trở nên đen sạm. Những cái mụn nhỏ nổi to lên. Những cái mụn to phát mủ. Hai chân mày của Nguyễn Đà châu lại, như dính vào nhau. Ông hút thuốc liên tục, phà khói tràn ngập cả phòng. Mùi khói thuốc khét ngột khiến Tù Hưu ngộp thở.

Quan Tù Hưu phát giác một điều kỳ lạ. Quan Tổng đốc cứ ngồi nhìn cái bóng của ông trải dài trên nền nhà . Nắng xuyên qua cửa sổ, chiếu gay gắt lên người Nguyễn Đà, kéo cái bóng của ông dài ngoằn, quái dị.

Mỗi lần Nguyễn Đà nghiêng qua, vói lấy điều thuốc trên bàn, cái bóng lay động, chập chờn, biến dạng.

Những khi cử động như vậy Nguyễn Đà càng quan sát cái bóng kỹ hơn.

Đến ngày thứ ba, đột nhiên, Nguyễn Đà vấy tay, gọi quan Tù Hưu lại gần. Ông nghiêm giọng hỏi:

- Người thấy cái bóng của ta có gì lạ không ?

Tù Hưu nghe giọng khàn đục và yếu ớt của quan Tổng đốc, hắn cảm thấy ngạc nhiên, nhưng điều khiến hắn run sợ là chuyện cái bóng. Hắn không biết tại sao mấy ngày qua, quan Tổng đốc bỏ ăn uống, cứ ngồi nhìn cái bóng trờ trờ, thần sắc sầu thảm và bi thiết. Cả đời theo hầu hạ Nguyễn Đà, quan Tù Hưu chưa bao giờ thấy quan Tổng đốc sa sút tinh thần như vậy. Bây giờ, quan Tổng đốc hỏi về cái bóng, hắn nghĩ, chính là nguyên nhân của sự thay đổi kỳ quái ấy, bảo sao hắn không run sợ.

Thấy Tù Hưu cứ run rẩy, ngáp ngừng, Nguyễn Đà gắt gỏng:

- Người thấy cái bóng của ta như thế nào ?

Tù Hưu giật bắn người, ấp úng đáp:

- Tiểu nhân thấy nó vẫn vậy, đâu có gì lạ.

Nguyễn Đà bực bội hỏi tiếp:

~ Người có nhìn nó kỹ chưa ?

Tù Hưu vâng dạ, chăm chú ngắm nghía cái bóng của Nguyễn Đà lung lay trên nền nhà. Một lúc sau, hắn run giọng:

- Dạ... dạ... tiểu nhân không thấy gì lạ.

Nguyễn Đà thở ra một hơi dài, chán nản nói:

- Lão thầy bói nói rằng có kẻ kẻ cận bên ta đã ngăn cản đức độ ta, cho nên người đời không tâm phục ta.

Tù Hưu kinh hãi đến thất sắc, khụy chân, quì ngay xuống sàn, đập đầu khóc rống:

- Xin Đại nhân xét cho, tiểu nhân một lòng một dạ trung thành với ngài từ bao nhiêu năm qua.

Vừa nói Tù Hưu đập đầu “bình bình” xuống sàn nhà đến chảy máu. Giọng hắn rên rỉ thật thảm thiết.

Nguyễn Đà bực tức quát:

- Người có im đi không ?

- Dạ !

- Lão thầy bói ấy cho rằng, cái bóng của ta đã cản ngăn đức độ của ta.

- Cái bóng của đại nhân ?

Tù Hưu há hốc miệng, quên cả kêu khóc. Hắn chăm chú ngó cái bóng rồi khẽ liếc nhìn quan Tổng đốc. Tù Hưu cứ nhìn qua liếc lại.

Nguyễn Đà biết nhưng không thềm nói gì.

Một lúc sau, Tù Hưu ấp úng nói:

- Tiểu nhân không nhận thấy điều gì lạ.

Nguyễn Đà gắt gỏng:

- Đúng vậy. Cái bóng là cái bóng, ta là ta. Cái bóng từ ta mà ra. Cái bóng biết gì mà hãm hại ta.

Tù Hưu im lặng suy nghĩ. Hắn càng nghĩ càng sợ. Nếu lão già ấy nói hắn có mưu mô hại quan Tổng đốc thì ba đời nhà hắn cũng toi mạng.

Nghĩ như vậy, Tù Hưu vội lết lại gần, khẩn thiết nói:

- Thầy Bắt Bóng quá già rồi. Không ai biết ông ta bao nhiêu tuổi nhưng tiểu nhân ước chừng ông ấy phải gần chín mươi tuổi. Lão đã già như vậy, làm sao mà còn sáng suốt để dạy người khác.

Nguyễn Đà gật gù:

- Người nói cũng phải.

Tùy Hầu phấn khởi, bèn nói tiếp:

- Cái bóng của Đại nhân là từ Đại nhân mà sinh ra. Người ta thường nói, như hình với bóng, không có hình làm sao có bóng.

Nguyễn Đà cảm thấy thoải mái với lời bàn của thuộc hạ, ông thổ lộ :

- Lão nói rằng, phải giết cái bóng thì người đời mới tâm phục ta.

Tùy Hầu giật mình, liền hạ giọng nói nhỏ:

- Đại nhân chớ làm vậy. Cái bóng và Đại nhân là một. Nếu cái bóng bị giết thì... thì...

Nguyễn Đà khoác tay nói:

- Người không cần phải nói thêm. Cái bóng bị hủy diệt thì ta phải chết chứ gì.

Tùy Hầu gật đầu:

- Đúng vậy, thưa đại nhân.

Nguyễn Đà cắn chặt hàm răng, quai hàm bạnh ra, mắt mở trừng nhìn về núi Bích Kê:

- Lão thầy bói này láo thật.

Tùy Hầu cúi đầu nói:

- Lão đã phạm thượng, mưu đồ chuyện phản như vậy...

Quan Tùy Hầu cứ ấp úng, nói không ra lời.

Nguyễn Đà chăm chăm nhìn cái bóng im ỉm dưới sàn nhà. Mỗi lần ông lay động, cái lại bóng oằn oại, biến dạng trông thật quái dị. Ông đứng im thì nó cũng bất động. Nguyễn Đà nhìn cái bóng một lúc, trong lòng vừa hoài nghi vừa bức tức. Thầy Bắt Bóng đã quá già, gần đất xa trời. Lão không nói láo hay đùa cho vui. Có thể lão đã lú lẫn. Nguyễn Đà không tin như vậy. Thầy Bắt Bóng nói chuyện rất khôn ngoan, lời lẽ mực thước, chứng tỏ lão rất tinh tường. Hừ, tại sao lão che mặt, còn cái bóng của ta, nó là ta, nó vô tri vô giác, làm sao nó hại ta cho được.

Suy nghĩ miên man một hồi, Nguyễn Đà bức bối, gằn giọng:

- Lão không nên sống tiếp nữa... Tùy Hầu !

- Dạ ! Thưa đại nhân.

- Người biết phải làm gì chưa?

- Dạ ! Tiểu nhân biết rồi.

- Người hiểu ý ta, bằng cách nào cũng được, nhưng phải hành xử cho kín đáo.

Tùy Hầu gật đầu vâng dạ . Hắn ngược nhìn qua khung cửa sổ, về phía núi Bích Kê mà cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng.

Nguyễn Đà quay lưng lại, cũng nhìn về núi Bích Kê nhưng trong lòng ông cảm thấy nặng trĩu. Những lời nói của Thầy Bắt Bóng còn ngân vang bên tai và xoáy xóc trong đầu ông. Cái bóng, hừ, nó đâu biết gì, làm sao nó hại ta cho được.

Nắng xuyên qua cửa sổ càng lúc càng gay gắt. Nguyễn Đà nhìn xuống sàn. Cái bóng nằm im, đen xám, méo mó,... bất động.

Như thường lệ, sau bữa cơm chiều, thằng Côn đổ nước trà vào cái bát lớn cho Thầy Bắt Bóng. Nó cẩn thận trút cả gói thuốc bỏ vào bát nước. Nó vừa làm việc vừa mừng khấp khởi.

Mấy năm gần đây, Thầy Bất Bồng không ăn nhiều, sức khỏe suy yếu dần. Thầy ít khi ra ngoài như mọi năm trước. Suốt ngày, Thầy ngồi trong phòng. Thầy đọc nhiều sách dưới ánh đèn vàng mờ nên mắt. Thầy gần như lòa, không thấy rõ mọi vật. Do đó, hôm qua, khi quan Tùy Hầu đưa mấy gói thuốc bổ, tặng Thầy Bất Bồng, nó mừng lắm.

Thằng Côn đem nước trà cho Thầy rồi trở ra ngoài, lau chùi và dọn dẹp. Lo xong việc nhà, nó trở vào. Nó đến ngưỡng cửa, hé mắt nhìn vào trong.

Thầy Bất Bồng đã uống được nửa bát nước trà. Thầy để cái bát xuống bàn, ngồi yên lặng. Thầy nhắm nghiền hai mắt. Một lát sau, Thầy ngồi không vững, lay động như sắp ngã.

Thầy Bất Bồng cứ lắc lư một hồi lâu như vậy rồi dùng ngón tay chấm nước trà, viết mấy chữ trên bàn. Nó không hiểu Thầy viết chữ gì. Được một lúc, thằng Côn thấy máu ứa ra mũi và tai của Thầy. Dưới ánh đèn vàng mờ, màu máu trở nên đen bóng.

Máu chảy qua mang tai, xuống cằm của Thầy. Máu ứa ra mũi, thấm ướt cả tấm vải che mặt của Thầy. Máu ứa hai bên mắt, chảy dài thành dòng qua hai bên má của Thầy.

Thầy Bất Bồng lay động một hồi lâu rồi im sững. Thằng Côn cắn chặt hàm răng đến bật máu. Nó không ngờ thuốc của quan Tùy Hầu mạnh đến như vậy. Quan bảo nó là thuốc bổ để tạ Ôn cho Thầy. Hắn còn dặn dò nó đừng cho Thầy biết. Thầy là người đức cao, lòng bác ái rộng như biển cả, nếu nó nói là thuốc bổ của khách hàng dâng tặng, Thầy sẽ không nhận. Quan Tùy Hầu còn nhắc đi nhắc lại với nó như vậy. Hắn bảo, cứ bỏ thuốc bổ vào nước trà của Thầy.

Thằng Côn thấy Thầy không còn cử động nữa, bèn rón rén đi vào, cúi nhìn mấy chữ trên bàn. Màu nước trà quá nhợt nhạt nên nó không đọc được chữ. Nó nắm cườm tay Thầy. Da Thầy còn ấm nhưng mạch đã ngưng. Nó sờ mũi Thầy. Bấy giờ nó mới biết Thầy không còn thở nữa.

Thằng Côn lăn xuống đất, vật vờ, khóc rống. Nó tự cào cấu đến rách nát mặt, tươm máu khắp người.

Khóc thảm thiết một hồi lâu, thằng Côn ra ngoài, gom cây củi khô. Nó để những khúc cây lớn phía dưới, gác dọc và xếp ngang những khúc ngắn, làm thành một cái giàng vững chắc. Nó còn cẩn thận, nhét những nhánh cây khô phía dưới và chung quanh cái giàng.

Thằng Côn bắt đầu làm cái giàng từ lúc sẩm tối. Nó hì hục làm việc, mệt quá, lăn ra ngủ. Nhưng mỗi khi nó chợp mắt, cứ thấy Thầy Bất Bồng đứng bên cạnh, nhìn nó trừng trừng.

Khi thằng Côn choàng tỉnh dậy, trời rạng sáng. Mặt trời vừa lên. Nắng chiếu xiêng qua mái chòi tranh, bóng phủ chụp người thằng Côn, và trải dài đến tận cái giàng củi khô. Thằng Côn nằm sóng soài giữa sân, người ướt đầm sương đêm.

Sực nhớ tới Thầy Bất Bồng, thằng Côn khập khiễng đi vào trong. Thầy Bất Bồng vẫn ngồi yên trên ghế. Bàn tay Thầy còn gác hờ trên cạnh bàn. Côn bước lại gần, gỡ cái khăn che mặt Thầy. Khuôn mặt Thầy tái nhợt. Máu khô còn dính hai bên khóe mắt, quanh mũi, trên má, và hai bên vành tai của Thầy.

Thằng Côn vừa khóc tức tưởi, vừa cố lôi xác Thầy Bất Bồng ra ngoài. Người Thầy cứng đờ. Thằng Côn phải bẻ tay chân Thầy thẳng ra. Xương kêu răn rắc. Rồi nó lôi Thầy ra sân, để nằm trên giàng củi.

Bây giờ, thằng Côn không khóc nữa. Nó cắn chặt hàm răng, lăm lì làm việc. Khi đã đặt Thầy Bất Bồng yên vị trên giàng hỏa, nó đi vào trong lấy nửa bát nước trà còn lại.

Trời sáng tỏ. Mặt trời lên cao. Nắng bắt đầu gay gắt. Cái bóng căn chòi thu nhỏ lại, rút về phía cuối sân. Nắng chiếu nóng rát lên da thịt rách nát của thằng Côn.

Thầy Bất Bồng nằm ngay ngắn trên giàng củi. Thằng Côn đứng kế bên, lăm bầm những điều gì, không ai rõ. Một lúc sau, nó quẹt lửa, thổi vào củi. Cây khô bắt lửa thật nhanh, cháy phừng phụt. Gió thổi lên, lửa bốc phừng phừng. Thằng Côn ngược mặt lên trời cười sần sặc một hồi rồi ngửa cổ uống sạch nửa bát nước trà còn lại.

Gió tốc hết những mảnh vải trên người thằng Côn. Da nó trầy nát, máu me đầm đìa. Thịt nó chẳng còn, xương nổi cộm cộm.

Thằng Côn trợn trừng một con mắt có thể trợn được, khuyển một cánh tay có thể đung đưa được, ném cái bát vào giàng hỏa.

Lửa bốc cao, nóng hừng hực. ánh lửa loang loáng trên màu máu đỏ sẫm. Da thịt thằng Côn sáng ngời ngời. Lửa reo như tiếng xương người bẻ nát, vỡ vụn.

Thằng Côn cười như điên dại, nhảy tốc vào giàng hỏa. Nó ôm chặt cái xác Thầy Bắt Bóng. Lửa cháy xèo da thịt thằng Côn.

Lửa bẻ cong thân hình còm cõi thằng Côn. Lửa táp mặt, nuốt tóc thằng Côn. Lửa reo hòa điệu tiếng cười thảm khóc thằng Côn.

Lửa uốn éo theo cái thể cong oằn thằng Côn. Lửa... lửa... lửa...

Khói từ núi Bích Khê bốc lên đen kịt một góc trời. Dân chúng xôn xao kéo nhau đi xem. Lờn đồn đãi về một điềm xấu càng lúc càng lan rộng.

Trong dinh Tổng đốc, quan Tùy Hầu cố trấn an mọi người. Hắn không rõ khói đen vì sao mà có nhưng biết ngay sự việc đã thành tựu. Đối với hắn, đây là điềm lành.

Từ sáng sớm, quan Tổng đốc Nguyễn Đà cảm thấy không an tâm. Ông không hiểu lại sao lại có cảm giác lạ như vậy. Mặt ông nóng phừng, mụn nổi lên dày và to. Trong lòng ông nôn nao. Ông không thể đứng yên một chỗ.

Nguyễn Đà nhìn qua cửa sổ. Đột nhiên, ông thấy khói đen từ núi Bích Khê bốc lên mù mịt. Nguyễn Đà đang hoang mang không biết chuyện gì đã xảy ra thì quan Tùy Hầu đã lật đật chạy vào.

Hắn quì móp xuống, hổn hển báo cáo:

- Thưa đại nhân, mọi sự mà ngài giao phó đã thực hiện xong.

Nguyễn Đà cau mày:

- Ta đã bảo người hành xử cho kín đáo.

Tùy Hầu lết lại gần, khẩn thiết nói:

- Thưa đại nhân, không ai biết được chuyện này. Chỉ có ngài và tiểu nhân rõ mọi sự mà thôi.

Nguyễn Đà cảm thấy mỗi mết, nặng ngực, và khó thở. Ông thả người, ngồi dựa vào ghế.

Quan Tùy Hầu vẫn quì dưới sàn, nín lặng.

Nắng bên ngoài chiếu qua cửa sổ. Nguyễn Đà cảm thấy hoa mắt và choáng váng. Ông nhìn xuống sàn, đột nhiên, cái bóng không còn nữa.

Nguyễn Đà thẳng thốt hỏi:

- Bóng của ta. Cái bóng của ta đâu ?

Quan Tùy Hầu kinh ngạc, ngược lên nhìn quan Tổng đốc, rồi ngó xuống sàn nhà. Nắng soi cái bóng của Nguyễn Đà dài ngoằn trên sàn nhà.

Hắn buột miệng đáp:

- Cái bóng của Đại nhân đây mà.

Nguyễn Đà thở hổn hển:

- Bóng của ta, bóng của ta đâu rồi ?

Tùy Hầu lấp bắp:

- Đại nhân, nó đang ở trên sàn nhà.

Quan Tùy Hầu nói mấy lần mà không nghe Nguyễn Đà nói gì nữa. Hắn ngược lên nhìn.

Bấy giờ, Nguyễn Đà ngồi im trên ghế, bất động. Mặt ông nhợt nhạt, không còn chút huyết sắc nào.

Quan Tùỳ Hầu kinh hãi, quì móp xuống. Mọi khi, sắc mặt quan Tổng đốc thay đổi như vậy, hẳn thường nhận những chỉ thị tàn nhẫn. Nhưng chờ mãi vẫn không thấy quan Tổng đốc nói gì.

Tùỳ Hầu ngồi dậy, rón rén bò lại gần. Hắn đến sát bên mới biết Nguyễn Đà đã ngưng thở. Ông ngồi cúi đầu, hai tay để trên đùi, hai mắt trợn trừng, mặt tái nhợt, đầy vẻ kinh hãi.

Tùỳ Hầu hoảng hốt, vừa đi lui, vừa ú ớ. Hắn định kêu lớn nhưng mở miệng mà không nói nên lời.

Bên ngoài, mặt trời lên cao. Nắng chiếu qua cửa sổ, in bóng Nguyễn Đà dài ngoằn, bất động trên sàn nhà.

6. Chương 6

Trời vừa rạng sáng, sau chùa Bạch Vân bỗng nhiên náo động lạ lùng. Sự yên lặng thường ngày không còn nữa. Mặt trời chưa lên, ánh sáng đầu ngày chưa lóe kịp. Đồng thời, không gian vắng bật tiếng chim hót líu lo và tắt lịm cả tiếng sương rơi đều trên lá khô.

Một buổi sáng khác thường. Thay vào những âm thanh êm nhẹ của buổi sáng êm đềm, tiếng chân người kéo đi rầm rập trên con đường bọc quanh chùa, dẫn đến ngôi nhà chứa củi. Bên cạnh tiếng chân dồn dập còn có tiếng vũ khí va chạm và cả âm thanh của rất nhiều lục lạc va chạm nhau. Như thế, không phải chỉ có những người của chùa mà còn lắm kẻ lạ, mang gươm đao và dẫn theo kỵ mã.

Nằm trong ngôi nhà gỗ chứa củi, Huỳnh Độ đã nghe được những âm thanh này từ xa. Bên cạnh ông, Lão Cuồng nằm ngáy đều có vẻ ngủ say lắm.

Phía sau chùa Bạch Vân vốn vắng lặng từ bao nhiêu năm qua, ngoài hai thầy trò Lão Cuồng và Huỳnh Độ, chưa hề có ai lai vãng. Thỉnh thoảng, vài lần trong năm, nhân dịp lễ có mấy nhà sư phụ trách nấu bếp mang cho hai người vài món thức ăn. Kỳ dư, chẳng ai đoán hoài đến nơi thâm sơn, chốn khí, và hoang vu này.

Sáng nay, đột nhiên náo động như vậy chứng tỏ có chuyện khác thường, Huỳnh Độ lo sợ có chuyện gì trọng đại liên quan đến vận mạng của chùa Bạch Vân.

Tiếng chân người đi cùng những âm thanh náo động tiến đến càng lúc càng gần. Huỳnh Độ không thể diêm nhiên được nữa, ông xoay người nói nhỏ:

- Có nhiều người đi về phía chúng ta.

Huỳnh Độ nói xong, chờ một lúc, không nghe Lão Cuồng trả lời.

Bình thường, mặc dù đã già, quá trăm tuổi, Lão Cuồng vẫn tỉnh táo. Mắt Lão Cuồng sáng, tai thính, và trí não vẫn tinh anh, không khi nào lão ngủ say như vậy.

Huỳnh Độ đành phải lay lão dậy, nói lớn hơn:

- Sư phụ, có nhiều người đang đi đến.

Lão Cuồng vẫn nằm yên, đáp lại trong cơn ngáy ngủ:

- Mặc kệ họ, mấy nhà sư trong chùa đang dẫn người lạ tới mà.

Huỳnh Độ không yên tâm, nói tiếp:

- Họ mang vũ khí, chúng ta nên đề phòng.

Lão Cuồng thản nhiên, vừa ngáp vừa nói:

- Họ từ xa đến, đi đường thì phải mang vũ khí phòng thân chứ.

Huỳnh Độ gật đầu:

- Số người này đông lắm, nhưng làm sao Sư Phụ biết các sư trong chùa dẫn người đến.

Lão Cuồng bật cười:

- Ta còn biết mấy tên thầy chùa dẫn quan quân của triều đình nữa. Họ tới tìm người. Phen này chúng ta bị họ quấy rầy rồi.

Huỳnh Độ nhoài người qua, thấy Lão Cuồng nằm yên, hai mắt nhắm nghiền, nhưng tai lão đang áp xuống mặt đất. Ông mỉm cười hỏi:

- Làm sao Sư Phụ biết được người trong chùa và quan quân triều đình.

Lão Cuồng điềm nhiên giải thích:

- Sư trong chùa luôn lập võ nghệ, họ ăn rau cỏ, trái cây, mặc quần áo mỏng manh, cư ngụ trên núi, thường xuyên phải vận động đôi chân để leo trèo. Do đó thân thể họ nhẹ nhàng mà hạ bàn vững chắc. Còn quan quân triều đình hay ăn uống rượu thịt, mặc quần áo nặng nề, đeo giáp, mang vũ khí, thân họ nặng mà chân yếu. Họ đi đường xa, quan cưỡi ngựa hoặc đi kiệu còn quân đi bộ. Họ đi đứng nặng nề, tới đâu phát âm thanh náo động tới đó.

Huỳnh Độ gật đầu thán phục:

- Sư phụ hay thật.

Lão Cuồng lắc đầu:

- Không phải, ta chẳng biết gì hơn người đâu. Mấy chuyện này đơn giản thôi nhưng người không nhận biết được. Chẳng qua người để tâm vọng động, trí não bị xáo trộn bởi sự lo lắng nên sự nhận xét bị lu mờ. Tai người rời mặt đất. Người cố nghe bằng tai mà quên nghe bằng não.

Huỳnh Độ kính cẩn gật đầu:

- Cám ơn sư phụ. Người của triều đình đến tìm con chắc có chuyện trọng đại lắm.

Lão Cuồng vẫn nhắm mắt, nằm như ngủ:

- Triều đình đang gặp chuyện rắc rối nên mới đến tìm người. Ta đoán, nếu kẻ làm vua đó không bệnh nặng thì đất nước cũng đang bị tai biến. Họ không đối phó nổi nên có tên mách lẻo với vua và chúng bày mưu cố lôi kéo người về triều.

Huỳnh Độ cúi đầu suy nghĩ:

- Trong triều có biết bao nhiêu người tài giỏi, tại sao họ không hợp nhau để đối phó với tai biến mà đi tìm con làm gì.

Lão Cuồng thở hắt một hơi dài:

- Triều đình đông người, từ vua đến quan, chí quân sĩ, đều quen hưởng an nhàn của thanh bình lâu nay. Họ hưởng nhiều của cải và bổng lộc. Họ ăn uống đầy đủ và no say. Họ mặc quần áo ấm và đẹp. Họ đi kiệu, cưỡi ngựa. Họ đã quen sống trong nhung lụa, lòng ham mê danh lợi thì cao mà tinh thần lại yếu, chí đã nhục. Khi gặp chuyện gì trọng đại và khó khăn thì vua bần loạn chân tay, quan co đầu rút cổ, quân nhón nhác thối lui. Còn người, sống với ta ở nơi núi rừng này. Người không có vinh quang mà chẳng có nhục nhằn. Người không có của cải nên chẳng bị mất mát. Người không có quyền cao nên chẳng sợ mất chức. Người không ở trên ai nên chẳng ngại ngồi dưới ai. Người cùng ta sống quen đạm bạc nên chẳng sợ cực khổ. Người cùng ta không quan tâm sống chết nên chẳng sợ chết sống. Người không cố lấy thêm nên chẳng sợ mất đi. Người không vui vì được nên chẳng buồn vì mất. Nếu người đã là cát bụi thì người đâu lạ gì bụi cát.

Huỳnh Độ cúi đầu lắng nghe, ông không ngờ Lão Cuồng đã quá trăm tuổi mà tinh thần còn sáng suốt như vậy.

Biết Huỳnh Độ đang lắng nghe, Lão Cuồng nói tiếp:

- Ta phục vụ cho nước mà không vì vua. Ta cống hiến cho dân chứ không cho triều đình. Ta sinh ra từ nước và trong dân nên trở về nước và dân là hợp lẽ.

Huỳnh Độ gật đầu:

- Con xin ghi khắc lời sư phụ dạy.

Hai người nói chuyện tới đây thì tiếng chân và âm thanh huyền ảo đã tới thật gần. Phía cuối đường đã xuất hiện rất đông người.

Đúng như Lão Cuồng đã nói. Đi đầu là năm vị sư già mặc áo vàng. Vị sư già đi giữa, cầm thiền trượng, đầu hoa sen, thân hình phốp pháp, mặt hồng hào, là Phương trượng của chùa. Vị sư già bên phải cầm cây gậy sắt đen bóng, thân thể gầy gò, mặt sắc lạnh, là thủ tọa Cháp Pháp Đường. Vị sư già bên trái, cầm pho kinh sắt nặng nề, thân chỉ có da bọc xương, sắc mặt tái nhợt, là thủ tọa Tăng Kinh Các. Hai vị sư già còn lại hai bên, đều cầm thiền trượng, ốm hốc hác, là thủ tọa của La Hán Đường và Giới Pháp Viện.

Huỳnh Độ thấy cả năm vị sư già đứng đầu chùa Bạch Vân đều xuất hiện, biết có chuyện rất trọng đại. Năm người này ít khi ra khỏi chùa và càng không đi chung với nhau bao giờ. Bây giờ cả năm người đều có mặt, đủ biết tình hình nghiêm trọng biết bao.

Phía sau năm vị sư có hàng hà quan quân đứng lố nhố ở hàng đầu, Huỳnh Độ nhận ra mấy người quan trọng. Vị quan già ngồi kiệu, đi giữa, bên trái, mặc triều phục màu máu đỏ tươi, viền vàng, đội mũ cánh chuồn, mặt tươi tắn, luôn nở nụ cười, là Lễ Bộ Thượng Thư Vị quan cười ngựa, đi giữa, bên phải, thân hình cao lớn, mặc áo giáp vàng chói, đội mũ lông tua, đeo gươm, là Hình Bộ Thượng Thư Hai vị quan hai bên mặc võ phục, một đen, một trắng, đều cao dong dong, trông rắn chắc và oai hùng, là Tả Hữu Sứ Giả của triều đình. Phía sau lố nhố nhiều hàng quan nhỏ và quân sĩ, mang cờ lộng nhấp nhô.

Đoàn người đi đến cách ngôi nhà chứa củi chừng năm chục bước thì dừng lại.

Phương Trượng chùa Bạch Vân nện cây thiền trượng xuống đất, các khoen sắt đeo theo mỗi cánh hoa sen rung leng keng. Tất cả mọi người đều im phăng phắc.

Phương Trượng đồng dặc nói:

- Kính thưa tiền bối Vô Chấn và Thái Sư, bản đạo cùng Thủ Tọa các đường và viện, hướng dẫn các vị Thượng Thư và Sứ Giả của triều đình, mang chiếu chỉ của Hoàng Đế đến đây, mời hai vị ra tiếp chỉ.

Tiếng Phương Trượng lớn và mạnh, vang động cả núi rừng.

Trước và sau khi Phương Trượng nói, quảng trường đều im phăng phắc.

Chờ một lúc, không thấy động tĩnh gì trong nhà, Phương Trượng lập lại câu nói một lần nữa.

Một lúc sau, trong nhà chứa củi có một người đi ra. Đó là Huỳnh Độ. Ông mặc quần áo nâu loang lổ, trông thật lam lũ. Cách phục sức của ông trái ngược hẳn với quần áo sang trọng của những người đối diện.

Vừa thấy Huỳnh Độ, Lễ Bộ Thượng Thư bước ngay ra khỏi kiệu và Hình Bộ Thượng Thư cũng tuột xuống ngựa lập tức. Toàn thể quan quân phía sau đều đồng loạt cúi rạp, kính cẩn chào.

Hai vị Thượng Thư cúi đầu thi lễ:

- Kính chào Thái Sư, lâu nay ngài vẫn mạnh giỏi chứ.

Huỳnh Độ cúi đầu đáp lễ:

- Kính chào hai vị Thượng Thư, tôi vẫn mạnh, thật phiền cho hai vị phải đi đường xa thật vất vả.

Hai vị Thượng Thư cúi đầu nói:

- Đó là bổn phận của chúng tôi. Chẳng hay lão tiền bối mạnh khỏe chứ.

Huỳnh Độ gật đầu:

- Cám ơn hai vị, sư phụ tôi vẫn mạnh nhưng hôm nay không được khỏe lắm, xin phép được nghỉ ngơi bên trong.

Phía bên triều đình chào Huỳnh Độ kính cẩn bao nhiêu thì các nhà sư trong chùa Bạch Vân xem thường ông bấy nhiêu. Bởi vì, mặc dù lớn tuổi, nhưng theo chức phận, Lão Cuồng đứng vào hàng tối tở trong chùa. Còn Huỳnh Độ là đệ tử của một kẻ tối tở. Do đó, các nhà sư chỉ đứng thẳng người nhìn Huỳnh Độ với ánh mắt thương hại.

Đội phía triều đình chào hỏi nhau xong, Phương Trượng lớn tiếng nói:

- Kính chào các vị Thượng Thư và đại nhân, bản đạo và các bổn tọa xin phép cáo lui.

Nói xong, Phương Trượng cùng các vị sư khác lập tức xoay lưng đi ngược đường trở về chùa.

Chờ các nhà sư đi khuất, Lễ Bộ Thượng Thư ra hiệu cho thuộc hạ.

Từ phía sau, hai vị quan đi ra, một người hô lớn:

- Hoàng Thượng ban chiếu chỉ.

Người này hô xong thì chính hần và tất cả mọi người đều quì xuống. Chỉ có một người đứng là kẻ đang mang cuộn giấy sơn son thếp vàng trên cái khay ngọc. Người này chậm rãi mở cuộn giấy ra, kính cẩn và lớn tiếng đọc:

”Hoàng Đế nguyên niên năm thứ. . .

Xét vì nước nhà đang lâm cảnh lâm than, giặc hung nô phương Bắc tràn xuống quấy nhiễu trong nhiều năm qua Chúng đã giết hại dân lành, phá hủy mùa màng, và đang tràn xuống tàn sát sinh linh. Nay, xét vì cảnh nguy khốn của đất nước và lâm than của bá tánh, xét vì khả năng và bổn phận của con dân, Trẫm mong mỗi Thái Sư trở về kinh, phục hồi chức quyền, cùng nhau đánh đuổi ngoại xâm, giữ gìn bờ cõi. Trẫm mong rằng Thái Sư hãy nhanh chóng hồi kinh. Trong niềm nhớ nhung những ngày cũ, Trẫm chờ Thái Sư với tất cả lòng mong đợi.

Khâm Thủ. ”

Chiếu chỉ đã được đọc xong, mọi người trên quảng trường vẫn quì trong im lặng. Vị quan ấy cuộn chiếu chỉ lại, hô lớn một tiếng rồi lui ra sau. Tất cả mọi người đứng lên.

Lễ Bộ Thượng Thư đồng dục nói:

- Hoàng Thượng đã ban chiếu chỉ, mong Thái Sư sửa soạn lên đường.

Biết không thể từ chối được, Huỳnh Đệ cúi đầu đáp:

- Tôi xin phụng mạng hồi kinh. Thượng Thư cho tôi được phép từ giả sự phụ.

Hình Bộ Thượng Thư nghiêm giọng nói:

- Chúng tôi chờ Thái Sư từ giả lão tiền bối, mọi thứ hành trang đều đã được sửa soạn sẵn cho ngài. Hoàng Thượng trông ngóng Thái Sư bao lâu nay, xin đừng chậm trễ.

Huỳnh Đệ gật đầu vâng lệnh, quay lưng trở vào trong.

Hai quan Thượng Thư đều kính cẩn cúi đầu. Họ đều biết rằng, Huỳnh Đệ đã từng giữ chức cao, quyền trọng trong triều, ông lại là thầy của vua Qua bao nhiêu triều đại, chưa có ai được ban nhiều quyền hạn cao như Huỳnh Đệ. Ông được mặc áo hoàng bào, có quyền tiền trăm hậu tấu, được mang gươm khi lên thăm điện bên cạnh vua, hoặc lúc vào hậu cung. Khi Huỳnh Đệ hồi cung, họ sẽ dưới quyền ông. Lúc ấy, một lời của Huỳnh Đệ có thể xoay chuyển cả cuộc đời của họ.

Mọi người đều đứng im lặng chờ đợi ngoài sân.

Huỳnh Đệ trở vào trong ngôi nhà chứa củi. Ông nhìn quanh quẩn, không thấy Lão Cuồng ở đâu. Huỳnh Đệ nhớ rõ, lúc ông ra ngoài, Lão Cuồng còn nằm trên cái chiếu rách này, bên cạnh đồng rơm.

Căn nhà chứa củi nhỏ, vách gỗ đã cũ, mục nát. Lão Cuồng không thể ẩn thân chỗ nào mà Huỳnh Đệ không thấy được. Ông đảo mắt nhìn quanh. Gió lạnh thổi luồn qua vách, rung động những máng nhện, lung lay mấy cọng rơm. Căn nhà bỗng nhiên trở nên hiu quạnh lạ lùng. Lần này hồi kinh, Huỳnh Đệ không biết bao giờ trở lại. Cuộc chiến chống ngoại xâm sẽ kéo dài và gian khổ, không biết lúc nào mới dứt. Lão Cuồng đã quá già, trên trăm tuổi. Lão không thể sống mãi với đất trời và núi rừng nơi đây.

Huỳnh Đệ càng suy nghĩ càng buồn. Ông đi lẩn thẩn trong nhà, chờ Lão Cuồng trở lại.

Chợt Huỳnh Đệ thấy mấy dòng chữ dưới đất, nét sâu và thật sắc. Nền nhà tuy bằng đất nhưng trải qua bao nhiêu năm, đã cứng như đá. Thế mà, ông nhìn qua, biết ngay Lão Cuồng dùng ngón tay vạch trên đất thành chữ.

Ông lẩm nhẩm đọc:

“Người đã biết phải làm gì, không nên tìm ta và chờ đợi. ”

Huỳnh Độ đọc xong liền bước trở ra ngoài.

Ngay trước sân, một toán chừng hai mươi người đã chờ sẵn. Họ ngồi sẵn sàng trên ngựa. Hai vị Tả Hữu Sứ Giả đứng chờ, kèm một con ngựa bạch hùng tráng, phủ yên cương, hàm thiếc bằng bạc, và mấy lục lạc bằng vàng. Các quân sĩ trong toán đều mang gươm đao như sắp ứng chiến.

Hai vị Thượng Thư cúi đầu. Một vị kính cẩn nói:

- Xin mời Thái Sư lên đường.

Huỳnh Độ thấy toàn bộ quan quân chưa chuẩn bị, ông ngạc nhiên hỏi:

- Hai vị không cùng tôi trở về một lúc hay sao ?

Lễ Bộ Thượng Thư nhỏ nhẹ đáp:

- Thưa Thái Sư, ngài về trước cùng hai Sứ Giả và hai mươi quân thiện chiến bảo vệ. Hoàng Thượng đang chờ đợi ngài. Chúng tôi sẽ lục tục trở về sau. Công việc cứu quân như cứu hỏa, chúng tôi già cả, chậm lụt, không dám cản trở hành trình của ngài.

Huỳnh Độ thấy thái độ khiêm tốn của họ, cảm động nói:

- Tôi cáo từ, hai vị Thượng Thư đi sau vậy.

Hai người đồng nói:

- Thái Sư lên đường bình an.

Huỳnh Độ nín dây cương nhảy bay lên yên ngựa. Hành động ông nhẹ nhàng, tựa như lá bay.

Hai Sứ Giả liếc mắt nhìn. Họ không nói gì nhưng đưa mắt nhìn nhau, tỏ ý thán phục.

Đoàn người rời chùa Bạch Vân, xuống núi, ngày đi đêm nghỉ. Hai Sứ Giả và đoàn quân sĩ bảo vệ thật dũng mãnh. Ban ngày họ đi, đêm thay nhau, thức canh phòng cẩn thận. Người nào cũng tuân hành kỷ luật thật nghiêm chỉnh. Họ đối xử với Huỳnh Độ thật kính trọng. Bao nhiêu thức ăn ngon và quần áo ấm, cùng mọi tiện nghi, họ đều dành riêng cho Huỳnh Độ. Phần họ, chỉ hưởng cơm khô và nước lã, mặc quần áo mỏng manh.

Đến ngày thứ hai, Huỳnh Độ thấy ở góc trời, phía chùa Bạch Vân có khói đen bốc lên. Ông không biết chuyện gì xảy ra.

Hai Sứ Giả thấy Huỳnh Độ lo lắng, bèn giải thích:

- Thưa Thái Sư, có lẽ quân sĩ đốt những thứ không cần thiết và rác rưởi trước khi họ nhổ trại rời núi.

Huỳnh Độ im lặng nhưng ông không vừa ý về lời giải thích ấy. Hai Sứ Giả tuy là người cầm binh ra trận nhưng lâu nay đã xa rời quân ngũ, do đó họ thiếu kinh nghiệm chiến trường. Theo ông, trong cách điều quân và dụng binh, không nên đốt lửa và phát khói trước khi nhổ trại. Tuy nghĩ như vậy nhưng Huỳnh Độ cũng theo toán người liếp tục cuộc hành trình.

Đến chiều hôm đó, Huỳnh Độ thấy khói đen bốc lên nhiều hơn nhưng ông không nói gì.

Hai Sứ Giả ra lệnh dừng lại nghỉ đêm. Bữa cơm chiều cũng bình thường như mọi khi, hai Sứ Giả vẫn ra lệnh pha trà cho Huỳnh Độ.

Đêm đến, trong khi mọi người yên giấc, Huỳnh Độ nhìn về phía chùa Bạch Vân. Trời tối, ông không thể thấy khói đen nữa nhưng hình như có ánh sáng tỏa lên phía ấy, lửa hồng một góc trời.

Biết có chuyện bất thường xảy ra, không tổn hại cho chùa thì cũng nguy hại đến Lão Cuồng. Nhớ lại nét mặt và lời giải thích của hai Sứ Giả, Huỳnh Độ cảm thấy không yên tâm.

Đợi hai Sứ Giả và toán quân sĩ ngủ yên, Huỳnh Độ nhòm người dậy. Ông định bỏ ngựa và đoàn người, lén trở về chùa Bạch Vân.

Nhưng, đột nhiên ông vừa vận sức đứng lên đã ngã khụy xuống. Người ông không còn chút hơi sức nào.

Huỳnh Độ vừa rần sức đứng lên đã nghe tiếng Tả Sứ Giả nói nhỏ :

- Xin Thái Sư tha lỗi, bọn tiểu nhân phải đem ngài về kinh cho kịp thời hạn.

Hữu Sứ Giả cũng lên tiếng:

- Thái Sư miễn lỗi cho.

Huỳnh Độ kinh hãi, ông không sợ cho bản thân mà lo cho sự an lành của Lão Cuồng. Đối với chùa Bạch Vân, triều đình không có va chạm gì, thì không có lý do để họ gây tổn hại cho chùa. Còn Lão Cuồng, lão chưa bao giờ xúc phạm đến ai, tại sao...

Không dám nghĩ tiếp nữa, Huỳnh Độ cố giữ bình tĩnh:

- Chúng ta trở về chùa Bạch Vân, xem có chuyện gì bất trắc.

Hai Sứ Giả cùng lắc đầu:

- Không được.

Huỳnh Độ bực tức nói:

- Chúng ta quay trở về. Tôi chỉ muốn biết sự phụ tôi có gặp chuyện gì nguy hiểm hay không. Lúc ra đi, tôi không gặp được sự phụ để từ giả ông. Tôi chỉ cần thấy mặt sự phụ rồi đi ngay.

Ông vừa nói vừa gắng gượng bước tới nhưng hai chân ông không còn chút sức lực nào nên thân người cứ ngã nghiêng qua lại.

Hữu Sứ Giả đứng phắt dậy, nắm lấy một bên vai Huỳnh Độ. Hắn vừa muốn giúp mà cũng vừa muốn kìm chế ông.

Huỳnh Độ bật cười:

- Không ngờ đến từng tuổi này, ta lại mắc mưu hai vị.

Hai Sứ Giả cúi đầu:

- Bọn tiểu nhân có tội.

Huỳnh Độ thở dài:

- Hai vị bỏ thuốc vào nước trà phải không ?

Tả Sứ Giả gật đầu đáp:

- Tiểu nhân đành phải làm vậy để giữ chân Thái Sư Nếu ngài khỏe mạnh, chắc gì bọn tiểu nhân đối phó nổi.

Huỳnh Độ lắc đầu, ngao ngán hỏi:

- Có phải hoàng thượng ra lệnh làm như vậy ?

Hữu Sứ Giả lắc đầu:

- Thưa Thái Sư, không.

- Thế thì ai ra lệnh ?

- Thưa Thái Sư, tiểu nhân không được phép nói.

Huỳnh Độ xoay người cố đi tới nhưng ông không thể nhúc nhích được.

Hữu Sứ Giả nhỏ nhẹ nói:

- Xin Thái Sư đừng vận sức. Ngài càng cố sức, thuốc tác động càng mạnh. Bọn tiểu nhân chỉ thi hành lệnh, nếu để nguy hại đến tánh mạng Thái Sư, hai cái đầu này sẽ không giữ được.

Hữu Sứ Giả vừa dứt lời thì Tả Sứ Giả hô lên một tiếng. Lập tức đám quân sĩ đồng loạt đứng dậy.

Huỳnh Độ hiểu ra, bọn họ chỉ giả vờ ngủ say.

Trong khi Huỳnh Độ đang lo nghĩ, chưa biết cách nào đối phó thì đột nhiên trong đám quân sĩ có một người nhảy sổ ra ngoài.

Người này lướt nhanh đến đám ngựa rồi lăn tròn xuống đất. Trong bóng tối, mọi người chỉ thấy ánh vũ khí loang loáng. Thì ra, người ấy đang chém chân ngựa.

Đám ngựa bị chém đứt nhượng chân, vừa ngã quỵ vừa hí vang trời.

Tả Sứ Giả và đám quân xông tới để ngăn cản người ấy.

Nhưng bọn Tả Sứ Giả không kìm chế được kẻ lạ. Trong bóng đêm, người ấy di chuyển thật nhanh. Trong chốc lát, tất cả đám ngựa đều bị chém trọng thương nhân ngã hàng loạt xuống đất.

Đám Tả Sứ Giả và quân sĩ chặn bên này thì người ấy lăn qua bên kia. Họ đón phía trước thì người nọ lòn ra sau. Đám ngựa ngã xong thì đến phiên bọn quân sĩ.

Đám quân này đã được chọn lựa rất kỹ. Người nào cũng giỏi võ và thiện chiến. Nhưng họ không chống cự nổi. Từng tên bị chém đứt gân chân, té khụy xuống, kêu gào, rên xiết.

Dưới ánh trăng mờ nhạt, Huỳnh Độ thấy người ấy mặc quần áo giống hệt đám quân sĩ. Hắn bịt mắt bằng một tấm vải đen, xử dụng đao bản to chứ không phải kiếm. Điều này chứng tỏ hắn là một kẻ lạ độn nhập vào hàng ngũ của hai Sứ Giả.

Trong khoảnh khắc, trên chiến trường chỉ còn người lạ và Tả Sứ Giả. Hai người đánh quăn lầy nhau. Tả Sứ Giả dùng hai đoản kiếm để chống chọi với thanh đao của người lạ.

Huỳnh Độ biết tài nghệ của hai Sứ Giả rất cao. Họ được Hoàng Đế chọn lựa để thi hành nhiệm vụ, tất nhiên họ không phải là những người kém cỏi. Thế mà, chỉ vài phút trôi qua, Tả Sứ Giả bị áp đảo, phải thoái lui liên tục.

Thấy tình hình nguy cấp, Hữu Sứ Giả liền buông Huỳnh Độ ra, xông vào trận chiến.

Cả hai Sứ Giả đều xử dụng đoản kiếm.

Lúc bấy giờ người lạ với một đao phải chống cự với bốn đoản kiếm của hai Sứ Giả. Tuy vậy, trận chiến vẫn cầm đồng.

Đứng ngoài lướt trận một lúc, Huỳnh Độ bèn nhắc nhở:

- Đao dài mà kiếm ngắn, tại sao không lui ra mà đánh.

Người lạ cười khanh khách, âm thanh thật hào hùng:

- Đa tạ đại nhân chỉ giáo. Không ngờ, bao nhiêu năm qua đại nhân vẫn khỏe mạnh và sáng suốt.

Người lạ vừa lên tiếng, Huỳnh Độ cảm thấy sững sờ. Giọng người này thật quen thuộc, nhưng nhất thời ông không nhận ra là ai. Tất nhiên, hắn không phải là Lão Cuồng mà cũng không là bất cứ ai trong chùa Bạch Vân.

Trong khi Huỳnh Độ suy nghĩ, ngoài trận, người lạ đã lui ra sau. Hắn giữ khoảng cách xa để chiến đấu.

Quả nhiên như lời Huỳnh Độ nhắc nhở. Cuộc diện thay đổi rõ ràng, đao dài tấn công thật hiệu quả trong khi kiếm ngắn không tạo tác dụng được.

Quan sát một lúc nữa, Huỳnh Độ lại nhắc:

- Hạ bàn không vững, tại sao không đánh thấp xuống.

Hai Sứ Giả xuất thân từ chiến tướng của triều đình. Họ được huấn luyện để chiến đấu trên ngựa ngoài mặt trận. Do đó, họ giỏi về chiến thuật đánh kiếm mà kém về sự di chuyển chân.

Huỳnh Độ vừa dứt lời thì Tả Sứ Giả la lớn:

- Thái Sư, tại sao ngài giúp kẻ địch ?

Hữu Sứ Giả cũng hoảng hốt:

- Tại sao ngài theo địch chống lại triều đình ?

Huỳnh Đệ lớn tiếng nói:

- Hai vị phản ta trước. Ta thuộc triều đình chứ hai vị không phải. Hai vị bỏ thuốc hãm hại Thái Sư của triều đình, tội nặng lắm.

Tả Sứ Giả cố cãi:

- Thái Sư chưa hồi kinh, chưa được phục chức.

Huỳnh Đệ cả cười:

- Ta đã là Thái Sư từ khi chấp hành lệnh theo chiếu chỉ của Hoàng Thượng.

Hữu Sứ Giả lo sợ nói:

- Ngài nhận lệnh từ chiếu chỉ nhưng chưa được phong chức.

Hắn vừa nói tới đây đột nhiên hét lên một tiếng đau đớn rồi ngã quỵ xuống. Thì ra nhượng chân bên phải của hắn đã bị chém trúng.

Người lạ cười sảng khoái, hào khí ngất trời:

- Đại nhân giỏi thật.

Người lạ nói xong, Huỳnh Đệ nhận ngay ra hắn, ông vừa vui lại vừa cảm thấy ngậm ngùi:

- Ta đã bảo người ở lại phụng sự triều đình, tại sao người lại đến đây ?

Người lạ xuống giọng đáp:

- Tiểu nhân cãi lệnh đại nhân, tội nặng lắm.

Trong lúc nói chuyện, người lạ thiếu tập trung liền bị đoản kiếm của Tả Sứ Giả chém trúng vào mặt và đầu. Tấm khăn che mặt bị rơi xuống và miếng khăn quần đầu sổ tung ra.

Hai Sứ Giả đồng loạt la lên. Thì ra, người ấy trọc đầu.

Tả Sứ Giả quát lên:

- Người là người của chùa Bạch Vân.

Người lạ làm thỉnh lẩn tròn, tấn công vào hai chân của Tả Sứ Giả . Chỉ trong chớp lát, nhượng chân bên trái của Tả Sứ Giả cũng bị chém đứt.

Hai Sứ Giả nằm lẩn trên đất, không hề rên xiết, lại lớn tiếng thóa mạ :

- Tên thầy chùa phản nghịch kia, tại sao dám chống triều đình ? Tên trọc đầu xác xược, người thắng chúng ta vì có Thái Sư chỉ điểm.

Người lạ cười sảng sặc:

- Ta không cần biết điều đó . Ta chỉ nhớ rằng, ngày hôm nay, ta đã đánh ngã hai Sứ Giả của triều đình.

Nói xong, người ấy quay về phía Huỳnh Đệ, quì xuống bái tạ:

- Đại nhân vẫn mạnh chứ. Tiểu nhân biết tội, nhưng không làm sao khác hơn được. Khi đại nhân đi rồi, tiểu nhân phụng mạng đem trả ấn tín và kiếm cho triều đình, chia hết của cải cho dân nghèo rồi tìm đường lên núi Bạch Vân.

Huỳnh Đệ thở dài, im lặng.

Người ấy nói tiếp:

- Hơn mười năm nay, tiểu nhân giả làm một nhà sư nấu bếp để có dịp hầu hạ Thái Sư cùng tiền bối Lão Cuồng.

Huỳnh Độ xúc động nói:

- Dũng Tướng, người không nên làm như vậy.
- Tiểu nhân biết tội đã cãi lệnh đại nhân.

Nói xong, người trực đầu mặc quân phục, chính là Dũng Tướng, một thuộc hạ thân tín và tài giỏi của Huỳnh Độ, quay lại phía hai Sứ Giả :

- Bây giờ, các người đã biết ta, đừng có đổ tội cho các sư trong chùa Bạch Vân.

Tả Sứ Giả hần học nói:

- Ngày xưa, ta có nghe qua danh tiếng của người. Bây giờ đã bại dưới tay người, thật sự chúng ta không phục vì có Thái Sư chỉ điểm, chỉ tiếc là công việc mà Hoàng Thượng giao phó chưa thực hiện được.

Huỳnh Độ Ôn tồn nói:

- Hai Sứ Giả vẫn hoàn thành công việc mà . Chỉ có điều là hơi chậm trễ một chút thôi. Ta về chùa Bạch Vân để vấn an sư phụ ta rồi quay về kinh lập tức. Ta sẽ tâu với Hoàng Thượng, hai vị lập công lớn, đã hết lòng hết sức đến nỗi bị thương tật như thế này.

Hai Sứ Giả thở dài:

- Đa tạ Thái Sư, chúng tôi có tội đã phục thuốc hại ngài. Chỉ cần tịnh dưỡng, không cử động trong ba ngày, Thái Sư sẽ bình phục hoàn toàn.

Huỳnh Độ gật đầu rồi quay lại phía Dũng Tướng:

- Chúng ta về chùa Bạch Vân.

Nói xong, Huỳnh Độ định bước đi nhưng không thể nhấc chân lên được. Ông nghiêng người vừa sắp ngã thì thật nhanh, Dũng Tướng đã lao tới đưa lưng đỡ lấy ông.

Dũng Tướng công Huỳnh Độ trên lưng nhắm hướng chùa Bạch Vân chạy thẳng.

Huỳnh Độ nằm trên lưng thuộc hạ, thở dài hỏi:

- Lâu nay, người vẫn khỏe mạnh chứ.
- Đa tạ đại nhân, tiểu nhân vẫn bình thường.
- Vai trái người còn đau nhức hay không ?

Dũng Tướng xúc động đáp:

- Thỉnh thoảng tiểu nhân vẫn đau nhưng nhờ bài thuốc của đại nhân, thoa vào lại hết.
- Ồ, hết đau chỉ là tạm bợ, xương vai trái của người đã bị gãy nát, khó lòng mà hồi phục được bình thường. Nay, người từ chùa Bạch Vân theo ta đến đây phải không ?
- Thưa đại nhân, đúng vậy.
- Lúc người rời chùa, có thấy sư phụ ta hay không?
- Lúc đánh một quân sĩ ngắn xiu, giấu hẩn sau gốc cây cổ thụ, lấy quân phục để giả trang, tiểu nhân có thấy lão tiên bối trèo lên ngọn cây.
- Sư phụ ta trèo lên ngọn cây làm gì ?
- Tiểu nhân không rõ, có lẽ lão tiên bối muốn quan sát sự việc bên dưới.

Huỳnh Độ gật đầu, tự an ủi:

- Sư phụ ta là người thông minh và cơ trí lắm.

Dũng Tướng vẫn chạy đều, cố nén hơi thở, hỏn hển nói:

- Tiểu nhân có nghe lén được, các Thượng Thư cho người gom cây khô để đốt căn nhà chứa củi.

Huỳnh Độ ngạc nhiên hỏi:

- Họ đốt căn nhà chứa củi để làm gì ? Ta đã đi rồi. Sư phụ ta chỉ có căn nhà đó để cư trú.

Dũng Tướng lẩm bẩm:

- Có lẽ họ muốn hãm hại lão tiên bối.

Huỳnh Độ nóng nảy hỏi:

- Tại sao họ muốn hại sư phụ ta ?

- Tiểu nhân không biết.

Huỳnh Độ nhớ tới khói đen và ánh lửa phía chùa Bạch Vân , ông hoảng hốt nói:

- Không xong rồi, họ đã nổi lửa, không biết sư phụ ta ra sao rồi ?

Dũng Tướng gạt đầu vâng dạ, cố sức chạy nhanh hơn. Hai người đi như thế suốt ngày suốt đêm. Khi mệt, Dũng Tướng dừng lại nghỉ ngơi. Hắn lấy lương khô và nước lã, cùng Huỳnh Độ ăn uống. Bớt mệt, hắn lại công Huỳnh Độ tiếp tục cuộc hành trình.

Qua một ngày nữa, Dũng Tướng quá mệt. Hắn thở hồng hộc, mắt hoa, chân tay rã rời.

Huỳnh Độ đành phải đề nghị:

- Người để ta ở đây, rán sức về cho kịp để cứu sư phụ ta.

Dũng Tướng cố giữ hơi thở đều, nài nỉ:

- Thân phận tiểu nhân thấp hèn, các vị Thượng Thư không chịu nghe đâu. Đại nhân phải có mặt, mới mong ngăn cản được họ. Tiểu nhân vẫn khỏe mà.

Dũng Tướng vừa nói vừa hoa tay, múa chân chứng tỏ sức mạnh.

Huỳnh Độ nhìn hành động của thuộc hạ, ứa nước mắt, nhưng không biết làm cách nào khác hơn.

Thấy Huỳnh Độ bằng lòng, Dũng Tướng mừng rỡ, khom người, công ông lên lưng, nhắm hướng chùa Bạch Vân, tiếp tục chạy.

Cuộc hành trình càng lâu, Huỳnh Độ càng nóng lòng mà Dũng Tướng càng mệt.

Đến ngày thứ ba, họ đã thấy núi Bạch Vân xuất hiện sau rừng cây xanh ở chân trời.

Dũng Tướng cẩn thận, không dám thở mạnh, cố sức chạy nhanh hơn. Hắn làm vậy để Huỳnh Độ không áy náy, bắt hắn phải dừng chân. Nhưng vì thế mà Dũng Tướng càng mệt hơn.

Dũng Tướng chạy suốt đêm. Đến hừng sáng, hai người tới được sau chùa Bạch Vân.

Từ xa, Huỳnh Độ đã thấy khói đen bốc mịt mù và nghe tiếng reo hò ầm ĩ.

Còn cách ngôi nhà chứa củi chừng vài chục bước, Dũng Tướng đã té quỵ trên đất. Một chân hắn quì gối một chân duỗi ra, đầu gục xuống, nhưng vẫn giữ cho Huỳnh Độ không ngã.

Thấy khói lửa và tiếng reo hò như vậy, Huỳnh Độ biết đám quan quân đã tấn công từ lâu. Ông không dám vận sức, chỉ cố đi nhanh về phía ngôi nhà chứa củi.

Huỳnh Độ thấy hai Thượng Thư đang chỉ huy đám quân chặt cây cổ khô dưới gốc cây cổ thụ, đốt lửa phòng ngừa.

Lửa nóng tỏa ra một vùng rộng lớn còn khói đen bốc lên mù mịt một góc trời . Thân cây cổ thụ bị cháy nám còn cành lá đều bị thiêu rụi.

Huỳnh Độ nhìn lên, thấy lơ mơ một người mặc quần áo xám đang nằm trên một cành cây to.

Đám quan quân vây bọc bên dưới. Chúng không leo lên được mà chẳng có ai đủ sức nhảy tới cành cây đó.

Huỳnh Độ tính nhẩm. Từ ngày ông rời chùa đến hôm nay đã được sáu ngày. Thế thì, nếu căn cứ vào lời kể của Dũng Tướng thì Lão Cuồng đã ở trên đó, chịu đói khát đến cả sáu ngày.

Tiếng reo hò đột nhiên nhỏ dần rồi im bật. Chỉ còn tiếng lửa reo và cây khô cháy răn rạc. Bọn quan quân đã thấy Huỳnh Độ tiến dần lại nên thôi la hét. Tất cả đều quay đầu lại.

Hai vị Thượng Thư thấy Huỳnh Độ trở lại một mình, vừa ngạc nhiên vừa lo sợ. Lễ Bộ Thượng Thư cúi đầu chào, kính cẩn hỏi:

- Tại sao Thái Sư trở lại ? Còn hai vị Sứ Giả đâu rồi ?

Huỳnh Độ không trả lời, quắc mắt hỏi lại:

- Ai ra lệnh thiêu cây cổ thụ, cổ giết sứ phụ ta ?

Hai Thượng Thư nhìn nhau im lặng.

Huỳnh Độ gần hỏi:

- Ai ra lệnh ? Có phải hai vị chấp hành lệnh của Hoàng Thượng hay không ? Hoàng Thượng có ra lệnh giết sứ phụ ta hay không ?

Hình Bộ Thượng Thư ưỡn ngực nói:

- Chúng tôi ra lệnh này. Hoàng Thượng không ra lệnh giết sứ phụ của Thái Sư.

Huỳnh Độ đi tới thêm mấy bước, khoát tay ra lệnh:

- Dập tắt lửa, dẹp hết củi khô.

Thấy thái độ nghiêm trang và hùng dũng của Huỳnh Độ, đám quân sĩ đồng loạt thối lui ra sau.

Hình Bộ Thượng Thư bước tới, đối mặt với Huỳnh Độ:

- Hoàng Thượng đã ban cho chúng tôi quyền tiền trạm hậu tẩu trong công chuyện này. Thái Sư dám ngăn cản hay sao ?

Huỳnh Độ bực tức hỏi:

- Ta đã đồng ý hồi kinh. Tại sao hai ông muốn giết sứ phụ ta ?

Lễ Bộ Thượng Thư lạnh lùng đáp:

- Chính vì người này mà Thái Sư bỏ Hoàng Thượng, bỏ triều đình, bỏ cả đất nước. Nếu chúng tôi không giết ông ấy, thế nào khi xong việc, Thái Sư cũng quay về đây.

Huỳnh Độ gần từng tiếng:

- Hoàng Thượng không ra lệnh, hai ông tự tiện giết sứ phụ ta. Tội này không nhỏ đâu.

Lễ Bộ Thượng Thư vẫn cười hách dịch:

- Hoàng Thượng giao toàn quyền cho chúng tôi. Ngài có nói rằng, có thể làm bất cứ chuyện gì để Thái Sư sớm trở về kinh, giúp dân, giúp nước. Chúng tôi vì Hoàng Thượng, vì dân, vì nước mà hành xử.

Huỳnh Độ không dần được cơn giận:

- Các ông đã đi quá lỗ rồi. Các ông đã lầm. Sứ phụ ta có măn phần, ta vẫn trở về đây.

Huỳnh Độ vừa nói vừa bước tới, hô lớn:

- Dẹp hết lửa củi, mang sứ phụ ta xuống.

Hình Bộ Thượng Thư rút một thanh gươm ngắn, bao bọc vàng, giơ lên cao:

- Đây là kiếm lệnh của Hoàng Đế, ai trái lệnh ta sẽ bị chém đầu.

Đám quân sĩ đều kinh hãi, thối lui ra xa.

Huỳnh Độ vẫn bước đều tới.

Vài tùy tướng của hai Thượng Thư xông ra, án ngữ trước mặt Huỳnh Độ. Một người lớn tiếng nói:

- Xin Thái Sư lui bước, nếu không, chúng tôi đành phải thất lễ.

Huỳnh Độ mặc kệ mấy vị tướng đó, cứ đi thẳng tới.

Mấy tùy tướng của hai Thượng Thư đang luống cuống không biết phải làm sao thì đột nhiên Huỳnh Độ xé toang áo vải đang mặc, vất xuống đất.

Mọi người đồng loạt kêu lên ngạc nhiên. Trên người Huỳnh Độ lộ ra nguyên bộ áo vàng chói có thêu hình đầu rồng ở cả trước và sau. Cổ và tay áo đều có thêu nhiều hình rồng bay, phượng múa.

Các tùy tướng vừa thấy chiếc áo vàng của Huỳnh Độ đang mặc, đều thất kinh, lui hết ra xa.

Huỳnh Độ lớn tiếng hỏi:

- Các vị có biết áo này không ?

Mọi người đều im lặng.

Chờ một lúc, thấy không ai trả lời, Huỳnh Độ hỏi tiếp:

- Đây là Hoàng Y của Hoàng Đế. Thấy áo cũng như thấy người. Vị nào phạm thượng có biết tội tru di tam tộc như thế nào không ?

Huỳnh Độ vừa nói vừa bước lại gần cây cổ thụ. Lúc ấy lửa vẫn bốc cao ngàn ngút. Hơi nóng hừng hực lan rộng cả một vùng.

Nếu để Thái Sư mặc Hoàng Y phải chết trong lửa, tội nhẹ nhất cũng phải bêu đầu nên đám quân sĩ hoảng sợ, liền xông tới gạt phắt hết củi lửa ra xa. Chúng còn cẩn thận đẩy hết tro tàn ra chỗ khác.

Cả bọn xếp hàng trước mặt Huỳnh Độ, đồng loạt quì xuống.

Huỳnh Độ đồng dục ra lệnh:

- Chúng bây leo lên cây, mang sư phụ ta xuống. Ai để sư phụ ta tổn thương sẽ chịu tội xử trảm hoặc phân thân.

Đám quân sĩ vừa nghe lệnh, hết thấy kinh hoàng. Mặc kệ lời đe dọa của hai vị Thượng Thư, chúng ném dây lên những nhánh cây, cố sức trèo lên.

Hì hục thật lâu, đám quân sĩ mang được Lão Cuồng xuống.

Đã qua gần một tuần lễ nhịn đói, chịu khát, và bị hít thở khói nên Lão Cuồng kiệt sức, gần như hôn mê. Cả người lão, từ mặt mũi cho đến quần áo đều bị khói đen bám đầy.

Huỳnh Độ xách Lão Cuồng lên. Người lão mềm nhũn. Lão thở thoi thóp, chân tay buông xuôi. Người lão đã ồm, bấy giờ hai mắt lão nhắm nghiền, má hóp lại, nên càng trông thảm hại hơn. Râu tóc bạc trắng của lão đã bị khói nhuộm đen.

Huỳnh Độ mang Lão Cuồng vào nhà chứa củi, lấy vải ướt lau mặt cho lão. Huỳnh Độ lấy dao cứa mạch cườm tay, cạy miệng Lão Cuồng rồi nhỏ máu vào miệng lão.

Bên ngoài, mặt trời lên cao, nắng bắt đầu chiếu gay gắt. Hai Thượng Thư và đám quân sĩ đã dập tắt lửa, dọn dẹp củi khô, chuẩn bị trở về kinh.

Trong nhà, nuốt được máu của Huỳnh Độ, Lão Cuồng khỏe lại dần. Khoảng chừng tàn nửa cây nhang, Lão Cuồng đã hồi tỉnh.

Lão mở hé mắt nhìn Huỳnh Độ rồi nhắm mắt lại. Một lúc sau, Lão Cuồng từ từ ngồi dậy.

Huỳnh Độ lo lắng nói:

- Sư phụ hãy nằm yên tịnh dưỡng.

Lão Cuồng mỉm cười, thần sắc đã hồng hào trở lại. Lão xoay người xé một vạt áo, quấn chặt cánh tay Huỳnh Độ để ngăn máu chảy. Lão ôn tồn nói:

- Người thợ độc chưa khỏi hẳn, đừng phí sức như vậy. Hãy ngồi đây nghỉ ngơi.

Lão Cuồng đẩy Huỳnh Độ ngã lưng vào vách rồi ngồi xếp bằng, nhắm mắt, hai tay thả lỏng trên đầu gối. Cả hai ngồi yên lặng như thế, thở đều.

Một lúc sau, trên đầu Lão Cuồng có khói trắng bốc lên nghi ngút.

Lão Cuồng mấp máy môi, giọng trầm đều:

- Nâng chõ hồn vía, giữ chặt, không xa lìa. Thống trị khí thật mềm mại như trẻ sơ sinh. Quét sạch định kiến, giữ lẽ sâu xa huyền diệu, không tạo lỗi lầm. Yêu dân, sửa yên việc nước. Cửa trời mở đóng, Tạo Hóa đã tỏ rõ suốt tới bốn bề. Sinh ra mà không hiện hữu, nuôi dưỡng mà không nương cậy, thành đạt mà không làm chủ, đó là đức sâu xa.

Giọng Lão Cuồng nhỏ , lời êm dịu xuyên suốt vào não Huỳnh Độ.

- Nâng chõ hồn vía, giữ chặt, không xa lìa. Thống trị khí thật mềm mại như trẻ sơ sinh. Quét sạch định kiến, giữ lẽ sâu xa huyền diệu, không tạo lỗi lầm. Yêu dân, sửa yên việc nước. Cửa trời mở đóng, Tạo Hóa đã tỏ rõ suốt tới bốn bề. Sinh ra mà không hiện hữu, nuôi dưỡng mà không nương cậy, thành đạt mà không làm chủ, đó là đức sâu xa.

Lão Cuồng nói đều, âm trầm ấm, dịu ngọt. Nắng từ thiên đình xuyên qua mái nhà, chiếu loang lổ xuống nền đất. Gió từ cổ đại, len lỏi qua khe, lung lay những mạng nhện bên vách. Hơi ẩm tận thiên thu đổ về, ấp ủ con người.

Lời Lão Cuồng vẫn vang đều:

- Nâng chõ hồn vía, giữ chặt, không xa lìa. Thống trị khí thật mềm mại như trẻ sơ sinh. Quét sạch định kiến, giữ lẽ sâu xa huyền diệu, không tạo lỗi lầm. Yêu dân, sửa yên việc nước. Cửa trời mở đóng, Tạo Hóa đã tỏ rõ suốt tới bốn bề. Sinh ra mà không hiện hữu, nuôi dưỡng mà không nương cậy, thành đạt mà không làm chủ, đó là đức sâu xa.

Lão Cuồng nói nhỏ dần rồi im bặt. Lão ngồi thư thả, thở đều, mắt nhắm, tựa như ngủ mà không phải ngủ, không giống thức mà y như thức. Mọi động tĩnh, hay thay đổi của tình huống bên ngoài đều không thoát khỏi sự nhận biết của lão.

Thấy Lão Cuồng đã hồi phục, Huỳnh Độ đứng dậy, đi lần ra ngoài.

Hai Thượng Thư và bọn quan quân đứng xếp hàng trước sân. Họ cúi đầu, im lặng chờ đợi.

Huỳnh Độ lẳng lặng đi về phía Dũng Tướng đang quỳ bên sân.

Nắng chiếu thật gay gắt, nóng bỏng mà Dũng Tướng vẫn còn quỳ y thế ban đầu. Hai tay Dũng Tướng vẫn chịu trên đầu gối, một chân co, một chân duỗi. Quần áo Dũng Tướng ướt sũng mồ hôi. Đầu hắn gục xuống, nên không ai biết hắn thức hay ngủ.

Huỳnh Độ đến gần, lay vai Dũng Tướng:

- Người đã khổ cực quá nhiều, tại sao không vào trong ngôi nghỉ.

Không thấy Dũng Tướng cử động hay nói năng gì, Huỳnh Độ lay hắn mạnh hơn:

- Người vào trong kia tịnh dưỡng rồi cùng ta trở về kinh.

Vẫn không thấy Dũng Tướng cự cự hoặc đáp lại, Huỳnh Độ hoảng hốt nâng đầu hắn lên.

Dưới ánh nắng chói chan và rực rỡ, tóc Dũng Tướng còn ướt đầm đìa mồ hôi, mắt hắn vẫn mở lớn nhưng đã đứng tròng.

Huỳnh Độ quỳ xuống bên cạnh, ôm Dũng Tướng vào lòng. Ông ngược mặt lên trời, thở hắt ra, hai hàng nước mắt tuôn tràn.

Ánh mặt trời chói rọi nhưng mắt Huỳnh Đệ cay xè không phải vì sức nóng đó mà chính do nỗi đau đớn trong lòng. Người thuộc hạ trung kiên suốt đời tận tụy vì chủ và sự hi sinh cuối cùng đó đã xoắn tim Huỳnh Đệ lại. Con đau tưởng chừng phá tung cả lồng ngực ông. Huỳnh Đệ há to miệng, phun máu lên trời, hú thảm thiết. Tiếng kêu bi thương kéo dài mãi liệt.

Hai Thượng Thư và bọn quan quân tiến lại gần nhưng không ai dám chạm vào người Huỳnh Đệ. Họ thẳng thốt đứng nhìn.

Máu miệng Huỳnh Đệ tuôn ồ ộc, nhuộm đỏ cả hoàng ỵ. Màu vàng rực rỡ của áo tẩm máu đỏ trở thành nâu sẫm, bóng ngời dưới ánh mặt trời.

Trong lúc mọi người hoang mang không biết phải làm gì thì đột nhiên một bóng xám từ trong nhà chứa củi lao ra. Đám quan quân phải thối lui lại.

Người ấy là Lão Cuồng. Người lão lướt như bay. Vạt áo xám còn nhuộm khói đen rung phần phật. Mớ tóc bạc đã biến thành xám xịt bay lất phất trong gió.

Lão Cuồng tiến đến gần, một tay nắm cổ áo Huỳnh Đệ, một tay thộp lưng áo Dũng Tướng. Hai tay xách hai người. Lão Cuồng bay lướt lên trời.

Hai Thượng Thư và quan quân ngơ ngác ngược lên nhìn.

Bỗng nhiên họ thấy ánh mặt trời bị một bóng mờ che khuất và đầu họ bị ai đó đập lên thật mạnh.

Thì ra, Lão Cuồng xách Huỳnh Đệ và Dũng Tướng đã đập lên đầu hai Thượng Thư và đám quân sĩ mà chạy. Lão vừa chạy vừa hú, lướt bay xuống núi, tiến về phía kinh độ. Tiếng hú vừa trầm vừa lớn.

Đám quan quân kinh hoàng, hai tai lùng bùng như màng nhĩ sắp thủng.

Lão Cuồng đã đi xa mà tiếng hú còn vang lồng lộng.

Đám quan quân lục tục nhổ trại trở về kinh.

Chùa Bạch Vân trở lại tịch mịch như tự bao giờ. Sau chùa Bạch Vân càng vắng lặng hơn.

Từ nay, không còn ai quét lá sau chùa nữa.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/su-phu>